

LỜI MỞ ĐẦU

Trong những năm gần đây, cùng với sự đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, các doanh nghiệp ở nước ta đã đi vào thực hiện hạch toán kinh tế đảm bảo nguyên tắc tự trang trải và có lãi. Các doanh nghiệp phải từng bước nâng cao công tác quản lý, tăng cường hạch toán kinh tế nội bộ, thực hiện triệt để công tác tiết kiệm trong sản xuất kinh doanh.

Do đó vấn đề chi phí, doanh thu và kết quả kinh doanh là thường xuyên được đặt ra đối với tất cả các đơn vị kinh tế trong nền kinh tế quốc dân.

Nếu như trước đây, trong cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hóa tập trung, tổ chức hạch toán chi phí, doanh thu và kết quả ở các đơn vị kinh tế được Nhà nước "lo" cho hầu như toàn bộ: kinh doanh có lãi thì đơn vị được hưởng còn thua lỗ thì Nhà nước chịu. Nhưng sang cơ chế quản lý kinh tế mới" cơ chế vận hành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ quản lý khác" thì việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả sản xuất kinh doanh trở nên vô cùng quan trọng.

Doanh nghiệp nào sản xuất kinh doanh tốt, bán được sản phẩm sản xuất ra, doanh thu cao, tổ chức theo dõi hạch toán đầy đủ chi phí bỏ ra, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh và xác định kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì doanh nghiệp đó thu được nhiều lãi và ngược lại doanh nghiệp sản xuất không tốt, không bán được sản phẩm, doanh thu sẽ thấp, các chi phí bỏ ra theo dõi hạch toán không đầy đủ, lãng phí doanh nghiệp đó sẽ không có lãi hoặc ít lãi dẫn đến sẽ phá sản. Trên thực tế nền kinh tế quốc dân đã và đang cho thấy rõ điều đó.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, trong quá trình thực tập ở Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng, em đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu doanh

thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty và chọn đề tài khoá luận tốt nghiệp là : "**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Petrolimex Hải Phòng**".

Kết cấu của khóa luận được bố cục 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh và hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.

Chương 3: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.

MỤC LỤC

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1. Một số nét về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh.

1.1.1. Về doanh thu của doanh nghiệp.

1.1.1.1. Khái niệm doanh thu và của doanh nghiệp.

1.1.1.2. Vai trò, vị trí của doanh thu đối với doanh nghiệp.

1.1.1.3. Các loại doanh thu và phương pháp xác định doanh thu.

1.1.1.3.1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.1.1.3.2. Doanh thu hoạt động tài chính

1.1.1.3.1. Doanh thu thu nhập khác

1.1.2. Về chi phí cho hàng bán ra.

1.1.2.1. Khái niệm, vị trí, vai trò của chi phí

1.1.2.2. Các loại chi phí

1.1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

1.1.3.1. Khái niệm

1.1.3.2. Ý nghĩa, vai trò, tác dụng của việc xác định kết quả kinh doanh.

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.

1.2. Kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh

1.2.1. Kế toán doanh thu.

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.2.1.2. Doanh thu hoạt động tài chính

1.2.1.3. Kế toán thu nhập khác

- 1.2.2. Kế toán chi phí.
- 1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán.
- 1.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng.
- 1.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp
- 1.2.2.4. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.
- 1.2.2.5. Kế toán chi phí khác.
- 1.2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG.

2.1. Khái quát chung về Công ty.

- 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.
- 2.1.2. Tên, trụ sở chính của Công ty.
- 2.1.3. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - 2.1.3.1. Chức năng
 - 2.1.3.2. Nhiệm vụ:
 - 2.1.3.3. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty qua các năm 2007, 2008, 2009.
- 2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của doanh nghiệp.
- 2.1.5. Mô hình bộ máy kế toán tại Công ty.
 - 2.1.5.1. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán
 - 2.1.5.2. Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty PTS
 - 2.1.5.3. Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.

2.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.

- 2.2.1. Tình hình chung về kế toán bán hàng của Công ty PTS
 - 2.2.1.1. Đặc điểm bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty PTS
 - 2.2.1.2. Phương thức cung cấp dịch vụ và thu tiền áp dụng tại công ty
- 2.2.2. Tổ chức kế toán về doanh thu
 - 2.2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng.
 - 2.2.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.
 - 2.2.2.3. Kế toán thu nhập khác.
- 2.2.3. Tổ chức kế toán chi phí tại Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.
 - 2.2.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán.
 - 2.2.3.2. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng
 - 2.2.3.3. Kế toán chi phí tài chính.
 - 2.2.3.4. Kế toán chi phí khác.
 - 2.2.3.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- 2.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.

CHƯƠNG III

HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ petrolimex Hải Phòng

- 3.1.1. Ưu điểm.
- 3.1.2. Hạn chế

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

3.3. Mục đích và yêu cầu của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng

3.4. Những ý kiến của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng

3.4.1. Ý kiến 1: Hoàn thiện hệ thống chứng từ kế toán

3.4.2. Ý kiến 2: Hoàn thiện kế toán xác định kết quả kinh doanh

3.4.3. Ý kiến 3: Hoàn thiện hệ thống tài khoản kế toán

3.4.4. Ý kiến 4: Tổ chức nâng cao trình độ sử dụng phần mềm vi tính của đội ngũ kế toán

3.4.5. Ý kiến 5: Hoàn thiện về nhân sự

3.5. Ý nghĩa của việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

KẾT LUẬN

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.3. Một số nét về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh.

1.3.1. Về doanh thu của doanh nghiệp.

1.3.1.1. Khái niệm doanh thu của doanh nghiệp.

Doanh thu: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

1.3.1.2. Vai trò, vị trí của doanh thu đối với doanh nghiệp.

Doanh thu là cơ sở để có kết quả kinh doanh, nó có vai trò rất quan trọng, không chỉ đối với mỗi đơn vị kinh tế mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Đối với quá trình tiêu thụ, nếu tiêu thụ tốt sẽ góp phần làm tăng doanh thu, tăng tốc độ chu chuyển vốn của doanh nghiệp, làm cho đồng vốn kinh doanh không bị ứ đọng, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất tiếp theo.

Qua quá trình tiêu thụ, doanh nghiệp thu về khoản doanh thu bán hàng. Đây là nguồn thu quan trọng, chủ yếu của doanh nghiệp để bù đắp chi phí, trang trải cho số vốn bỏ ra, thanh toán lương, làm tròn nghĩa vụ đóng thuế với Nhà nước.

Đối với các doanh nghiệp, doanh thu bao gồm nhiều loại khác nhau. Trong đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của doanh nghiệp.

Doanh thu là nguồn tài chính, một trong những yếu tố để doanh nghiệp làm tăng vốn chủ sở hữu, có thể tham gia vốn góp cổ phần, liên doanh, liên kết với các đơn vị khác, đầu tư vào công ty con.

Doanh thu còn là đòn bẩy kinh tế làm tăng thu nhập của doanh nghiệp, của người lao động có tác dụng khuyến khích người lao động và các đơn vị ra sức phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình.

1.1.1.3. Các loại doanh thu và phương pháp xác định doanh thu.

1.1.1.3.2. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

❖ *Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ và doanh thu tiêu thụ nội bộ.*

➤ ***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:*** Là tổng giá trị thực hiện được thực hiện do việc bán hàng hoá, sản phẩm cung cấp lao vụ, dịch vụ cho khách hàng. Tổng số doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hoá đơn, trên hợp đồng cung cấp lao vụ, dịch vụ.

- Doanh thu bán hàng sẽ được ghi nhận khi tất cả các điều kiện sau được thoả mãn:

Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hoá cho người mua.

Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như là người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.

Giá trị các khoản doanh thu được xác định một cách chắc chắn.

Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Với mỗi phương thức bán hàng thì thời điểm ghi nhận doanh thu được thực hiện khác nhau:

- Trường hợp bán lẻ hàng hoá: Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm nhận báo cáo bán hàng của nhân viên bán hàng.

- Trường hợp gửi đại lý bán hàng: Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm nhận bán hàng do bên đại lý gửi.

- Trường hợp bán buôn qua kho và bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức giao trực tiếp thì thời điểm hàng hoá được xác nhận là tiêu thụ và doanh thu được ghi nhận là khi đại diện bên mua ký nhận đủ hàng, đã thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận nợ.

Trường hợp bán buôn qua kho, bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức chuyển hàng thì thời điểm ghi nhận doanh thu là khi thu tiền của bên mua hoặc khi bên mua chấp nhận thanh toán tiền.

➤ **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hoá, sản phẩm cung cấp dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp.

Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty,...

❖ **Các khoản giảm trừ doanh thu:**

➤ **Chiết khấu thương mại:** Là số tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua do mua hàng hoá, dịch vụ với số lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua, bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

➤ **Giảm giá hàng bán:** Là số tiền giảm trừ do khách hàng ngoài hoá đơn hay hợp đồng cung cấp dịch vụ do các nguyên nhân đặc biệt như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng...(do chủ quan doanh nghiệp). Ngoài ra tính vào khoản giảm giá hàng bán còn bao gồm các khoản thưởng khách hàng trong một thời gian nhất định đã tiến hành mua một khối lượng hàng hoá trong một đợt.

➤ **Hàng bán bị trả lại:** Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển giao quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do người bán không tôn trọng hợp đồng kinh tế đã ký kết, không phù hợp với yêu cầu tiêu chuẩn, quy cách kỹ thuật, hàng kém phẩm chất, không đúng chủng loại... Tương ứng với hàng bán bị trả lại là giá vốn hàng bán bị trả lại (tính theo giá vốn khi bán) và doanh thu của hàng bán bị trả lại cùng với thuế GTGT đầu ra phải nộp của hàng bán bị trả lại.

❖ **Công thức xác định doanh thu:**

Doanh thu thuần = Doanh thu - Các khoản giảm trừ doanh thu

1.1.1.3.3. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập từ hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp...

Đối với khoản doanh thu từ mua, bán chứng khoán doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá gốc.

Đối với doanh thu từ việc mua, bán ngoại tệ doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch lãi giữa giá bán ra và mua vào...

1.1.1.3.4. Doanh thu thu nhập khác:

Doanh thu thu nhập khác là tổng giá trị lợi ích kinh tế khác mà doanh nghiệp thu được ngoài doanh thu bán hàng và doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu thu nhập khác gồm: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; thu tiền phạt do vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xoá sổ, thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, các khoản thu nhập khác...

1.1.2. Về chi phí cho hàng bán ra.

1.1.2.1. Khái niệm, vị trí, vai trò của chi phí

❖ **Khái niệm**

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định.

❖ **Vai trò, vị trí của chi phí**

- Chi phí là yếu tố để tạo ra doanh thu, nó được đối trừ với doanh thu để xác định kết quả kinh doanh, do đó cũng như doanh thu, nó được trình bày theo tính chất của các hoạt động mà nó được phát sinh ra từ hoạt động đó.
- Chi phí trong doanh nghiệp được phản ánh là chi phí sản xuất kinh doanh (đối với doanh nghiệp sản xuất kinh doanh), giá thành sản phẩm, dịch vụ (đối với doanh nghiệp thương mại, dịch vụ); phản ánh giá trị hàng hoá, vật tư mua vào, trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ bán ra; phản ánh chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuộc các ngành, các thành phần kinh tế.
- Chi phí có vai trò quan trọng trong các doanh nghiệp vì chi phí là các khoản mà công ty phải chi trả cho các hoạt động bán hàng, hoạt động tài chính, và hoạt động khác. Nếu công ty biết cách chi tiêu hợp lý sẽ mang lại nhiều lợi ích cho công ty, giúp công ty thu được lợi nhuận cao nhất.

1.1.2.2. Các loại chi phí

❖ Giá vốn hàng bán:

➤ Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, hoặc giá thành sản xuất (đối với doanh nghiệp sản xuất), giá thành sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Giá vốn hàng bán còn là các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn), chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư,...

➤ Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong các khoản chi phí của doanh nghiệp. Giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm (đối với doanh nghiệp sản xuất), là giá mua hàng hoá cộng với chi phí thu mua hàng hoá (đối với doanh nghiệp thương mại), là chi phí về lao vụ, dịch vụ tiêu thụ (đối với doanh nghiệp dịch vụ).

➤ Việc xác định giá vốn hàng bán là hết sức quan trọng, nó có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh, đặc biệt trong nền kinh tế thị trường hiện nay còn nhiều biến động thì các doanh nghiệp càng phải quan tâm trong việc lựa chọn phương pháp xác định giá vốn của hàng hoá theo quy định của Bộ tài chính.

❖ ***Chi phí bán hàng:***

Là bộ phận của chi phí lưu thông phát sinh dưới hình thái tiền tệ để thực hiện các nghiệp vụ bán hàng hoá. Chi phí bán hàng bao gồm các khoản chi phí phát sinh có liên quan đến hoạt động tiêu thụ như: Chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vận chuyển, bao bì, hàng hoá trả đại lý...

❖ ***Chi phí quản lý doanh nghiệp:***

➤ Là một loại chi phí thời kỳ được tính khi hạch toán lợi tức thuần. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi chung cho quản lý văn phòng và các khoản kinh doanh của doanh nghiệp cũng như chi lương nhân viên quản lý, đồ dung văn phòng, chi tiếp khách, công tác phí...

➤ Chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ: Là các khoản chi phí sau khi được tập hợp chung cho toàn doanh nghiệp sẽ được phân bổ cho hàng bán ra theo một tỷ lệ nhất định và tùy theo đặc điểm của từng doanh nghiệp mà kế toán có thể lựa chọn các tiêu thức phân bổ như: phân bổ theo doanh số, phân bổ theo chi phí, phân bổ theo lương nhân viên... sao cho phù hợp.

❖ ***Chi phí hoạt động tài chính:***

Bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,... khoản nhập và các khoản nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,..

❖ ***Chi phí khác:***

Bao gồm Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có); Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác; Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; Bị phạt thuế, truy nộp thuế; Các khoản chi phí khác.

1.1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

.1.3.1. Khái niệm

➤ Kết quả kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu (doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu thu nhập khác) và các chi phí (giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác)

➤ Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận từ hoạt động tài chính và lợi nhuận khác.

$$\begin{array}{r} \text{Lợi nhuận từ} \\ \text{hoạt động kinh} \\ \text{doanh} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu thuần} \\ \text{về bán hàng và} \\ \text{cung cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{bán} \\ \text{hàng} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{doanh} \\ \text{nghiệp} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{Lợi nhuận từ hoạt động} \\ \text{tài chính} \end{array} = \text{Doanh thu tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

$$\begin{array}{r} \text{Lợi nhuận từ hoạt} \\ \text{động khác} \end{array} = \text{Doanh thu từ thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

➤ Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ sản xuất kinh doanh nếu lãi là có hiệu quả, nếu lỗ là chưa có hiệu quả. Kết quả kinh doanh có lãi sẽ được phân phối, sử dụng theo những mục đích nhất định, theo quy định của cơ chế tài

chính như: làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước, chia lãi cho các bên liên doanh, chia cổ tức cho các cổ đông, để lại cho doanh nghiệp để hình thành các quỹ và bổ sung nguồn vốn.

.1.3.2. Ý nghĩa, vai trò, tác dụng của việc xác định kết quả kinh doanh.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển đều phải hoạt động theo quy tắc “ lấy thu bù chi và có lãi”. Lãi là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng của các doanh nghiệp, nó thể hiện kết quả kinh doanh và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh và việc so sánh doanh thu thu được với chi phí bỏ ra phục vụ cho sản xuất kinh doanh nếu doanh thu lớn hơn chi phí thì doanh nghiệp có lãi và ngược lại doanh nghiệp sẽ bị lỗ. Việc xác định kết quả kinh doanh được làm vào cuối quý, cuối năm tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là một chỉ tiêu kinh tế quan trọng không chỉ cần thiết cho doanh nghiệp mà còn cần thiết cho các đối tượng khác cần quan tâm như các nhà đầu tư, ngân hàng, người lao động, nhà quản lý,...

Với việc xác định kết quả kinh doanh là cơ sở xác định các chỉ tiêu kinh tế tài chính, đánh giá tình hình của doanh nghiệp, xác định số vòng luân chuyển vốn, xác định tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp.... Ngoài ra nó còn là cơ sở để xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước, xác định cơ cấu phân chia và sử dụng các quỹ hợp lý, giải quyết hài hòa giữa các lợi ích kinh tế Nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động.

Tóm lại, kết quả kinh doanh có ý nghĩa sống còn với doanh nghiệp, tránh hiện tượng “ lãi giả, lỗ thật”. Hơn nữa nó còn có ý nghĩa với toàn bộ nền kinh tế quốc dân giúp cho các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết ở tầm vĩ mô được

tốt hơn, tạo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.

- Tổ chức theo dõi, ghi chép, phản ánh chính xác đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ tình hình Nhập - xuất - tồn kho của từng loại hàng hoá trên cả hai mặt hiện vật và giá trị.

- Tham gia kiểm kê, đánh giá, lập báo cáo về tình hình tiêu thụ sản phẩm, kết quả bán hàng và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp.

- Xác định đúng và tập hợp chi phí bán hàng phát sinh trong quá trình bán hàng cũng như chi phí quản lý doanh nghiệp, phân bổ chi phí cho các loại hàng tiêu thụ hợp lý để xác định kết quả bán hàng.

- Xác định chính xác giá mua thực tế (giá gốc) của lượng hàng đã bán đồng thời phân bổ chi phí thu mua cho hàng bán nhằm xác định kết quả bán hàng.

- Theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời tổng giá thanh toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hoá đơn, từng khách hàng, từng đơn vị trực thuộc.

- Xác định đúng thời điểm hàng hoá được coi là tiêu thụ để kịp thời lập báo cáo bán hàng và phản ánh doanh thu. Báo cáo thường xuyên, kịp thời tình hình bán hàng và thanh toán với khách hàng chi tiết từng loại, từng hợp đồng kinh tế nhằm giám sát chặt chẽ hàng bán về số lượng chất lượng chủng loại, đôn đốc thu tiền khách hàng về nhập quỹ.

- Tổ chức hệ thống chứng từ ban đầu và trình tự luân chuyển chứng từ hợp lý. Các chứng từ ban đầu phải đầy đủ, luân chuyển khoa học hợp lý, không quá phức tạp mà vẫn đảm bảo yêu cầu quản lý, nâng cao hiệu quả công tác kế toán.

- Lập và báo cáo kết quả bán hàng đúng chế độ, kịp thời cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan, đồng thời tiến hành phân tích kinh tế đối

với hoạt động bán hàng và xác định kết quả bán hàng, từ đó tham mưu cho ban lãnh đạo về các giải pháp nhằm thúc đẩy quá trình bán hàng.

Tóm lại, kế toán phải xác định, tính toán chính xác doanh thu, chính xác chi phí để xác định chính xác kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

.2. Kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.

Hiện nay, theo Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành, có hai phương pháp hạch toán hàng tồn kho, đó là: phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ. Trong đó, doanh nghiệp có thể áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ hoặc tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hay có thể áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ hoặc tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

Trong luận văn này, em xin đi sâu trình bày về doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, còn các phương pháp khác do không có điều kiện, thời gian nên em không đề cập tới.

1.2.1. Kế toán doanh thu.

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ,

❖ Các hoạt động bán hàng và thanh toán.

Các doanh nghiệp dù là doanh nghiệp sản xuất hoặc doanh nghiệp thương mại, dịch vụ để khẳng định sự tồn tại và hoạt động của mình thì điều quan trọng trước tiên là phải tiêu thụ được sản phẩm. Tiêu thụ hàng hoá là quá trình doanh nghiệp thực hiện việc chuyển hoá vốn sản xuất kinh doanh của mình từ hình thái hàng hoá sang hình thái giá trị, thực hiện giá trị và giá trị sử dụng của hàng hoá thông qua quan hệ trao đổi.

Một số vấn đề tiêu thụ coi như hoàn thành khi:

+ Giao hàng cho người mua.

+ Người mua đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán.

➤ ***Phương thức bán hàng:***

Có ảnh hưởng trực tiếp đến việc sử dụng các tài khoản kế toán, phản ánh tình hình xuất kho thành phẩm hàng hoá có tính quyết định đến việc xác định thời điểm bán hàng hình thành doanh thu, giảm thiểu chi phí để tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Hiện nay có những phương thức bán hàng cơ bản sau:

• ***Phương thức tiêu thụ trực tiếp:***

Theo phương thức này, hàng được giao trực tiếp cho người mua tại kho (hoặc trực tiếp tại các phân xưởng không qua kho) của doanh nghiệp. Số hàng sau khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và người bán mất quyền sở hữu về số hàng này. Người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán số hàng người bán giao.

• ***Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng:***

Theo phương thức này doanh nghiệp xuất kho hàng gửi đi bán cho khách hàng theo hợp đồng đã ký giữa hai bên. Khi hàng xuất kho gửi bán thì hàng chưa được coi là tiêu thụ, số hàng gửi đi vẫn thuộc sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi đó hàng hoá thành phẩm mới chuyển quyền sở hữu và khi đó doanh nghiệp mới được ghi nhận doanh thu.

• ***Phương thức tiêu thụ đại lý (ký gửi):***

Theo phương thức này bên bán hàng (gọi là bên đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý, ký gửi (gọi là bên đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

Theo luật thuế GTGT, nếu bên đại lý bán hàng theo đúng giá do bên giao đại lý quy định và phần hoa hồng được hưởng theo tỷ lệ thoả thuận theo doanh thu chưa có thuế thì thuế GTGT sẽ do chủ hàng chịu, bên đại lý sẽ không phải nộp thuế GTGT trên phần hoa hồng được hưởng. Ngược lại nếu bên đại lý hưởng hoa hồng theo tỷ lệ thoả

thuận trên tổng giá thanh toán (gồm cả thuế GTGT) hoặc bên đại lý hưởng khoản chênh lệch giá thì bên đại lý sẽ phải chịu thuế GTGT tính trên phần giá trị tăng này, bên chủ hàng chỉ chịu thuế GTGT trong phạm vi doanh thu của mình.

- *Phương thức bán trả chậm, trả góp:*

Theo phương thức này khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng. Khoản lãi do bán trả góp không được phản ánh vào tài khoản doanh thu (TK 511) mà được hạch toán như một khoản doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp (TK 515). Doanh thu bán hàng trả góp phản ánh vào TK 511 được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền một lần.

- *Phương thức tiêu thụ nội bộ:*

Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ giữa các đơn vị chính với các đơn vị trực thuộc hay giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một công ty, tổng công ty... Ngoài ra tiêu thụ nội bộ còn bao gồm các sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ xuất biểu tặng, xuất trả lương, thưởng, xuất dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh... Các doanh nghiệp luôn phải lựa chọn phương thức tiêu thụ cho hợp lý, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh đơn vị mình nhằm đem lại hiệu quả cao với chi phí bỏ ra là nhỏ nhất.

➤ *Các phương thức thanh toán chủ yếu:*

Hiện nay có hai phương thức thanh toán được sử dụng nhiều nhất trong các doanh nghiệp là:

- *Thanh toán trực tiếp:* Là hình thức thanh toán bằng tiền mặt được thực hiện giữa người mua và người bán.
- *Thanh toán gián tiếp:* Là hình thức thanh toán bằng cách chuyển tiền từ tài khoản của Công ty hay bù trừ công nợ giữa các đơn vị thông qua cơ quan

trung gian là nguồn hàng, ngân hàng là trung tâm thanh toán không dung tiền mặt.

❖ **Kế toán chi tiết doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

Bán hàng: bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư.

Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

➤ *Chứng từ sử dụng:*

+ Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTKT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

+ Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTGT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

+ Bản thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 14 – BH).

+ Thẻ quầy hàng (Mẫu 15 – BH).

+ Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...)

+ Tờ khai thuế GTGT (Mẫu 07A/GTGT).

+ Các chứng từ kế toán liên quan khác như: Phiếu xuất kho, nhập kho, hàng trả lại, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ,...

❖ **Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

➤ *Tài khoản sử dụng:*

+ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản 511 có 5 tài khoản cấp 2:

- . TK 5111 - Doanh thu bán hàng hoá
- . TK 5112 - Doanh thu bán thành phẩm.
- . TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- . TK 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá.
- . TK 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.
- + TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ.

Tài khoản này có 3 tài khoản cấp 2.

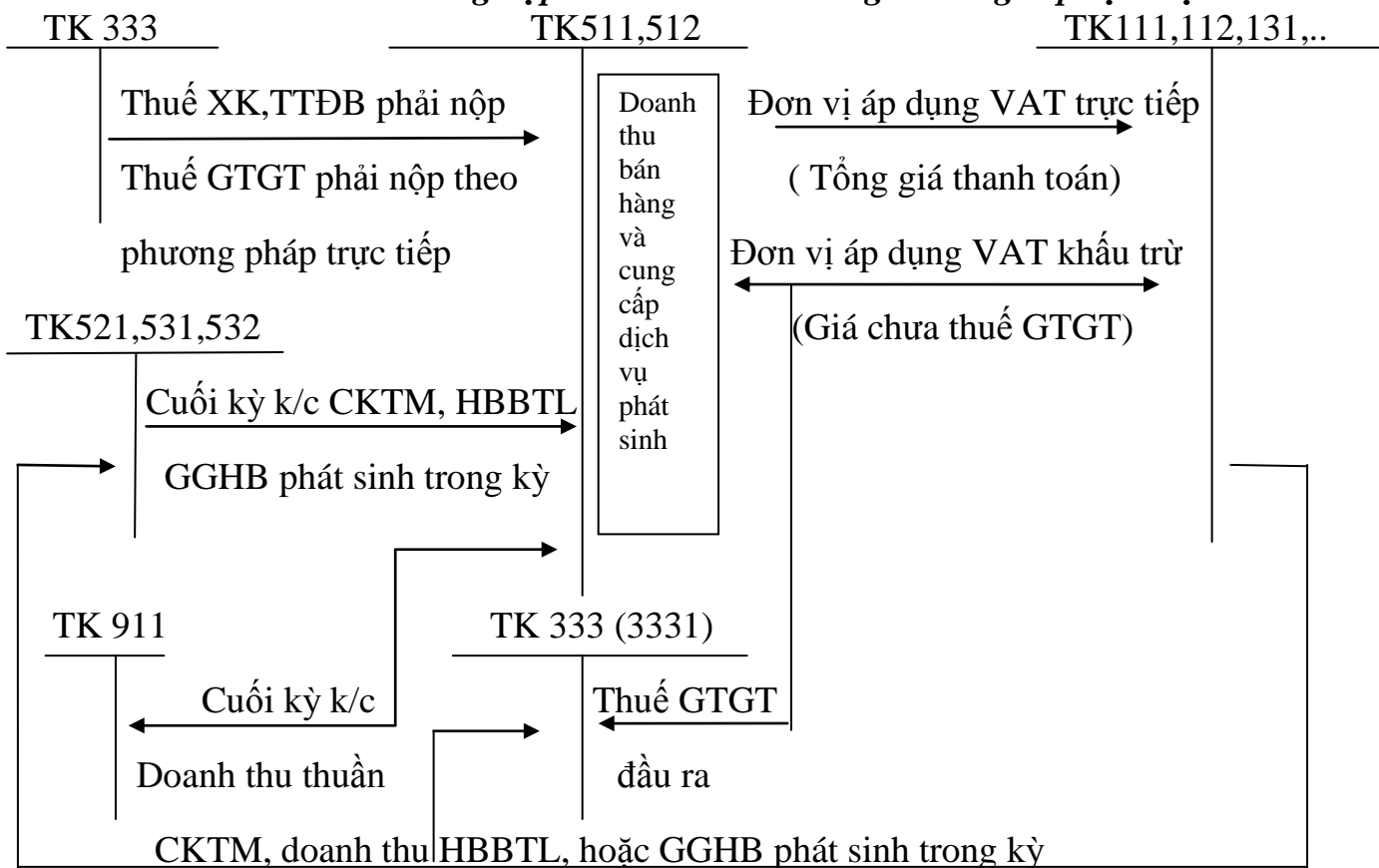
- . TK 5121 – Doanh thu bán hàng hoá.
- . TK 5122 – Doanh thu bán thành phẩm.
- . TK 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ.

➤ *Kết cấu tài khoản 511, 512.*

Nợ	TK 511, 512	Có
- Các khoản khấu trừ doanh thu theo chế độ		- Doanh thu bán hàng theo hợp đồng kỳ hạch toán (giá bán chưa thuế nếu nộp thuế GTGT theo PP khấu trừ hoặc có thuế theo PP trực tiếp
- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911		
Tổng SPS bên Nợ		Tổng SPS bên Có

Tài khoản 511, 512 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.1: Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

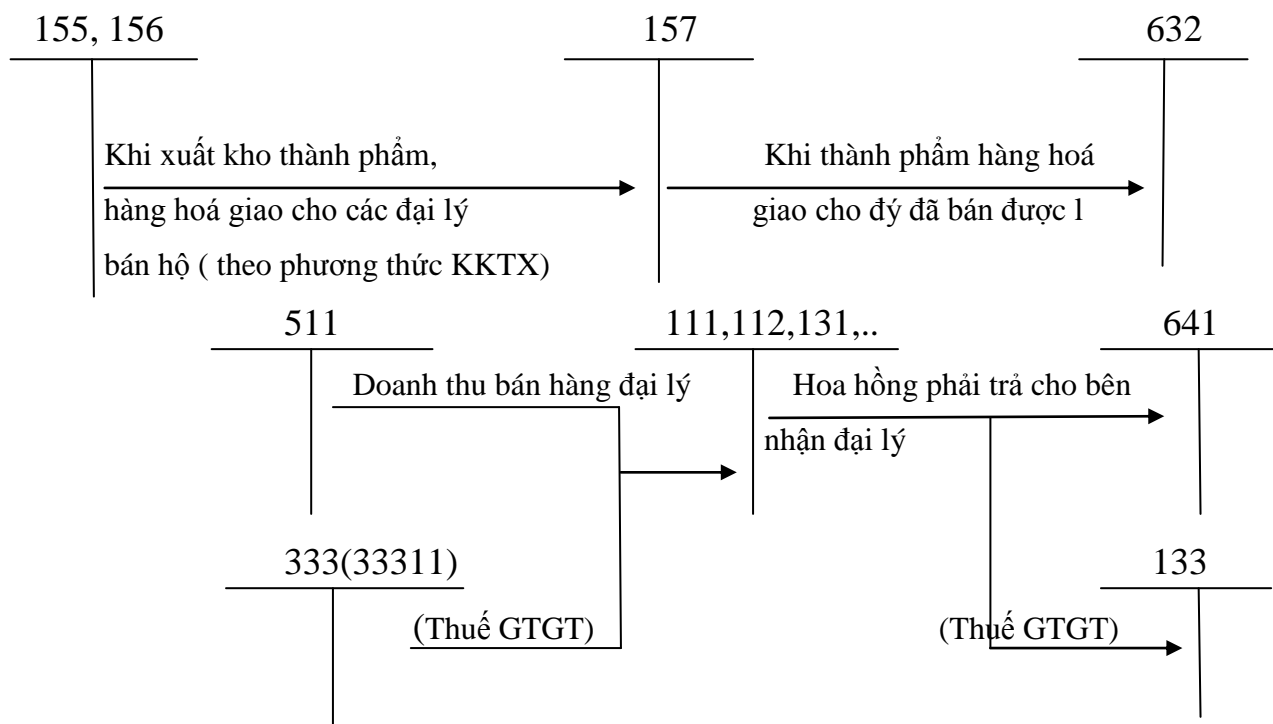


Chú ý:

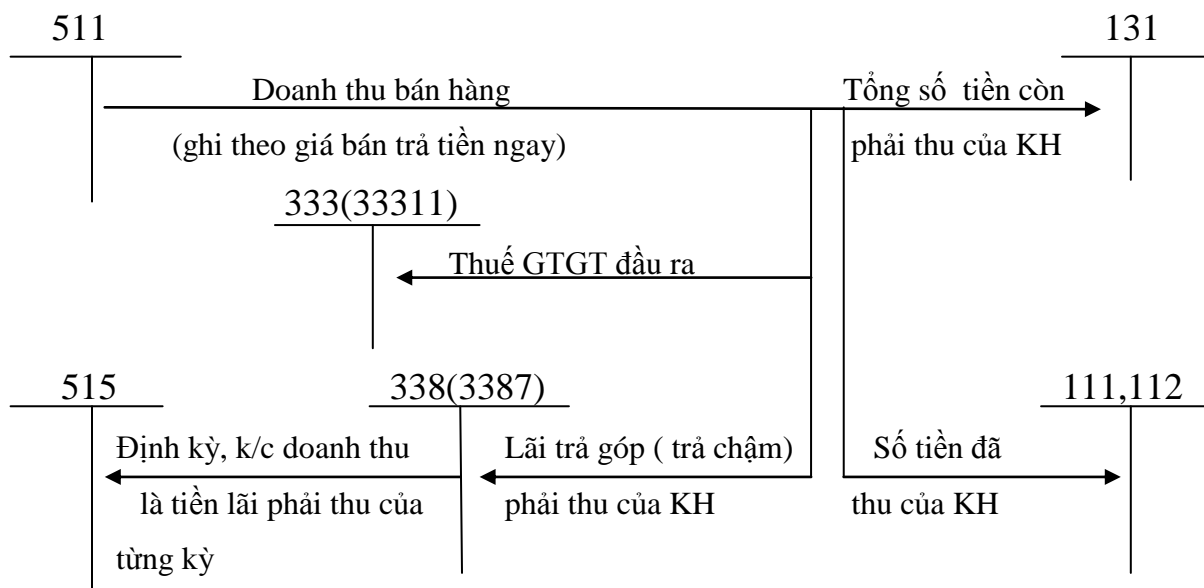
$$\text{Doanh thu thuần} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Chiết khấu thương mại} - \text{Doanh thu hàng bán bị trả lại} - \text{Doanh thu hàng giảm giá} - \text{Thuế XK, TTĐB, GTGT phải nộp (theo PP trực tiếp)}$$

Sơ đồ 1.2. Kế toán bán hàng thông qua đại lý

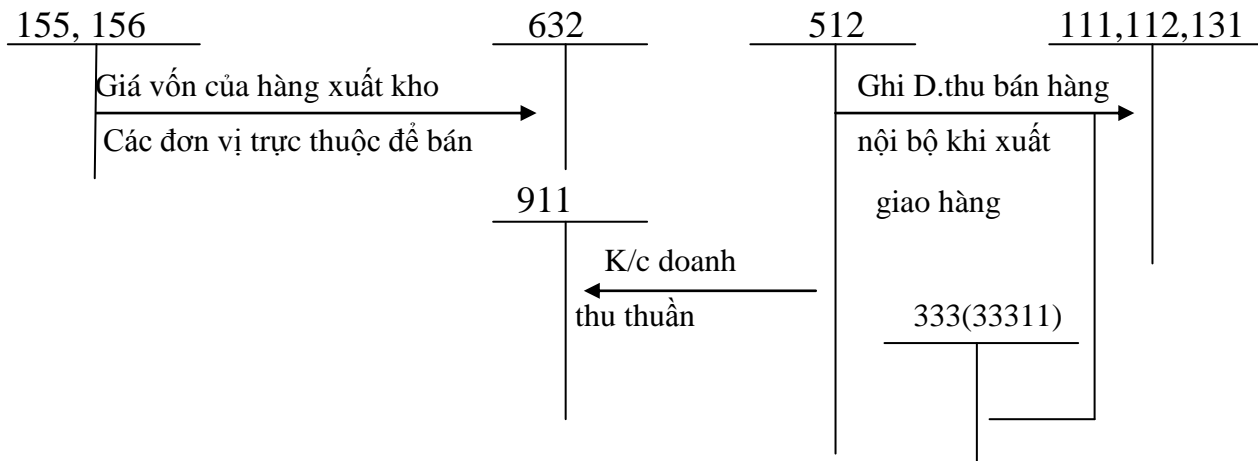
(Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)



Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm (trả góp)



Sơ đồ 1.4. Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ



1.2.1.2. Doanh thu hoạt động tài chính

❖ **Kế toán chi tiết doanh thu hoạt động tài chính.**

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Tiền lãi, thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản, cổ tức, lợi nhuận được chia; Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng; Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác; Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ; Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;...

Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, séc thanh toán, séc chuyển khoản, giấy báo có ngân hàng,...
- Sổ theo dõi thanh toán ngoại tệ (S33- DN)
- Sổ chi tiết bán hàng
- Sổ chi tiết thanh toán với người mua...

❖ **Kế toán tổng hợp doanh thu hoạt động tài chính**

Tài khoản sử dụng:

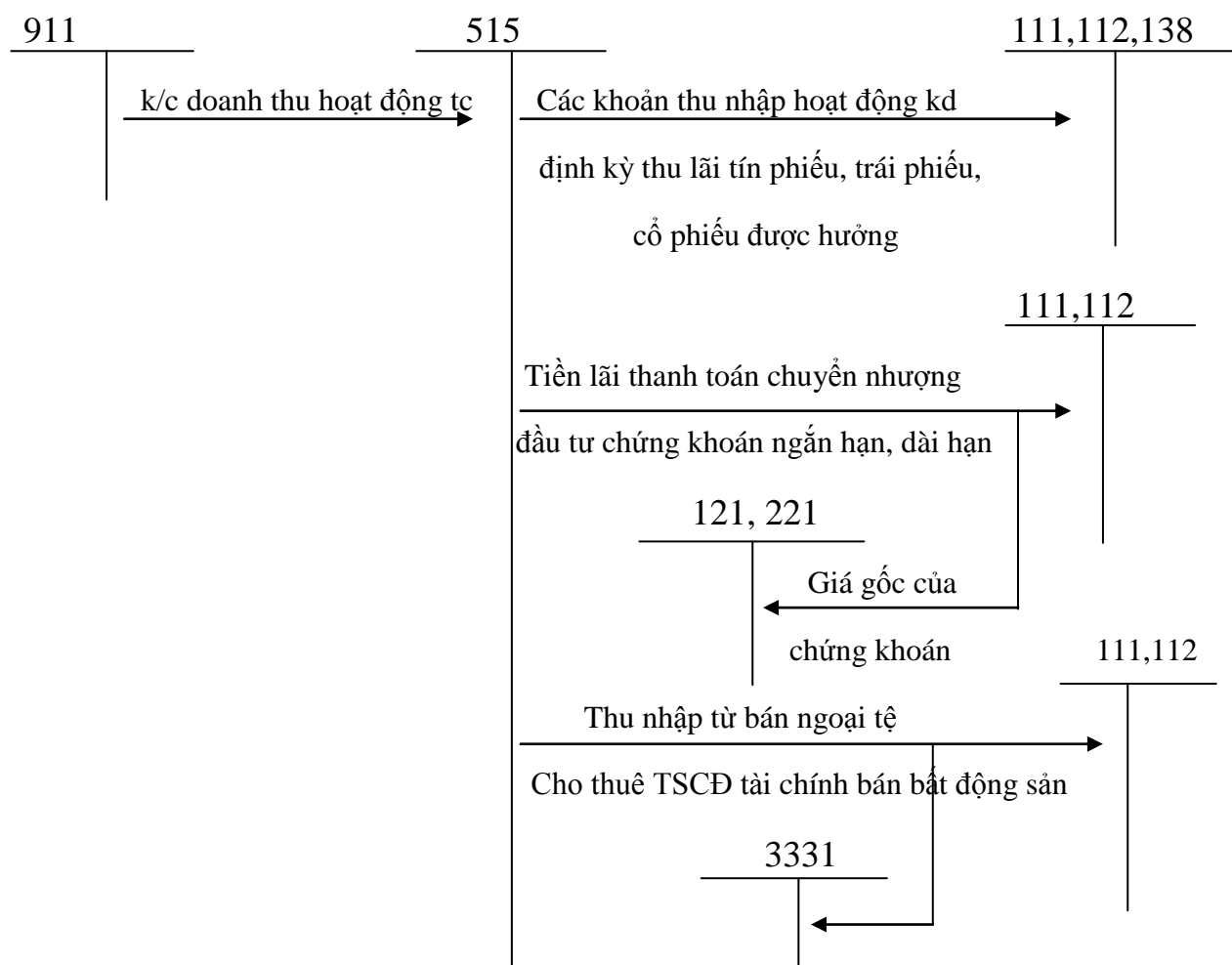
Kế toán sử dụng TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Kết cấu và nội dung TK 515:

Nợ	Tk 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ. 	
Tổng SPS Nợ	Tổng SPS Có	

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.1.3. Kế toán thu nhập khác.

❖ Kế toán chi tiết thu nhập khác

Thu nhập khác là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ; Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có); Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp; Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản trên.

Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Sổ chi tiết bán hàng
- Sổ theo dõi TSCĐ và công cụ dụng cụ tại nơi sử dụng
- Sổ chi tiết thuế GTGT được hoàn lại
- Sổ nhật ký thu tiền...

❖ Kế toán tổng hợp thu nhập khác

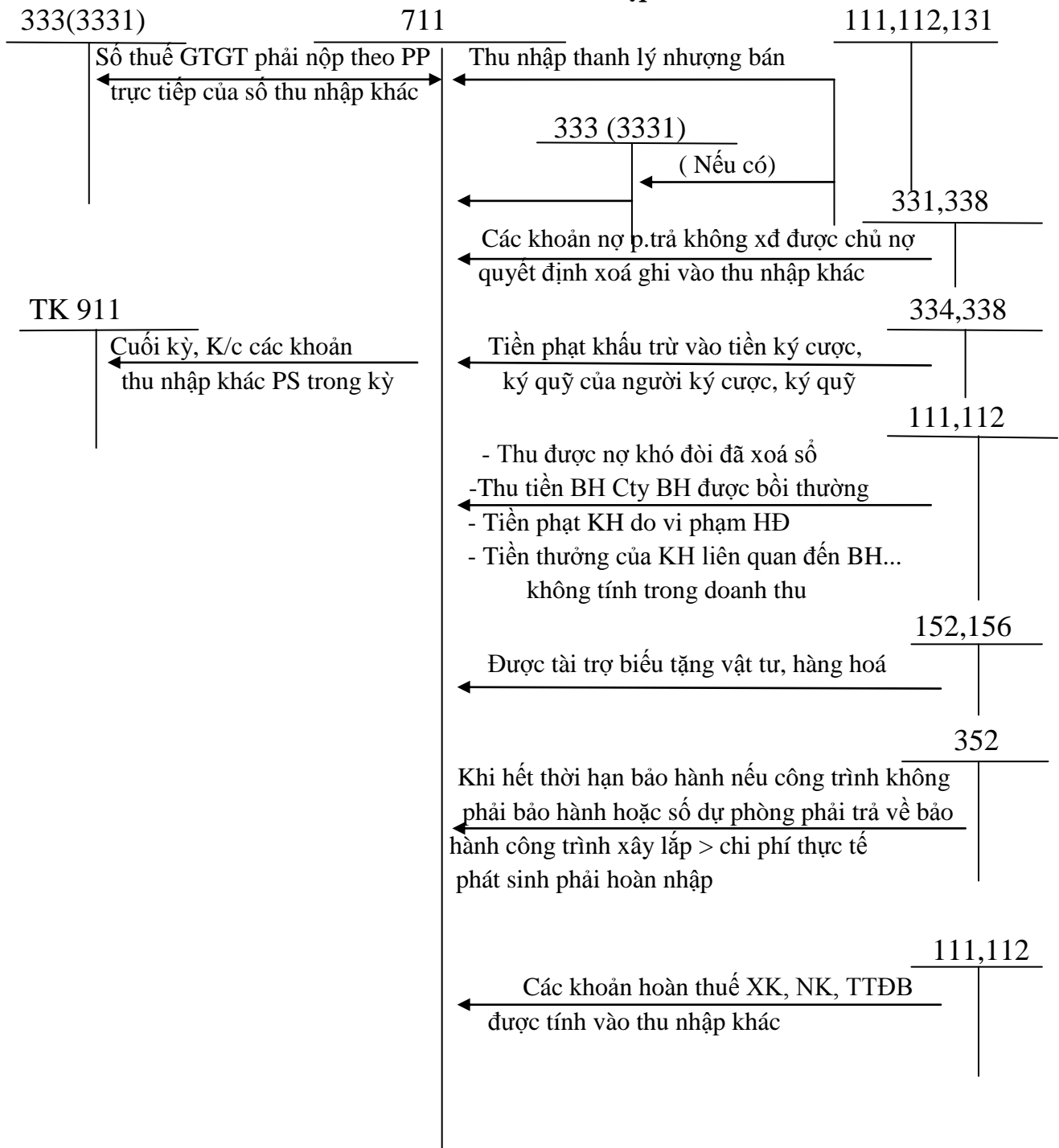
Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 711 – Thu nhập khác. Kết cấu và nội dung TK 711:

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo PP trực tiếp với các khoản thu nhập khác (nếu có) (ở DN nộp thuế GTGT theo PP trực tiếp). - Cuối kỳ, kết chuyển sang TK 911	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ	
Tổng SPS bên Nợ		Tổng SPS bên Có

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.7. Kế toán thu nhập khác



1.2.2. Kế toán chi phí.

1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán.

❖ **Kế toán chi tiết giá vốn hàng bán.**

Giá vốn hàng bán là giá trị phản ánh số giá trị vốn của hàng hoá xuất bán trong kỳ.

Tài khoản giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp bán trong kỳ).

Chứng từ sử dụng:

Khi phát sinh các nghiệp vụ bán hàng và thanh toán tiền hàng với người mua phải có các chứng từ phù hợp để phản ánh chính xác, kịp thời tình hình bán hàng và thanh toán, đồng thời là cơ sở pháp lý để ghi sổ kế toán. Tùy theo phương thức, hình thức bán hàng, kế toán tiêu thụ sử dụng các chứng từ kế toán sau:

- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 – GTKT – 3LL)
- Hoá đơn bán hàng (Mẫu số 02 – GTGT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 – VT)
- Hoá đơn bán hàng giao thẳng, Báo cáo bán hàng.
- Bảng kê bán lẻ hàng hoá, dịch vụ
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

❖ **Kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán**

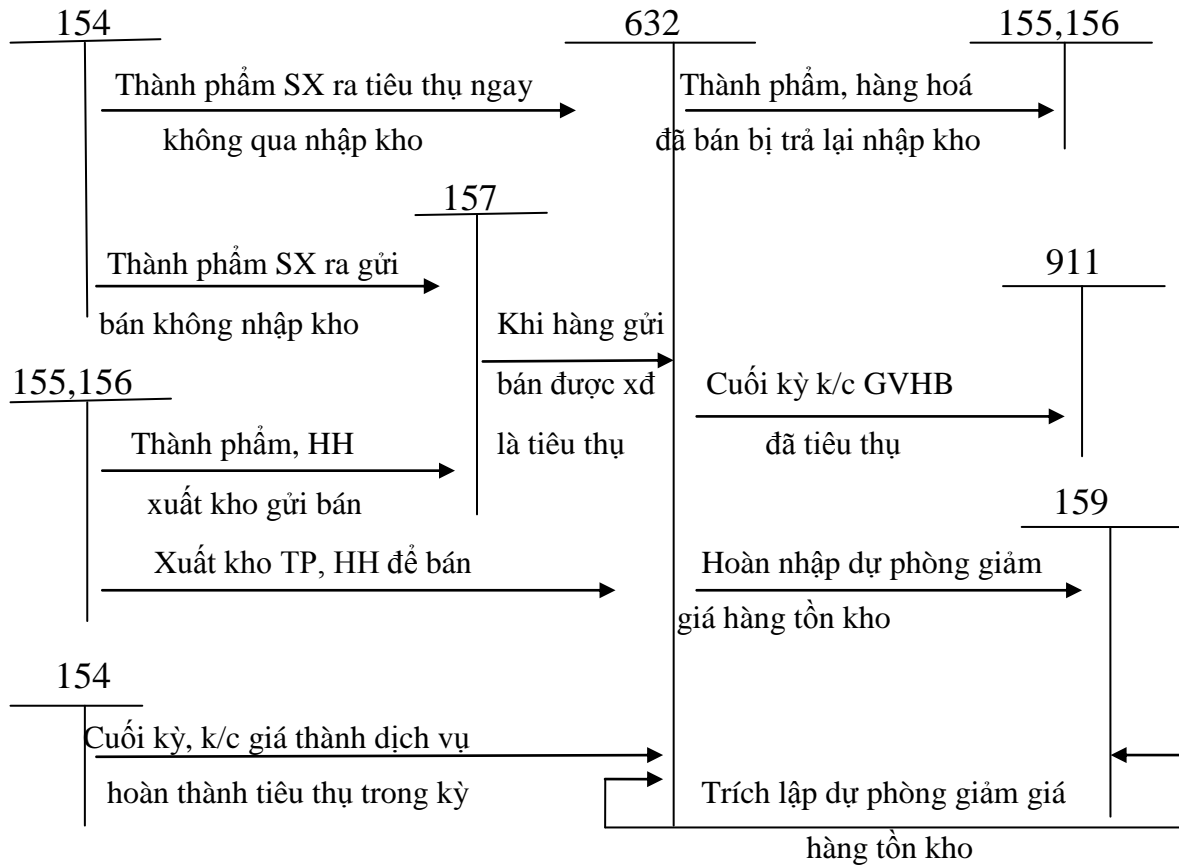
Tài khoản sử dụng: TK 632 – Giá vốn hàng bán

Kết cấu và nội dung TK 632

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none">- Tập hợp trị giá vốn của thành phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp trong kỳ.- Các khoản khác được tính vào giá vốn trong kỳ.		<ul style="list-style-type: none">- Giá vốn hàng bán bị trả lại trong kỳ.- Kết chuyển GV của hàng hoá vào bên Nợ TK911
Tổng SPS bên Nợ		Tổng SPS bên Có

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.8. Kế toán giá vốn hàng bán
(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)



1.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng.

❖ **Kế toán chi tiết chi phí bán hàng.**

Chi phí bán hàng là các chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ các loại sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ như: Tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bán hàng, bảo quản, đóng gói, vận chuyển,... khấu hao TSCĐ ở bộ phận bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, dụng cụ, đồ dung,..., chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác như quảng cáo, giao dịch, giao hàng, hoa hồng bán hàng..

Kế toán sử dụng TK 641 – Chi phí bán hàng để phản ánh các khoản chi phí phục vụ cho hoạt động bán hàng trong kỳ của doanh nghiệp.

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- Bảng phân bổ lương và BHXH (Mẫu số 11 – LĐTL)

❖ **Kế toán tổng hợp chi phí bán hàng**

Tài khoản sử dụng

Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2

- . TK 6411 – Chi phí nhân viên.
- . TK 6412 – Chi phí vật liệu, bao bì.
- . TK 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- . TK 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ.
- . TK 6415 – Chi phí bảo hành.
- . TK 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- . TK 6418 – Chi phí bằng tiền khác.

Kết cấu và nội dung TK 641:

Nợ	TK 641	Có
- Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ.		- Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng - Kết chuyển chi phí bán hàng vào bên Nợ TK 911.
Tổng SPS bên Nợ		Tổng SPS bên Có

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ

1.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ **Kế toán chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý các chi phí chung khác có liên quan đến hoạt động của toàn doanh nghiệp như: Tiền lương và các chi phí tính theo lương của ban giám đốc và nhân viên quản lý ở các phòng ban, chi phí vật liệu đồ dùng cho văn phòng,...; khấu hao TSCĐ, các khoản thuế, phí, lệ phí,... Về nguyên tắc: Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ cũng được tính vào giá thành toàn bộ của những sản phẩm đã tiêu thụ trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT) giấy đề nghị thanh toán, giấy thanh toán tiền tạm ứng, séc thanh toán, uỷ nhiệm chi,...
- Bảng trích khấu hao.
- Bảng phân bổ lương và BHXH (Mẫu số 11 – LĐTL) Bảng thanh toán lương, bảo hiểm xã hội.

❖ **Kế toán tổng hợp chi phí quản lý doanh nghiệp**

Kế toán sử dụng TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp để phản ánh các khoản chi phí phục vụ cho hoạt động quản lý phát sinh trong kỳ của doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tùy theo đặc điểm hạch toán kế toán của từng doanh nghiệp mà sẽ được phân bổ cho hàng bán ra theo một tỷ lệ nhất định để tập hợp nên giá thành toàn bộ của sản phẩm, thông thường người ta sử dụng các tiêu thức phân bổ như: Phân bổ theo doanh số, phân bổ theo chi phí, phân bổ theo tiền lương

Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2:

- . TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
- . TK 6422 – Chi phí vật liệu quản lý.
- . TK 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng.
- . TK 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ.
- . TK 6425 – Thuế, phí và lệ phí.
- . TK 6426 – Chi phí dự phòng.

- . TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- . TK 6428 – Chi phí bằng tiền khác.

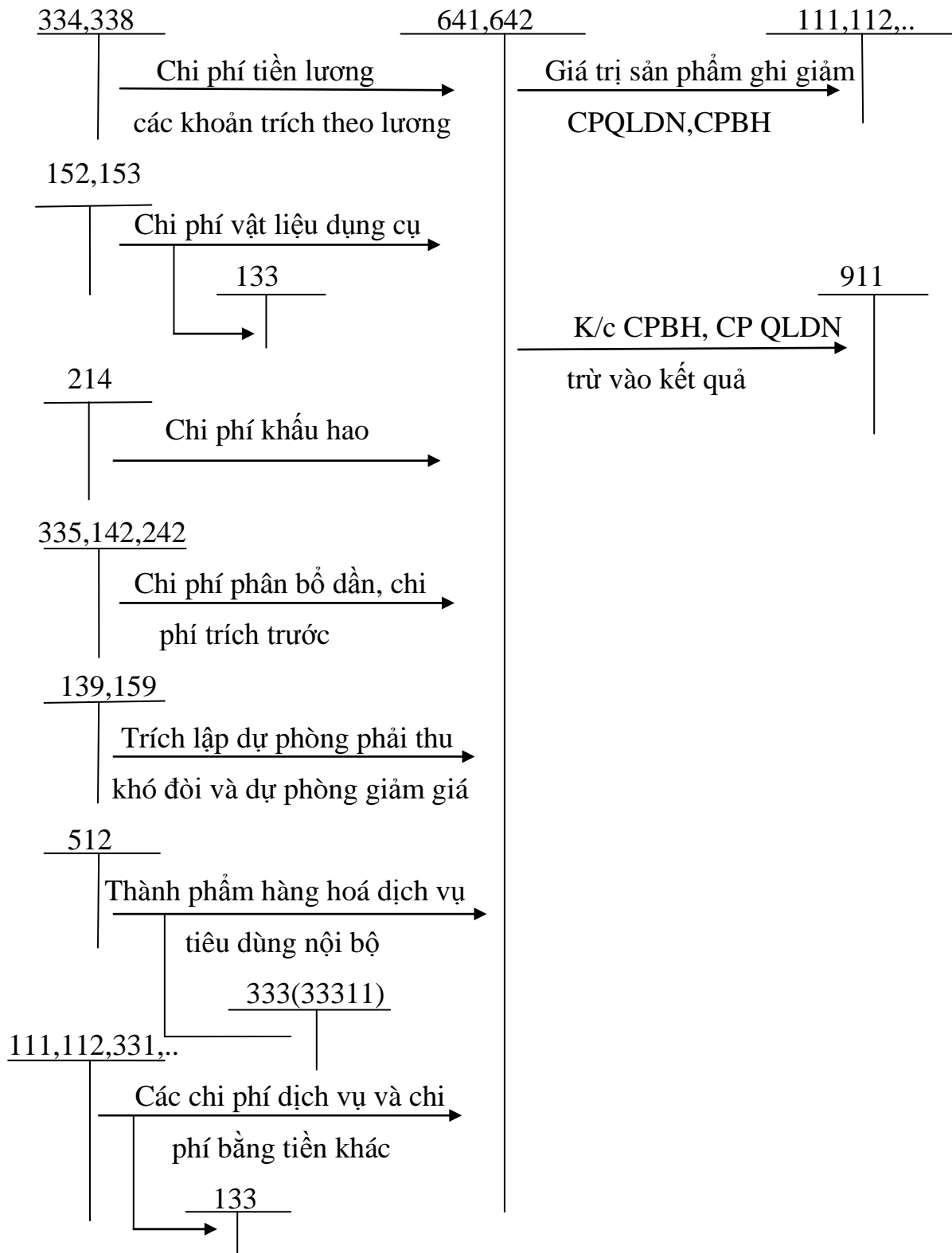
Kết cấu và nội dung TK 642:

Nợ	TK 642	Có
- Tập hợp toàn bộ chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ		- Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp
Tổng SPS bên Nợ		Tổng SPS bên Có

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tương tự như hạch toán chi phí bán hàng và có thể được khái quát theo sơ đồ sau.

Sơ đồ 1.9. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.2.4. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

❖ Kế toán chi tiết chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,...; khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ...

Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo có.
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ Kế toán tổng hợp chi phí tài chính

Tài khoản sử dụng:

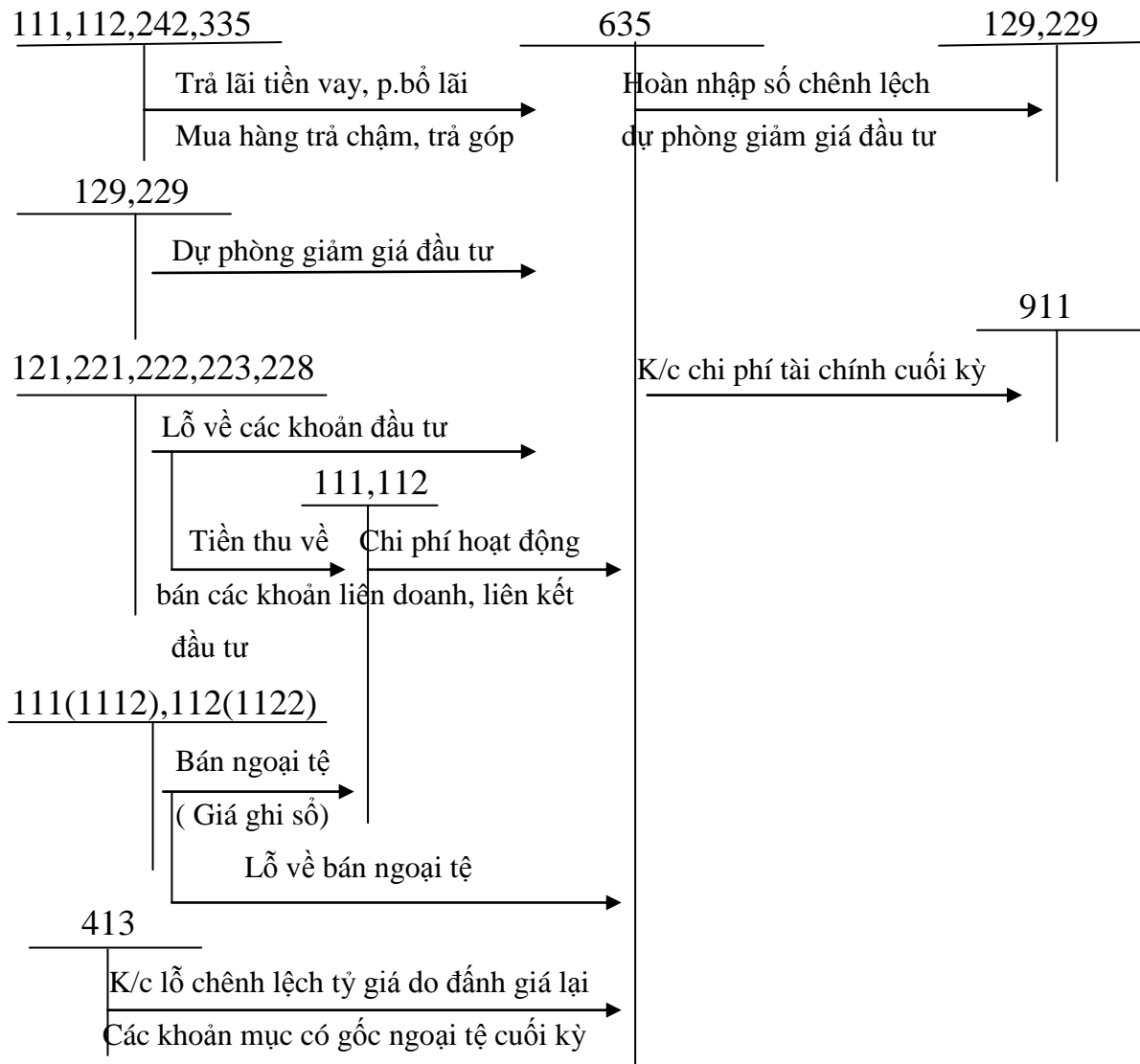
Kế toán sử dụng TK 635 – Chi phí tài chính

Kết cấu và nội dung Tk 635

Nợ	TK 635	Có
- Tập hợp toàn bộ các khoản chi phí thuộc hoạt động tài chính thực tế phát sinh trong kỳ, các khoản lỗ thuộc hoạt động tài chính và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, chi phí đất chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng được xác định là tiêu thụ.		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
Tổng SPS bên Nợ		Tổng SPS bên Có

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.10. Kế toán chi phí tài chính



1.2.2.5. Kế toán chi phí khác.

❖ Kế toán chi tiết chi phí khác

Chi phí khác là những khoản chi phí của hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước. Chi phí khác phát sinh gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có); Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; Bị phạt thuế, truy nộp thuế; Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bị bỏ sót khi ghi sổ kế toán; Các khoản chi phí khác.

Sổ sách chứng từ sử dụng:

- Nhật ký chứng từ số 10
- Sổ cái TK 811, 821
- Các chứng từ sổ sách khác có liên quan,...

❖ Kế toán tổng hợp chi phí khác

Tài khoản sử dụng:

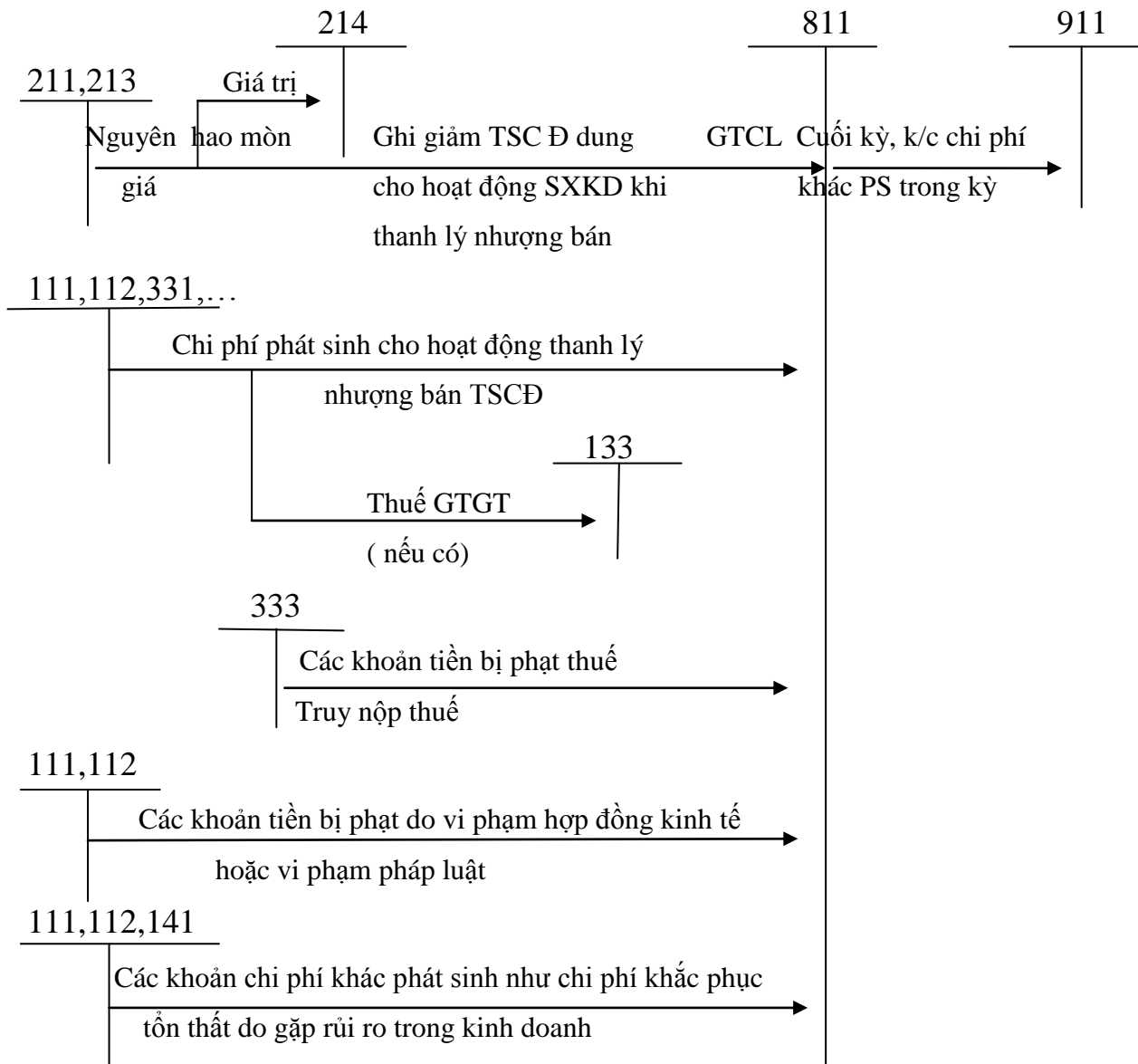
Kế toán sử dụng TK 811- Chi phí khác

Kết cấu và nội dung

Nợ	TK 811	Có
Các khoản chi phí khác phát sinh		Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911
Tổng SPS bên Nợ		Tổng SPS bên Có

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.11. Kế toán chi phí khác



1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

❖ Kế toán chi tiết xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} & & \text{Kết quả} & & \text{Kết quả hoạt} & & \text{Kết quả} \\ & & \text{hoạt động} & + & \text{động tài chính} & + & \text{hoạt động} \\ \text{Kết quả} & = & & & & & \\ \text{kinh doanh} & & \text{SXKD} & & & & \text{khác} \end{array}$$

➤ *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

➤ *Kết quả hoạt động tài chính*: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

➤ *Kết quả của hoạt động khác*: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

➤ *Cách xác định kết quả kinh doanh*

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá trị vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ), doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp... Việc xác định kết quả kinh doanh được tiến hành vào cuối kỳ hạch toán: tháng, quý, năm tùy thuộc vào đặc điểm sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Kết quả của hoạt động kinh doanh chủ yếu là kết quả của hoạt động tiêu thụ hàng hoá, lao vụ, dịch vụ và được biểu hiện qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ về tiêu thụ. Kết quả đó được tính theo công thức:

$$\text{Lãi (lỗ) về tiêu thụ thành phẩm} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp}$$

➤ **Chứng từ, sổ sách sử dụng:**

- Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (S36 – DN)
- Sổ chi tiết các tài khoản
- Nhật ký chứng từ số 8
- Sổ cái TK 632, 641, 642, 511, 511, 512, 515, 711, 811, 911, 421,...

❖ **Kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh**

➤ *Tài khoản sử dụng:*

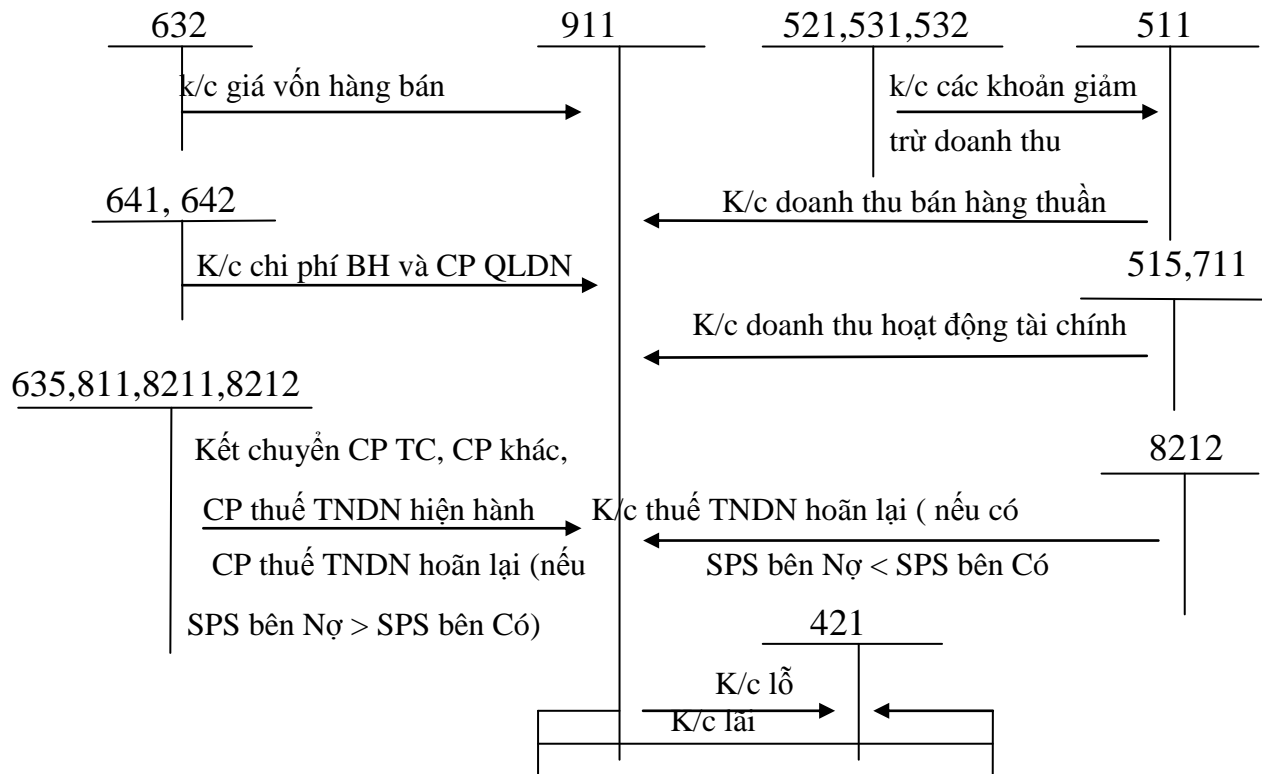
Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh

➤ *Kết cấu và nội dung TK 911*

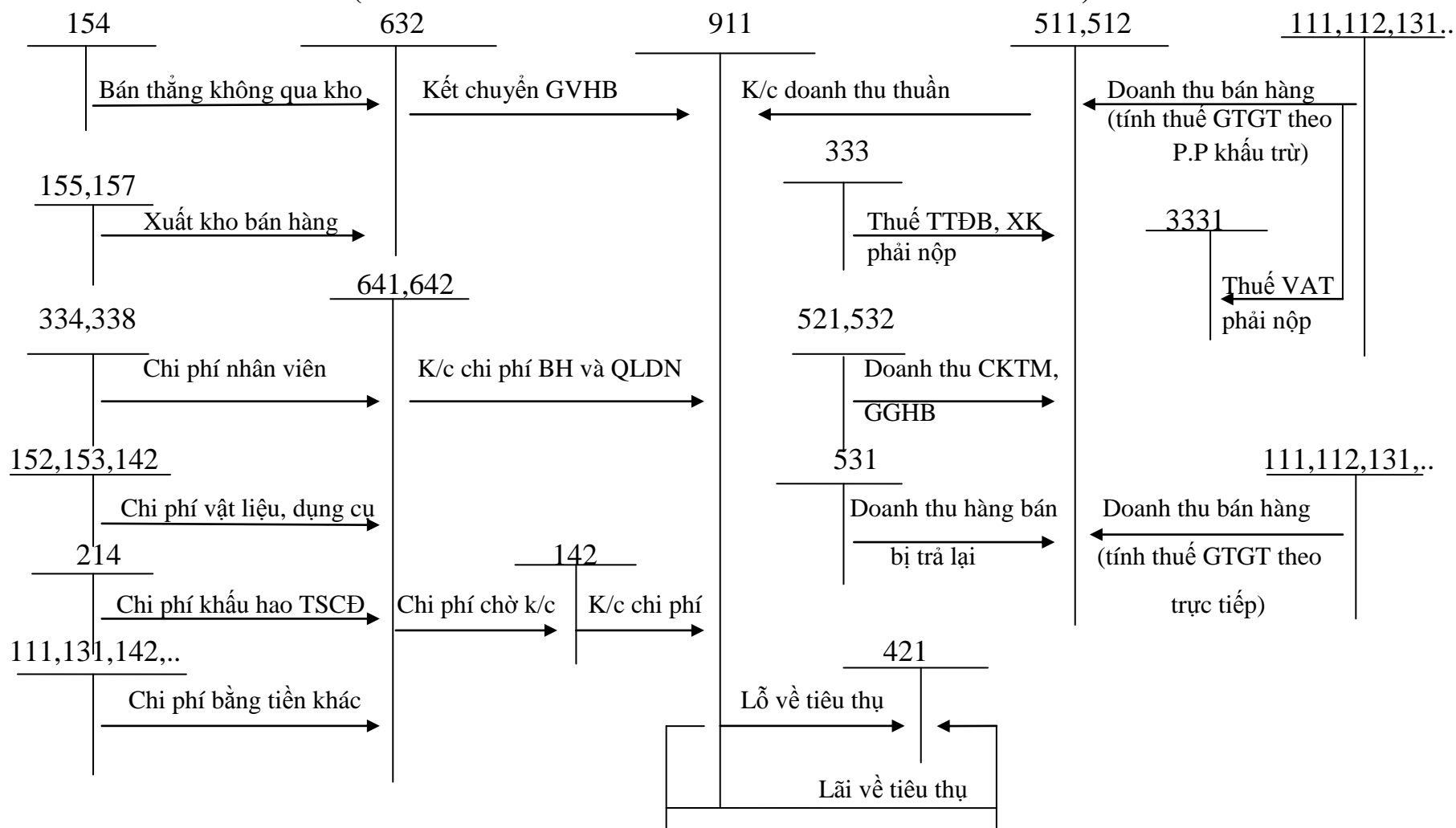
Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của hàng hoá đã tiêu thụ	- Doanh thu thuần của hàng hoá trong kỳ	
- Chi phí hoạt động tài chính	- Thu nhập từ hoạt động tài chính và hoạt động bất thường.	
- Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	- Thực lỗ về hoạt động kinh doanh bất kỳ	
- Số lãi trước thuế và hoạt động kinh doanh trong kỳ		
Tổng SPS	Tổng SPS	

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.12. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh



SƠ ĐỒ 1.13. KẾ TOÁN TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG, CHI PHÍ HÀNG BÁN RA VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ TIÊU THỤ THÀNH PHẨM (THEO PHƯƠNG PHÁP KÊ KHAI THƯỜNG XUYÊN)



CHƯƠNG II

**THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH
KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH
VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG.**

2.1. Khái quát chung về Công ty.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.

Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng là đơn vị thành viên của Tổng công ty xăng dầu Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1705/2000/QĐ-BTM ngày 07 tháng 12 năm 2000 của Bộ Thương Mại trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà- một bộ phận trực thuộc công ty vận tải xăng dầu đương thủy I với số vốn điều lệ đăng ký lần đầu là 8,1 tỷ đồng. Và được Sở kế hoạch Đầu thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000035 ngày 25/12/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/11/2005.

Kể từ khi đi vào hoạt động, công ty đã thay đổi đăng ký kinh doanh 6 lần, cuối năm 2004 công ty nâng vốn điều lệ lần thứ nhất lên 11,6 tỷ. Vào ngày 09/11/2005 theo quyết định của ĐHĐCĐ công ty phát hành thêm cổ phần để nâng vốn điều lệ lên 17,4 tỷ đồng. Trong đó, Tổng công ty xăng dầu Việt Nam có số cổ phần chiếm 51% vốn điều lệ. Và lần tăng vốn điều lệ gần đây nhất là năm 2007 với số vốn là 34,8 tỷ

Với đặc thù là Công ty cổ phần được thành lập từ việc cổ phần hóa một bộ phận trực thuộc Công ty Vận tải xăng dầu đường thủy I- đơn vị anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới, nên công ty cổ phần Vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng đã có những điều kiện thuận lợi nhất định ngay từ khi bắt đầu đi vào hoạt động.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Đó là sự kế thừa các thành tựu đã đạt được, những truyền thống lao động, bề dày kinh nghiệm và sự nhất quán, đoàn kết nội bộ trong sản xuất- kinh doanh.

Công ty là đơn vị thành viên của Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam và được Tổng công ty tạo điều kiện giúp đỡ trong việc đầu tư kỹ thuật, vật chất và con người.

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty được thừa hưởng thị trường vận tải xăng dầu bằng đường sông với đội tàu chở dầu lớn nhất phía Bắc do Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam chỉ định. Ngoài ra, với việc tiên phong trong lĩnh vực cổ phần hóa theo chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, công ty cũng được hưởng nhiều ưu đãi trong hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần làm giảm bớt khó khăn trong những năm đầu mới đi vào hoạt động theo mô hình mới.

Các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty là: kinh doanh xăng dầu, và các sản phẩm hóa dầu; sửa chữa và đóng mới phương tiện vận tải thủy; kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển nhà. Trong đó, các lĩnh vực vận tải thủy, kinh doanh xăng dầu, sửa chữa cơ khí là những lĩnh vực kinh doanh truyền thống và chủ đạo của công ty.

Sau 5 năm cổ phần hóa (2001-2005), các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty đã phát triển ổn định và đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 15-17%/năm. Đội tàu sông chở dầu và hóa chất của công ty bao gồm 21 chiếc với tải trọng trên 1000m³, chất lượng thỏa mãn các quy phạm đăng kiểm, được khách hàng trong và ngoài ngành đánh giá là đội tàu sông chở dầu hóa chất và hóa chất lớn nhất và có chất lượng phục vụ tốt nhất khu vực phía Bắc.

2.1.2. Tên, trụ sở chính của Công ty.

. Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG.

. Tên tiếng Anh: HAI PHONG PETROLIMEX TRANSPORTATION AND SERVICES JOIN STOCK COMPANY.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

- . Tên viết tắt: PTS HAIPHONG.
- . Mã niêm yết/ Mã OTC: PTS.
- . Tên bộ ngành trực thuộc: Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam.
- . Địa chỉ: Số 16, Đường Ngô Quyền, Quận Ngô Quyền, T.P Hải Phòng.
- . Điện thoại: (031) 3 837 441.
- . Fax: (031) 3 765 194.
- . Email: ptshp@petrolimex.com.vn

2.1.3. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.1.3.1. Chức năng

Công ty PTS Hải Phòng là một doanh nghiệp kinh doanh nhiều ngành nghề khác nhau và có chức năng chủ yếu sau:

- Kinh doanh vận tải thuỷ, kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hoá dầu.
- Sửa chữa và đóng mới phương tiện thuỷ, sản xuất cơ khí.
- Xuất nhập khẩu, mua bán vật tư, thiết bị hàng hoá khác.
- Dịch vụ hàng hải và các dịch vụ thương mại.
- Kinh doanh đại lý hoá lỏng.
- Nạo vét luồng lạch, san lấp mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển nhà, kinh doanh vật tư xây dựng, môi giới, dịch vụ nhà đất.
- Vận tải hành khách đường thuỷ và đường bộ.
- Kinh doanh dịch vụ cảng biển.
- Kinh doanh khách sạn nhà hàng và kinh doanh kho bãi.

2.1.3.2. Nhiệm vụ:

- Không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ nhằm cung cấp đủ nhu cầu cho người tiêu dùng.
- Bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông.
- Kinh doanh có hiệu quả, đem lại lợi nhuận cao, tăng tích lũy.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

- Góp phần giải quyết việc làm, nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên, nâng cao chất lượng đời sống cho người dân.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách với nhà nước.

- Góp phần thúc đẩy nền kinh tế thị trường phát triển.

2.1.3.3. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty qua các năm 2007, 2008, 2009.

Qua bảng báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty, ta thấy trong 3 năm 2007, 2008, 2009 thì năm 2009 có lợi nhuận thu được là thấp nhất:

- Năm 2008- 2007: Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế bị giảm đi là 5.667.500.250 đ do Chi phí tăng khá cao. Giá vốn hàng bán tăng (từ 134,762,730,350đ của năm 2007 đến 168,915,969,694 đ năm 2008) là 34,153,239,344 đ, Chi phí bán hàng tăng 465,570,719 đ và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng 1,166,499,322 .

Ngoài ra, khoản thu về tài chính 2008 tăng nhưng không đáng kể so với mức tăng về chi phí, thu nhập khác giảm tới 182,421,983đ. Năm 2008 doanh nghiệp kinh doanh không hiệu quả bằng 2007.

- Năm 2009- 2008: Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế cũng giảm đi một lượng là 145.797.620đ do

Giá vốn hàng bán cũng bị tăng lên 25,754,891,309 đ. Chi phí bán hàng tăng 1,076,247,883, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng tới 485,289,379 đ, chi phí khác tăng 158.665.820. Chi phí tài chính có giảm là 3.817.733,102, khoản thu nhập khác tăng 1.262.960.254. Rõ ràng mức tăng về chi phí vẫn cao so với mức tăng về các khoản thu nhập. Vì vậy mà năm 2009 doanh nghiệp kinh doanh không có hiệu quả so với năm 2008

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

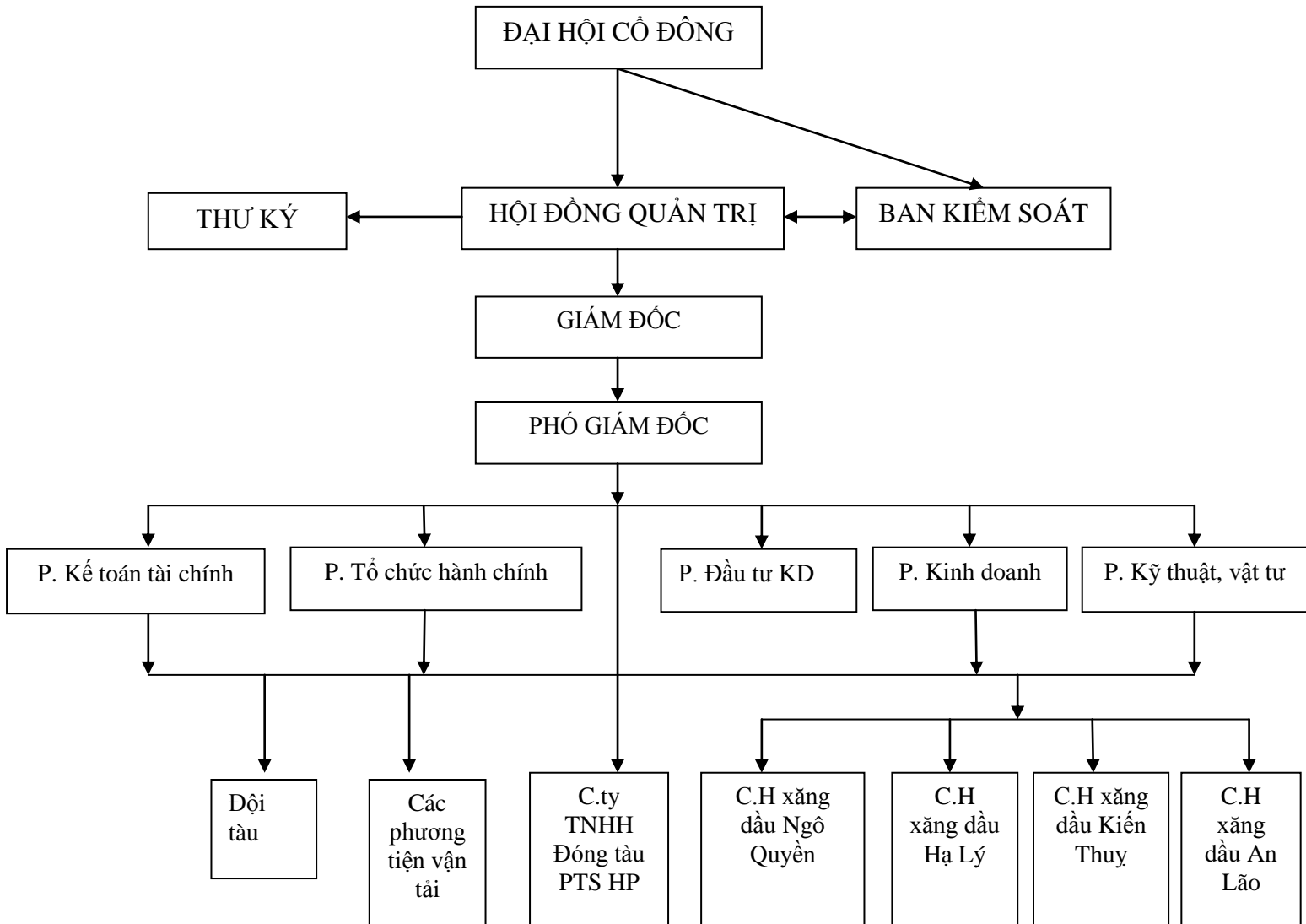
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Chi tiêu	Năm			Mức biến động so với năm trước	
	2007	2008	2009	2008-2007	2009-2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	160,754,363,149	194,169,171,370	216,086,611,672	33,414,808,221	21,917,440,302
2. Giá vốn hàng bán	134,762,730,350	168,915,969,694	194,670,861,003	34,153,239,344	25,754,891,309
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25,991,632,799	25,253,201,676	21,415,750,669	-738,431,123	-3,837,451,007
4. Doanh thu hoạt động tài chính	73,397,831	382,657,850	713,820,963	309,260,019	331,163,113
5. Chi phí hoạt động tài chính	1,121,999,297	4,472,374,102	654,641,000	3,350,374,805	-3,817,733,102
Trong đó: Lãi vay phải trả	10,950,000	826,288,556	797,419,791	815,338,556	-28,868,765
6. Chi phí bán hàng	1,321,305,315	1,786,876,034	2,863,123,917	465,570,719	1,076,247,883
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,697,137,295	6,863,636,617	7,348,925,996	1,166,499,322	485,289,379
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	17,927,552,723	12,512,927,773	11,262,880,719	-5,414,624,950	-1,250,047,054
9. Thu nhập khác	298,064,126	115,642,143	1,378,602,397	-182,421,983	1,262,960,254
10. Chi phí khác	32,883,200	106,381,517	265,047,337	73,498,317	158,665,820
11. Lợi nhuận khác	265,180,926	9,260,626	1,113,555,060	-255,920,300	1,104,294,434
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18,189,733,649	12,522,233,399	12,376,435,779	-5,667,500,250	-145,797,620

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của doanh nghiệp.

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng



Chức năng của các bộ phận:

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất một lần. ĐHĐCĐ quyết định

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

những vấn đề được Luật doanh nghiệp 2005 và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát của Công ty....

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ). Số thành viên của HĐQT có từ 05 đến 11 thành viên. Hiện tại HĐQT Công ty có 05 thành viên, với nhiệm kỳ tối đa của mỗi thành viên là 5 năm.

Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên, có nhiệm kỳ 5 năm. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban giám đốc.

Ban Giám đốc công ty

Ban Giám đốc của Công ty bao gồm Giám đốc và Phó Giám đốc. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ do Giám đốc phân công hoặc ủy quyền. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- Phó Giám đốc:

Giúp Giám đốc điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh trong Công ty. Tham mưu cho Giám đốc trong việc bố trí nhân sự phù hợp với tình hình sản xuất

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

kinh doanh của Công ty, đề xuất các chiến lược kinh doanh với Giám đốc như: chiến lược thị trường, chiến lược tiêu thụ sản phẩm và quản lý khách hàng.

- Trưởng phòng Kế toán – Tài chính

Trưởng phòng Tài chính kế toán có chức năng tham mưu giúp Giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành công tác kinh tế tài chính và hạch toán kế toán; xúc tiến và quản lý công tác đầu tư tài chính, công tác tiền lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập hoặc chi trả theo chế độ, chính sách đối với người lao động.

- Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính

Có nhiệm vụ tổ chức, theo dõi, quản lý nhân sự của Công ty, chịu trách nhiệm toàn bộ về công tác tiền lương theo chế độ của nhà nước, xây dựng đơn giá tiền lương cho từng luồng tuyến vận chuyển, khảo sát định mức ngày công cho sửa chữa, tính lương phải trả hàng năm cho người lao động.

- Trưởng phòng Kinh doanh

Trưởng phòng Kinh doanh điều hành phòng Kinh doanh, có nhiệm vụ nắm bắt nhu cầu và năng lực vận tải về, điều hành vận tải theo kế hoạch và theo đơn đặt hàng với các đối tác, thống kê báo cáo tình hình vận tải. Bên cạnh đó, Phòng Kinh doanh còn phụ trách tình hình thương mại của các cửa hàng xăng dầu.

Phòng Kinh doanh cũng có nhiệm vụ tiến hành xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh, tổng hợp và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Trưởng phòng Kỹ thuật - Vật tư

Trưởng phòng Kỹ thuật Đầu tư chịu trách nhiệm về các khâu kỹ thuật phục vụ trong lĩnh vực sửa chữa đóng tàu, cũng như kinh doanh xăng dầu tại các cửa hàng của Công ty: kiểm tra chất lượng máy móc, thiết bị, các phương tiện vận tải cũng

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

như nguyên nhiên vật liệu phục vụ các hoạt động kinh doanh; tiến hành nghiên cứu các công nghệ mới, xây dựng kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị hiện đại nhằm phát huy tối đa hiệu quả hoạt động kinh doanh, đảm bảo chất lượng sản phẩm cao nhất để có thể cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành.

- Trưởng phòng đầu tư kinh doanh bất động sản

Trưởng phòng đầu tư kinh doanh bất động sản chịu trách nhiệm tham mưu cho giám đốc về lĩnh vực: Đầu tư xây dựng cơ bản, kinh doanh nhà đất, vật liệu xây dựng, quản lý thi công các trình của công ty.

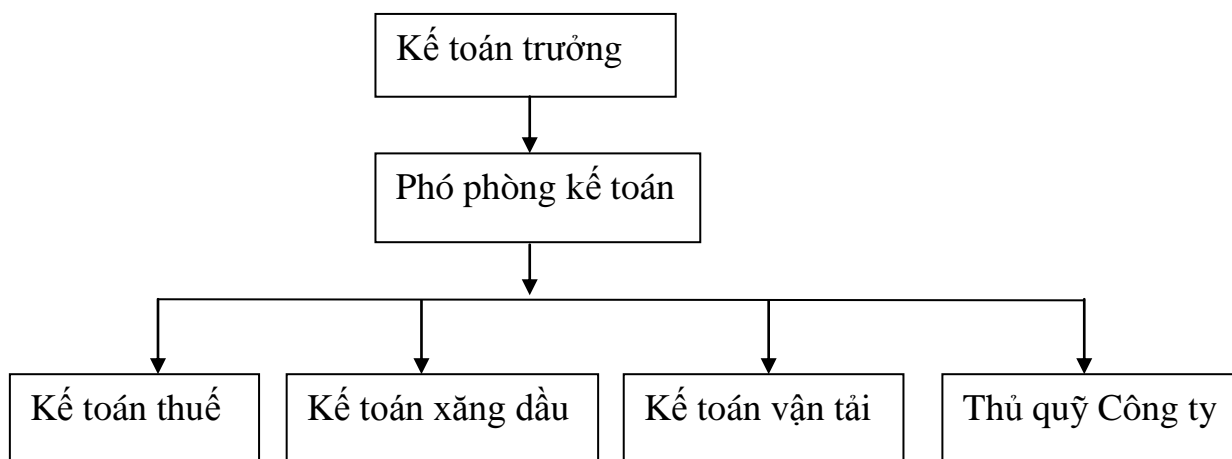
2.1.5. Mô hình bộ máy kế toán tại Công ty.

2.1.5.1. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức kinh doanh, công ty tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với tình hình tổ chức công tác kế toán đáp ứng nhu cầu quản lý, điều hành công việc theo hình thức tập trung.

Theo mô hình này, toàn công ty tổ chức một phòng kế toán làm nhiệm vụ tổng hợp và hạch toán chi tiết, lập báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh tế, kiểm tra công tác kế toán toàn công ty.

2.1.5.2. Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty PTS:



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Chức năng nhiệm vụ của các thành viên trong bộ máy kế toán.

- Kế toán tr- ởng: Điều hành mọi công việc của phòng kế toán, trực tiếp kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ký duyệt chứng từ, báo cáo tr- ớc khi trình giám đốc, duyệt quyết toán quý, năm theo đúng chế độ. Tham m- u cho giám đốc trong việc sử dụng có hiệu quả tài chính công ty.

- Kế toán tổng hợp: là ng- ời có trách nhiệm tổng hợp các số liệu từ kế toán viên để lập các báo cáo tổng hợp.

- Kế toán xăng dầu: hạch toán quá trình kinh doanh xăng dầu và cả quá trình hạch toán và biểu quyết toán quý, năm. Theo dõi chi tiết công nợ xăng dầu đối với từng khách hàng và cửa hàng. Theo dõi công nợ nội bộ công ty sử dụng tài khoản 141.

- Kế toán thanh toán: Thực hiện các nghiệp vụ theo dõi các khoản thu chi, thanh quyết toán thuế với Ngân sách Nhà n- ớc.

- Thủ quỹ: có nhiệm vụ thu, chi tiền mặt theo quyết định của ng- ời có thẩm quyền của công ty.

2.1.5.3. Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.

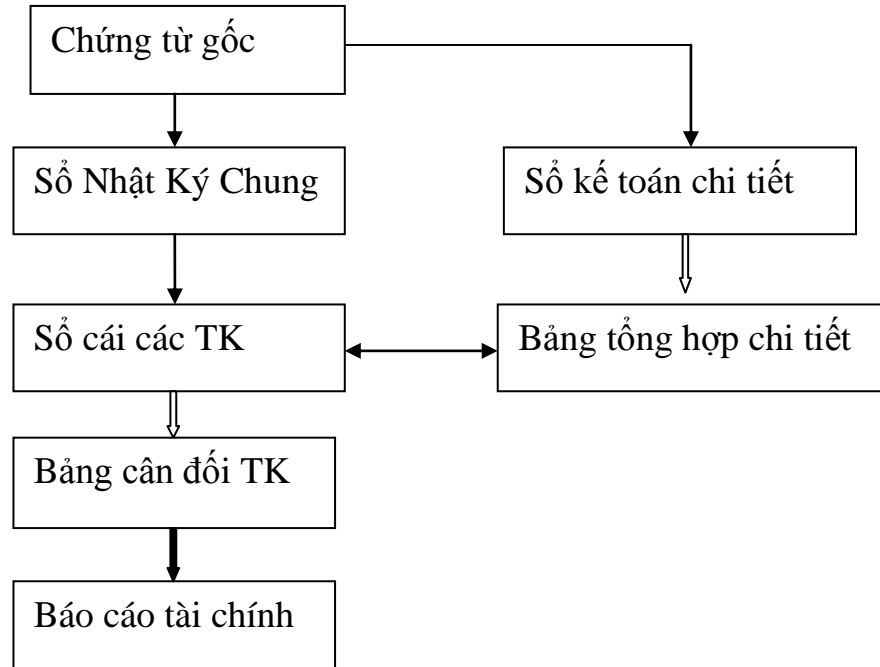
Để đáp ứng nhu cầu quản lý, đồng thời căn cứ vào quy mô, đặc điểm của hoạt động sản xuất kinh doanh, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán hình thức được Công ty áp dụng là hình thức **Nhật ký chung**.

Công ty áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Hệ thống tài khoản hiện nay Công ty đang sử dụng là hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành.

Niên độ kế toán : Từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 năm N.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP
Sơ đồ luân chuyển chứng từ tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ⇒ : Ghi cuối tháng
- ⇒ : Ghi cuối năm
- ↔ : Đối chiếu

2.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.

2.2.1. Tình hình chung về kế toán bán hàng của Công ty PTS

2.2.1.1. Đặc điểm bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty CPS

Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty là dịch vụ, doanh thu chủ yếu của công ty là doanh thu từ hoạt động vận tải thủy, kinh doanh xăng dầu và dịch vụ sửa chữa cơ khí.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

2.2.1.2. Phương thức cung cấp dịch vụ và thu tiền áp dụng tại công ty

Phương thức cung cấp dịch vụ tại Công ty là phương thức cung cấp dịch vụ trực tiếp. Công ty thu tiền ngay sau khi cung cấp dịch vụ hoặc cho thanh toán chậm nhưng phải có sự ràng buộc, đó chính là hợp đồng cung cấp dịch vụ... được ký kết giữa bên cung cấp dịch vụ và bên nhận dịch vụ.

2.2.2. Tổ chức kế toán doanh thu.

2.2.2.1. Kế toán về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ Kế toán chi tiết doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTGT – 3LL), Hoá đơn GTGT được lập thành 3 liên:

+ Liên 1 (màu tím): Lưu tại phòng kế toán của Công ty

+ Liên 2 (màu đỏ) : Giao cho khách hàng

+ Liên 3 (màu xanh): Luân chuyển nội bộ

- Phiếu thu

- Phiếu kế toán khác

- Giấy báo có của ngân hàng

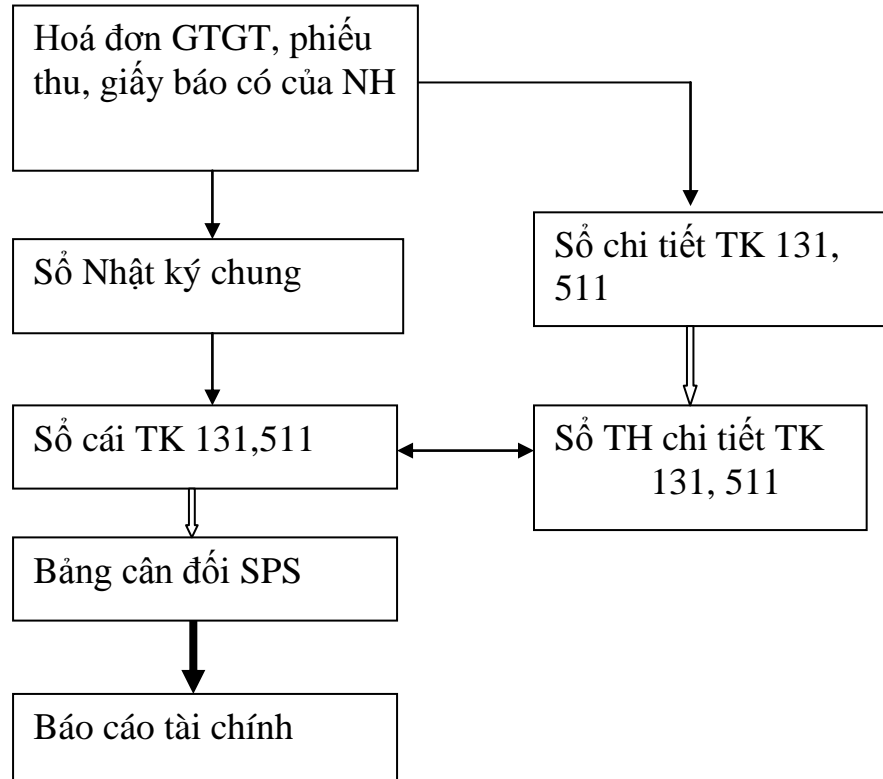
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng:

TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Các TK khác có liên quan như TK 111, 112, 131, ...

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP
Quy trình luân chuyển chứng từ



Ghi chú:

- > : Ghi hàng ngày
- ====> : Ghi cuối tháng
- > : Ghi cuối năm
- ←————> : Quan hệ đối chiếu kiểm tra

Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ gốc: Hoá đơn GTGT, Phiếu thu,...kế toán vào sổ Nhật ký chung đồng thời vào sổ cái và sổ chi tiết các TK 131,511. Cuối tháng căn cứ vào sổ chi tiết TK lập bảng tổng hợp chi tiết TK 131,511, đối chiếu sổ chi tiết TK 131,511 với sổ cái TK 131, 511. Từ sổ cái TK 131, 511 kế toán tiến hành vào bảng cân đối số phát sinh. Đến cuối năm, kế toán tập hợp số liệu từ bảng cân đối SPS để lập báo cáo tài chính.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ:

Ngày 29/12/2009 Công ty Xăng dầu Thanh Hoá thuê vận tải với 2778 m³ Diezel, đơn giá là 121.439đ/ m³ đã thanh toán bằng chuyển khoản tổng số tiền là 354.382.931 đồng, kế toán lập hoá đơn GTGT số 0077462.

- Từ hoá đơn GTGT số 0077462 và giấy báo có kế toán nhập số liệu vào sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết và sổ cái TK 511,112 ngày 29/12/2009.
- Cuối tháng 12 kế toán đối chiếu sổ cái với sổ chi tiết TK 511 rồi vào Bảng cân đối SPS.
- Từ các số liệu tại Bảng cân đối số phát sinh, cuối năm kế toán lập Báo cáo tài chính.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01 GTKT- 3LL
ML/2009B
0077462

Liên 3: Nội bộ

Ngày 29 tháng 12 năm 2009

Đơn vị bán hàng: Công ty PTS Hải Phòng

Địa chỉ: 16 Đường Ngô Quyền - Hải Phòng

Số tài khoản: 3.003.888-001

Điện thoại.....MS.....0200412669.....

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Thành

Tên đơn vị: Công ty xăng dầu Thanh Hoá

Địa chỉ: Số 305 - đường Bà Kiệu - phường Hàm Rồng - TP Thanh Hoá

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán:.....CK.....MS 2800114779-1

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
	Cước vận tải tháng 12/ 2009	M ³	2778	121.493	337.307.554
	B1- Cảng Lê Môn- Thanh Hoá (Diezel)				
Cộng tiền hàng					337.307.554
Thuế suất GTGT: 10% x 50%					Tiền thuế GTGT: 16.875.337
Tổng cộng tiền thanh toán:					354.382.931
Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm năm mươi tư triệu ba trăm tám hai nghìn chín trăm ba mươi một đồng.					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
Nguyễn Văn Thành

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
Lê Thương Hiền

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

NGAN HÀNG TMCP XANG DAU PETROLIMEX

GIẤY BÁO CỐ

Số chứng từ 100CTV1093480179

Ngày 29/12/2009 04:07:22

Ten khách hàng:	CT CP VTAI DV PETROLIMEX HAIPHONG
Địa chỉ:	SO 16 NGO QUYEN - MAY CHAI - NGO QUYEN - HP
Mã số thuê khách hàng:	0200412699
Mã khách hàng:	100001295
Số tài khoản:	2087040011865
Số tiền chưa phí	354,382,931.00 VND
Amount	
Số tiền tương đương	354,382,931.00 VND
Equivalent Amount	
Phi và thuế	0.00 VND
Tax and charge	
Thuế 10%	0.00 VND
Tax	
Phi	0.00 VND
Charge	
Tỷ giá	1.00
Exchange rate	
Nội dung	CONG TY XANG DAU THANH HOA TRA TIEN XANG DAU
Description	

Khách hàng	Giao dịch viên	Người có thẩm quyền
Customer	Teller	Supervisor
	Duong Thi Oanh	Bui Thi Thanh Thuy

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CTY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HP

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009

Tổng cộng: 1.980.678.028.453 1.980.678.028.453

Ngày tháng ghi số	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHT K	PHÁT SINH	
	Ngày	Số			Nợ	Có
01/01	01/01	01/K	kết chuyển tiền thuế TNCN Q1,Q2/08	338 335	410.595.406	410.595.406
02/01	02/01	NH	CHXD số 1 nộp tiền hàng	1121 138	196.000.000	196.000.000
.....
31/10	31/10	0040807	Bán xăng dầu cho công ty Cảng Cửa Cấm HP	111 511	234.231.000	234.231.000
31/10	31/10	0040807	Bán xăng dầu cho C.ty Cảng Cửa Cấm HP	111 3331	23.423.100	23.423.100
.....
25/11	25/11	NH	Lãi vay NHVB T11/09	635 1121	26.541.667	26.541.667
25/11	25/11	NH	Lãi tiền gửi NHVB T11/09	1121 515	742.358	742.358
.....
29/12	29/12	0077462	Cước vận tải T12/2009 của Công ty Xăng dầu Thanh Hoá	112 511	337.507.554	337.507.554
29/12	29/12	0077462	Cước vận tải T12/2009 của Công ty xăng dầu Thanh Hoá	112 3331	16.875.377	16.875.377
29/12	29/12	1924	Thanh toán tiền gia công 02 biển petrolimex	641 1111	1.800.000	1.800.000
.....

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày.....tháng.....năm
Tổng giám đốc

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên Công ty: CÔNG TY XĂNG DẦU THANH HOÁ

Ngày tháng GS	chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			
	Số hiệu	Ngày tháng			SL	ĐG	Thành tiền	
							Nợ	Có
			Tháng 12/09					
29/12	0069622	29/12	Cước vận tải	112	2778	121.49 3		337.507.554
31/12	99/T	31/12	Xăng dầu	131XD	50000	8322,5		416.125.000
			Cộng sps					753.632.554

Kế toán
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CTY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTS

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng cộng 58.811.788.800 58.811.778.800

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Phát sinh	
Ngày	Số CT			Nợ	Có
.....
31/10	0040807	Bán hàng cho c.ty CP Cảng Cửa Cấm HP	1111		234.231.000
.....
30/11	43/K	Báo nợ Cty VIPCO thuê kho	1318		8.000.000
30/11	86/T	Doanh thu thuê nhà từ 15/11/09 đến 31/03/10	1388		16.363.638
30/11	00437309	Bán xăng dầu cho Taxi Trung Kiên	131XD		194.864.958
.....
29/12	0069622	Cước vận tải T12/09 của C.Ty Xăng dầu Thanh Hoá	1121		337.507.554
31/12	44/K	Báo Nợ C.ty TNHH Gas Petrolimex từ T7 đến T12/09	1388		28.818.185
31/12	98/T	Bán hàng cho trường TC nghề GTVT HP	131XD		11.335.214.759
.....

Ngày... tháng ... năm...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

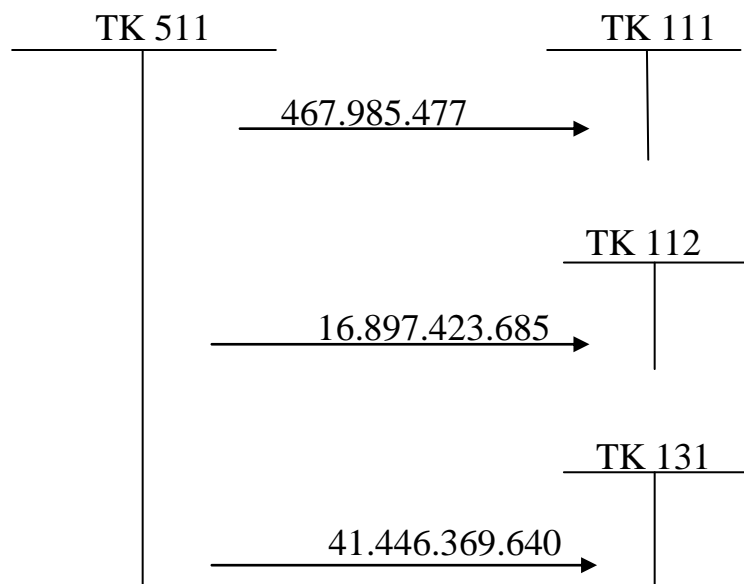
KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Để phản ánh doanh thu, Công ty sử dụng TK511 cho tất cả các doanh thu cung cấp dịch vụ.

Lấy số liệu từ Sổ NKC, sổ cái TK 511.... quý IV của Công ty PTS ta có mô hình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ quý IV/2009 như sau:

Sơ đồ 2.1. Hạch toán doanh thu bán hàng quý IV / 2009



2.2.2.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

❖ Kế toán chi tiết doanh thu hoạt động tài chính.

❖ Đặc điểm:

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của Công ty.

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty PTS Hải Phòng chủ yếu là lãi tiền cho vay và tiền gửi ngân hàng.

❖ Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Giấy báo có của ngân hàng.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

- Các chứng từ khác có liên quan.
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 515

❖ Quy trình hạch toán:

Kế toán căn cứ vào chứng từ gốc (Giấy báo có của ngân hàng) để vào sổ nhật ký chung sau đó vào sổ cái TK 515. Cuối tháng căn cứ vào sổ cái TK 515 để vào Bảng cân đối số phát sinh. Cuối quý và cuối năm, tập hợp số liệu để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ:

Ngày 31/10/2009 nhận được giấy báo có trả lãi tiền gửi tháng 10/ 2009 của ngân hàng Techcombank, số tiền 4.089.700 đ.

Kế toán căn cứ vào Giấy báo có của Techcombank ngày 31/10/2009 để vào sổ Nhật ký chung, sau đó tiến hành vào sổ cái TK 515. Cuối tháng 10 dựa vào Sổ Nhật ký chung và Sổ cái TK 515 để vào Bảng cân đối số phát sinh. Cuối quý IV/ 2009 và cuối năm 2009, tập hợp số liệu để lập Báo cáo tài chính năm 2009.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
TECHCOMBANK
MST: 0100230800-04

Theo công văn số 21208/CT/AC
Cục thuế Hà Nội

PHIẾU BÁO CÁO

Ngày 31/10/2009

Kính gửi: CT CP VT VA DV PETROLIMEX HP

Địa chỉ: Số 16 đường Ngô Quyền – HP

MST: 0200 412 699

Số ID khách hàng: 26786723

Số TK: 189.26786723.01.7

Loại tiền: VND

Loại TK: Tiền gửi thanh toán

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Lãi tiền gửi tại ngân hàng techcombank	4.089.700
Tổng số tiền	4.089.700

Viết bằng chữ: Bốn triệu không trăm tám chín nghìn bảy trăm đồng chẵn.

Trích yếu : Lãi tiền gửi tại ngân hàng techcombank

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CTY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HP

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009

Tổng cộng: 1.980.678.028.453 1.980.678.028.453

Ngày tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
	Ngày	Số			Nợ	Có
01/01	01/01	01/K	Kết chuyển thuế TNCN đã thu của Q1, Q2 năm 2008	3388 3385	410.595.406	410.595.406
02/01	02/01	NH	Cửa hàng xăng dầu số 1 nộp tiền hàng	1121 1388	196.000.000	196.000.000
.....
31/10	31/10	NH	Lãi tiền gửi T10/09 ở NHGP	1121GP 515	664.898	664.898
31/10	31/10	02/C	Xuất BHLĐ cho CH 05	641 152	2.622.143	2.622.143
31/10	31/10	NH	Lãi tiền gửi T10/09 ở NH TC	1121GP 515	4.089.700	4.089.700
.....
25/12	25/12	NH	Trả tiền lãi vay từ 26/11 đến 25/12 NHTMQĐ	1121TMQĐ 635	18.958.333	18.958.333
31/12	31/12	2121	Thanh toán tiền thuế GTGT+ cước chuyển tiền	641 1111	703.635	703.635
31/12	31/12	2125	Trợ cấp thôi việc	641 1111	814.000	814.000
.....

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày.....tháng.....năm
Tổng giám đốc

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY PTS HẢI PHÒNG

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính

Tổng cộng: 17.311.922 17.311.922

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệuTK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Tháng 10/2009			
NH	11/10	Lãi tiền gửi NH PGHN	1121PG		2.500
NH	25/10	Lãi tiền gửi T11/09 NHVB	1121VB		742.358
NH	31/10	Lãi tiền gửi ngân hàng TC T10/09	1121TC		4.089.700
NH	31/10	Lãi tiền gửi NH PGHN T10/09	1121PGHN		3.503.300
.....

Ng- ời ghi sổ
(ký)

Kế toán tr- ởng
(Ký)

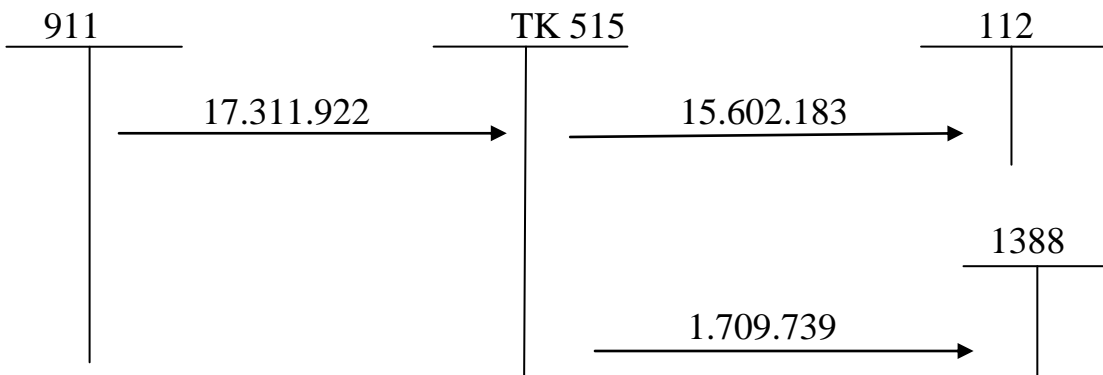
Thủ tr- ởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Kế toán tổng hợp doanh thu hoạt động tài chính.

Để phản ánh doanh thu hoạt động tài chính, Công ty sử dụng TK515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

Từ số liệu trên Sổ Nhật ký chung và Sổ cái TK 515 quý IV/2009 ta có mô hình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính quý IV/ 2009 như sau:



2.2.2.3. Kế toán thu nhập khác.

❖ Kế toán chi tiết thu nhập khác

❖ Đặc điểm:

Thu nhập khác tại Công ty PTS phát sinh không nhiều, chủ yếu là từ việc nhượng bán, thanh lý TSCĐ.

❖ Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 711

❖ Quy trình hạch toán

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Khi phát sinh nghiệp vụ thanh lý nhượng bán TSCĐ, kế toán dựa vào những chứng từ gốc như: hoá đơn GTGT, phiếu thu, biên bản thanh lý TSCĐ để vào Sổ Nhật ký chung và vào Sổ cái TK 711. Cuối tháng, kế toán vào bảng cân đối Sổ phát sinh và cuối quý, cuối năm lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ:

Ngày 29/05/2009 bán tàu PTS 02, nguyên giá là 23.000.000.000 đ, giá trị còn lại là 185.322.192, đã khấu hao 22.814.778.100 đ. Giá bán là 1.400.000.000 đ thuế GTGT 5%, Công ty TNHH An Thắng tạm ứng trước 100.000.000 đồng, số còn lại chưa thanh toán.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số : 38/HĐKT/2009

-Căn cứ vào Bộ luật dân sự được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa XI kì họp thứ 7 thông qua ngày 14/06/2005

-Căn cứ nhu cầu của công ty TNHH An Thắng và khả năng cung cấp của công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.

Hôm nay ngày 25 tháng 05 năm 2009, tại công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng chúng tôi gồm:

BÊN MUA : CÔNG TY TNHH AN THẮNG

Địa chỉ : Cầu Rào, xã Tân Hương huyện Ninh Giang tỉnh Hải Dương

Điện thoại : 0320.2244659 Fax : 0320.3760659

Tài khoản : 102010000357937 tại Ngân hàng Công thương CN HD

Mã số thuế : 0800122705

Đại diện : **Trịnh Văn Thịnh** Chức vụ: Giám đốc

BÊN BÁN: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Địa chỉ : số 61 đường Ngô Quyền Hải Phòng

Điện thoại : 0313.837.441

Mã số thuế : 0200412699

Số tài khoản : 2087040011865- Tại Ngân hàng TM CP Xăng dầu

PETROLIMEX – CNHP

Đại diện : **Ông Nguyễn Trọng Thủy** Chức vụ: Phó tổng giám đốc

Sinh viên: Nguyễn Hồng Quyên - Lớp QT 1003K

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Theo giấy ủy quyền số 340/TC-HC

Bên bán đồng ý bán, bên mua đồng ý mua, hai bên thống nhất kí kết và thực hiện hợp đồng kinh tế có nội dung sau:

Điều 1: Mô tả về tàu

1. Mô tả về tàu

- Tên tàu: PTS02. -BKS: HP 0529.
- Số lượng: 01 chiếc. -Kí hiệu thiết kế: VL 07- 07.
- Số đăng kiểm: V15-00068. -Hoán cải: 2000- công ty PTS Hải Phòng
- Công dụng: Chở dầu. -Vật liệu: thép
- Máy chính : 6L160, No 31850279 -Trọng tải toàn phần: 440T
- Kích thước: L× B ×D × d: 440,00 × 8,5 × 1,9 × 1.65 (m)
- Tàu đang hoạt động bình thường, hạn kiểm tra hàng năm theo sổ đăng kiểm là ngày 09/12/2009 và hạn kiểm tra PCCC theo giấy phép PCCC là ngày 26/08/2009

Giá bán tàu: 1.400.000.000

(bằng chữ : một tỉ bốn trăm triệu đồng chẵn)

-giá trên đã bao gồm thuế GTGT 5%.

Điều 2: Phương thức thanh toán

- Bên mua tạm ứng cho bên bán 100.000.000 (một trăm triệu đồng chẵn) ngay sau khi kí hợp đồng.
- Bên mua thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng cho bên bán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản trước khi nhận tàu.
- Bên bán sau khi nhận được tiền sẽ giao tàu và xuất hóa đơn GTGT cùng các giấy tờ khác liên quan đến tàu
- Bên mua chịu chi phí sang tên đổi chủ, bên bán có trách nhiệm hỗ trợ khi làm các thủ tục.

Điều 3: Địa điểm, thời gian, hình thức bàn giao tàu

-Địa điểm giao tàu: công ty PTS Hải Phòng số 61 Ngô Quyền Hải Phòng.

Sinh viên: Nguyễn Hồng Quyên - Lớp QT 1003K

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

-Thời gian giao tàu: sau khi bên mua thanh toán hết tiền cho bên bán.

-Hình thức bàn giao: bàn giao theo phương thức kiểm tra hiện trạng:

*Dầu diesel còn 200 lít

*Dầu nhớt bổ sung còn 10 lít

*Các dụng cụ và trang thiết bị theo sổ kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy nội địa.

*Các vật dụng cá nhân của thuyền viên do thuyền viên quyết định.

Điều 4: Trách nhiệm cho mỗi bên

1. Bên mua:

-Bổ trí cán bộ nhận tàu đúng thời gian và đúng quy định trong hợp đồng

-Thanh toán, nhận hóa đơn GTGT cùng các giấy tờ khác có liên quan đến tàu.

2. Bên bán:

-Giao tàu đúng địa điểm và thời gian quy định trong hợp đồng.

-Xuất hóa đơn GTGT cùng các giấy tờ khác liên quan đến tàu.

Điều 5: Điều khoản chung

-Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản của hợp đồng kinh tế này. Nếu bên nào làm sai bên đó hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường các tổn thất do bên mình gây ra. Không được đơn phương hủy hợp đồng.

-Trong quá trình thực hiện nếu xảy ra tranh chấp hợp đồng thì hai bên bàn bạc chủ động thương lượng giải quyết. Trong trường hợp không thương lượng được thì hai bên sẽ đưa ra tòa án kinh tế thành phố Hải Phòng giải quyết. Quyết định của tòa án là quyết định cuối cùng, bên thua sẽ chịu án phí.

-Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN MUA

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 3: Nội bộ

Mẫu số: 01GTKT-3LL
GY/2007B
0030988

Ngày 29/05/2009

Đơn vị bán hàng: : Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng

Địa chỉ: 61-Đường Ngô Quyền- Hải Phòng

Số tài khoản: 0200412699

Điện thoại:.....

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: công ty TNHH An Thắng

Địa chỉ: Cầu Rào, xã Tân Hương huyện Ninh Giang tỉnh Hải Dương

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán:MS: 0800122705

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
	Bán tàu PTS02 BKS: HP 0529 Tàu chở dầu trọng tải toàn phần 440T				1.333.333.333
Cộng tiền hàng :					1.333.333.333
Thuế suất GTGT: 5%		Tiền thuế GTGT: .		66.666.667	
Tổng cộng tiền thanh toán					1.400.000.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>một tỷ bốn trăm ngàn đồng chẵn</i>					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CTY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HP**

Địa chỉ: 16 Ngô Quyền, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mã số thuế :0200412699

Telefax: (84 – 031) 767 201

Ban hành theo QĐ số

15/2006/QĐ – BTC Ngày

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU THU

Ngày: 29/05/2009

SỐ CT 155

Tk nợ 111

Tk có 131

Người nộp tiền: **Vũ Thị Nết**

Địa chỉ: P. KT – TC

Lý do: thu tiền bán tàu PTS02

Số tiền: **100 000 000**

Bằng chữ: **một trăm triệu đồng chẵn**

Kèm theo:..... chứng từ gốc.

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

Nguyễn Văn Hùng

Đã nhận đủ số tiền viết bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn.

Người nộp tiền

Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

Số tiền quy đổi:

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Phạm Ngọc Anh

Thủ Quỹ

Kế toán thanh toán

(Ký, họ tên)

Phạm Thị Hạnh

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CTY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HP

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009

Tổng cộng: 1.980.678.028.453 1.980.678.028.453

Ngày tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
	Ngày	Số			Nợ	Có
01/01	01/01	01/K	Kết chuyển thuế TNCN đã thu của Q1, Q2 năm 2008	3388 3385	410.595.406	410.595.406
02/01	02/01	NH	Cửa hàng xăng dầu số 1 nộp tiền hàng	1121 1388	196.000.000	196.000.000
.....
29/05	29/05	0030988	Doanh thu bán tàu PTS02	131 711 3331	1.400.000.000	1.333.333.333 66.666.667
29/05	29/05	155	Công ty TNHH An Thắng ứng trước tiền	111 131	100.000.000	100.000.000
29/05	29/05	39/T	Giảm TSCĐ đã bán tàu PTS02	214 811 211	22.814.778.100 185.322.192	23.000.000
.....
29/06	29/06	98/TR	Giao dầu máy cho bên mua tàu PTS02	811 338	2.010.640	2.010.640
.....
31/12	31/12	14/C	Xuất NVL thanh lý vật tư không còn sd	811 133 152	21.217.000 2.121.700	23.338.700
31/12	31/12	293	KC thu nhập khác -> 911	711 911	5.269.064	5.269.064
31/12	31/12	2121	Thanh toán tiền thuế GTGT+ cước chuyển tiền	641 1111	703.635	703.635
31/12	31/12	2125	Trợ cấp thôi việc	641 1111	814.000	814.000
.....

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

TK 711 – Thu nhập khác

Năm 2009

Tổng cộng: 1.378.602.397 1.378.602.397

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệuTK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
NH	26/02	Sở KH và CN hỗ trợ KP XD và áp dụng hệ thống ISO	1121INDO		10.000.000
91	31/03	Thu nhập khác 711 -> 911	911	10.000.000	
03/K	31/03	Bán xe ô tô Zace16K-7353	131		30.000.000
113	31/3	k/c thu nhập bán TSCĐ	911	30.000.000	
0030988	29/05	Doanh thu bán tàu PTS02	131TSCĐ		1.333.333.333
187	30/06	KC hoạt độngbánTSCĐ-> 911	911	1.333.333.333	
.....
310	23/12	Nộp tiền thanh lý phụ tùng, vật tư phế liệu	1111		5.269.064
293	31/12	KC thu nhập khác -> 911	911	5.269.064	

Ng-ời ghi sổ
(ký)

Kế toán tr-ởng
(Ký)

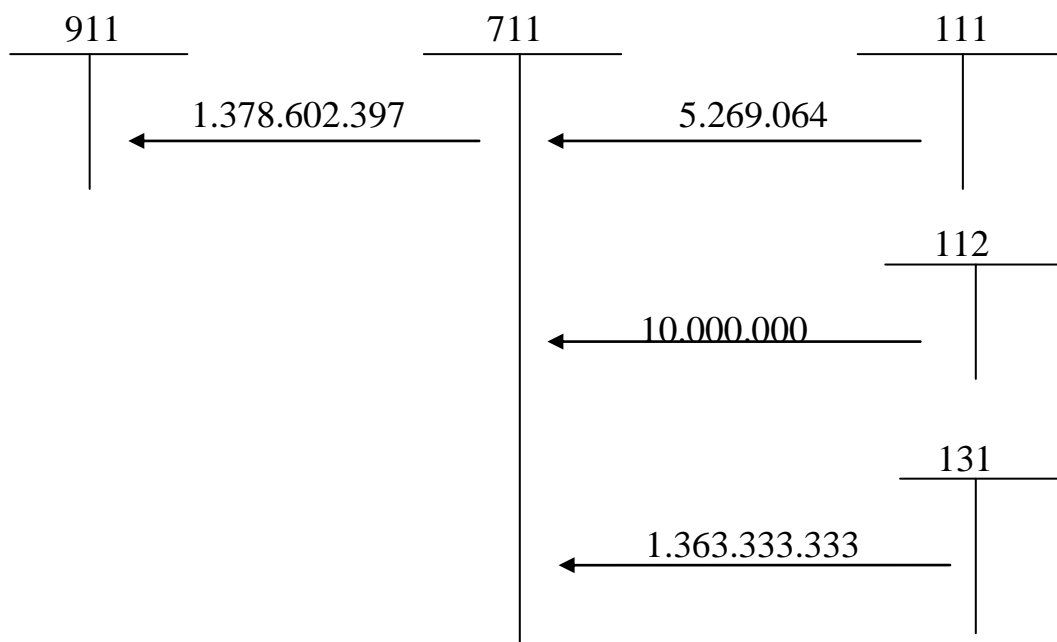
Thủ tr-ởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Kế toán tổng hợp thu nhập khác

Để phản ánh thu nhập khác, Công ty sử dụng TK 711 – Thu nhập khác cho tất cả các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Từ sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 711 năm 2009 của Công ty PTS Hải Phòng ta có mô hình hạch toán thu nhập khác năm 2009 như sau:



2.2.3. Tổ chức kế toán chi phí tại Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.

2.2.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán.

❖ Kế toán chi tiết giá vốn hàng bán

Đặc điểm:

Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng kinh doanh nhiều ngành nghề khác nhau, trong đó kinh doanh vận tải sông là ngành chủ đạo, mang lại lợi nhuận cao

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Do Công ty không phải đơn vị sản xuất nên chi phí để tập hợp Giá vốn là Chi phí nhân công trực tiếp và Chi phí sản xuất chung.

Khoản mục chi phí nhân công trực tiếp: Bao gồm tiền lương và các khoản trích theo lương theo tỷ lệ quy định, tiền ăn và các khoản phụ cấp cho thuyền viên.

Khoản mục chi phí sản xuất chung: Bao gồm chi phí nhiên liệu chính, chi phí sửa chữa thường xuyên, chi phí lệ phí, cảng phí, chi phí khấu hao TSCĐ....

Cuối kỳ kế toán tập hợp các chi phí kinh doanh trong kỳ (chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung) vào TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang để phục vụ cho công tác tính Giá vốn.

Tài khoản sử dụng:

TK 632: Giá vốn hàng bán

TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Và các TK khác như: TK 622,627.

Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi, Giấy báo nợ của ngân hàng
- Phiếu kế toán, phiếu xuất kho
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng kê chi Phí dịch vụ mua ngoài
- Bảng thanh toán tiền lương, bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 632, TK 133, TK 111, 112, TK 154...

Ví dụ:

Tháng 3 năm 2009, kế toán theo dõi các chi phí phát sinh cho tàu PTS22.

- Tính lương tháng 3 cho thuyền viên và trích ăn ca tàu PTS22, căn cứ vào bảng thanh toán tiền lương cho tàu PTS22, kế toán vào sổ NKC. Từ sổ NKC kế toán vào sổ cái TK 6222.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

- Tính chi phí nhiên liệu chính, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí bằng tiền khác, kế toán căn cứ vào các chứng từ phát sinh như hoá đơn GTGT số 0021023 và phiếu chi số 67, phiếu xuất kho số 40, phiếu kế toán (số liệu trên phiếu kế toán là lượng nhiên liệu dùng thực tế cho tàu PTS22)...kế toán tiến hành ghi vào sổ NKC đồng thời ghi vào sổ cái TK 627.

- Cuối kỳ, các chi phí kinh doanh trong kỳ bao gồm chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được tập hợp vào TK 154 để phục vụ cho công tác tính giá vốn và giá thành.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM
CÔNG TY PTS HẢI PHÒNG

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG TÀU PTS22

Tháng 3 năm 2009

STT	Họ và tên	Hệ số l-ong	Ngày công	L-ong cơ bản	L-ong phụ	Tổng l-ong	Các khoản ứng trừ		Ăn ca	Còn lại	Ký nhận
							BHXX	BHYT			
1	Phạm Hải Anh	4.5	20	2,025,000	2,838,750	4,863,750	101,250	20,250	220,000	4,962,250	
2	Lê Hồng Hải	4.1	19	1,845,000	2,443,900	4,288,900	92,250	18,450	209,000	4,387,200	
3	Nguyễn Văn H-ng	3.9	22	1,755,000	1,657,050	3,412,050	87,750	17,550	242,000	3,548,750	
4	Đào Văn Thanh	3.6	20	1,620,000	1,212,600	2,832,600	81,000	16,200	220,000	2,955,400	
5	Phạm Đức Thắng	3.8	21	1,710,000	1,554,600	3,264,600	85,500	17,100	231,000	3,393,000	
6	Phạm Quốc Việt	3.2	21	1,440,000	1,395,400	2,835,400	72,000	14,400	231,000	2,980,000	
7	Nguyễn Xuân Vũ	3.65	20	1,642,500	1,454,000	3,096,500	82,125	16,425	220,000	3,217,950	
	Tổng cộng:			12,037,500	12,556,300	24,593,800	601,875	120,375	1,573,000	25,444,550	

Ng-ời lập bảng
(Ký, họ tên)

Kế toán tr-ởng
(Ký, họ tên)

Thủ tr-ởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM Quyển số: ... Mẫu số 02 -TT
CÔNG TY PTS HẢI PHÒNG số: QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
PHIẾU CHI Nợ: 156 ngày 20 tháng 3 năm 2006
Ngày 01 tháng 3 năm 2009 Có: 111 của Bộ tr- ởng Bộ Tài chính

Họ tên ng- ời nhận tiền:

Địa chỉ: Vân Cơ - Việt Trì - Phú Thọ

Lý do chi: Chi trả tiền mua dầu Diesel

Số tiền: **59,334,000 VNĐ** (Viết bằng chữ): Năm m- ời chín triệu ba trăm ba m- ời t- ngàn đồng chẵn.

Kèm theo:chứng từ gốc.....Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ)

Ngày 01 tháng 3 năm 2009

Giám đốc	Kế toán tr- ởng	Thủ quỹ	Ng- ời lập phiếu	Ng- ời nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM
CÔNG TY PTS HẢI PHÒNG

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 01 tháng 3 năm 2009

Nợ: 3388

Số: 40

Có: 156

Họ tên người nhận hàng: Lê Hồng Hải

Lý do xuất kho: Xuất dùng cho tàu PTS22

Xuất tại kho:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật t- (sản phẩm, hàng hoá)	Mã số	Đơn vị tính	Số l- ợng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Dầu Diesel		lit	6200	6200	8,700	53,940,000
	Cộng:						53,940,000

Cộng thành tiền (bằng chữ): Năm m- ới ba triệu chín trăm bốn m- ới ngàn đồng chẵn.

Xuất, ngày 01 tháng 3 năm 2009

Thủ tr- ợng đơn vị Phụ trách bộ phận sử dụng Phụ trách cung tiêu Người nhận hàng Thủ kho
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Hoá đơn

Mẫu số: 01GTKT – 03LL

Giá trị gia tăng

Ký hiệu: XD/2009T

Liên 2: Giao khách hàng

Số: 0041741

Ngày 31 tháng 3 năm 2009

Đơn vị bán hàng: Xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà

Địa chỉ: 16 Đường Ngô Quyền- Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại:.....Mã số thuế: **0200412699001**

Họ tên người mua hàng:.....

Tên đơn vị: Công ty CP Vải & Dệt Petrolimex HPhong

Địa chỉ: Trụ sở 16 Đường Ngô Quyền- Hải Phòng

Hình thức thanh toán:Mã số thuế: **0200 412 699**

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Sửa chữa PTS22				1,200,000
Cộng tiền hàng:					1,200,000
Thuế suất GTGT:%					Tiền thuế GTGT:
Tổng cộng tiền thanh toán:					1,200,000

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu hai trăm ngàn đồng chẵn

Ng-ời mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ng-ời bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ tr-ởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

BẢNG PHÂN BỐ KHẤU HAO

QUÝ I /2009

		Tên TSCĐ	Mã ĐV	<i>Nguyên giá</i>	Số năm kh	gtcl	Kế hoạch kh năm	Kh quý I/2007
2113	11182	XD16(PTS11)	9	526,353,640	12.00	419,220,073	43,862,803	10,965,701
2113	11182	XD21(PTS12)	10	527,385,771	12.00	421,011,174	43,948,814	10,987,203
2113	11182	D06(PTS15)	11	666,014,685	12.00	559,755,339	55,501,224	13,875,300
2113	11182	XD11(PTS03)	12	388,791,896	12.00	214,223,234	32,399,325	8,099,830
2113	11182	XD07(PTS04)	14	359,528,800	12.00	173,035,513	29,960,733	7,490,182
2113	11182	XD09(PTS20)	15	1,156,157,882	12.00	1,037,168,216	96,346,490	24,086,625
2113	11182	XD10(PTS21)	16	1,134,404,486	12.00	1,084,292,110	94,533,707	23,633,422
2113	11182	XD13(PTS14)	17	590,914,672	12.00	481,187,680	49,242,889	12,310,722
2113	11182	XD19(PTS02)	18	361,473,043	12.00	198,589,378	30,122,754	10,068,013
2113	11182	XD20(PTS01)	19	392,524,026	12.00	215,902,632	32,710,336	8,177,584
2113	11182	XD17(PTS07)	21	336,714,603	12.00	196,379,031	28,059,550	7,014,880
2113	11182	XD18(PTS06)	22	367,859,203	12.00	211,660,757	30,654,934	7,663,733
2113	11182	XD03(PTS16)	24	717,141,118	12.00	581,452,759	59,761,760	14,940,440
2113	11182	Tàu PTS17	25	764,667,508	12.00	658,236,379	63,722,292	15,930,573
2113	11182	Tàu PTS08	33	451,201,506	12.00	189,883,950	37,600,126	9,400,031
2113	11182	Tàu PTS05	35	1,652,966,000	12.00	988,466,939	137,747,167	34,436,792
2113	11182	Tàu PTS10	37	1,834,997,366	12.00	1,505,522,790	152,916,447	38,229,112
2113	11182	Tàu PTS18	38	2,472,283,158	12.00	2,215,453,674	206,023,597	51,505,897
2113	11182	Tàu PTS19	39	2,877,877,354	12.00	2,758,682,978	239,823,113	59,955,778
2113	11182	Tàu PTS22	40	1,341,785,000	12.00	1,341,785,000	111,815,417	32,614,710
		Tổng:		18,921,041,717		15,451,909,606	1,576,753,478	401,386,558

Ng-ời lập bảng
(Ký)

Kế toán tr-ởng
(Ký)

Thủ tr-ởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HP

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2009 đến 31/12/2009

Tổng cộng: 1.980.678.028.453 1.980.678.028.453

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
Số	Ngày tháng			Nợ	Có
				
40	01/3	Xuất nhiên liệu cho tàu PTS22	338.PTS22	53,940,000	
			156		53,940,000
97	31/3	Chi phí l-ong PTS22 tháng 12	6222.PTS22	25,444,550	
			334.PTS22		25,444,550
98	31/3	Chi phí ăn ca PTS22	6222.PTS22	1,573,000	
			334.PTS22		1,573,000
0041741	31/3	Chi phí sửa chữa th-ờng xuyên tàu PTS22	627.PTS22	1,200,000	
			338.PTS22		1,200,000
99	31/3	Khấu hao TSCĐ tàu PTS22	627.PTS22	10,871,570	
			214.PTS22		10,871,570
28/P	31/3	Nhiên liệu xuất dùng thực tế tàu PTS22	627.PTS22	52,280,800	
			338.PTS22		52,280,800
				
100	31/3	Kết chuyển chi phí NCTT VTT	154.VTT	713,211,595	
			6222.VTT		713,211,595
100	31/3	Kết chuyển chi phí SXC VTT	154.VTT	1,810,232,530	
			627.VTT		1,810,232,530
100	31/3	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632.VTT	2,523,444,125	
			154.VTT		2,523,444,125
				

Ng-ời ghi sổ

(Ký)

Kế toán tr- ờng

(Ký)

Thủ tr- ờng đơn vị

(Ký, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY PTS HẢI PHÒNG

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

TK 154.PTS22- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tàu PTS22

Chứng từ		Diễn giải	Số phát sinh		Số d-	
Số	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
		Tháng 3/2009				
100	31/3	Kết chuyển 622 sang 154	25,444,550		25,444,550	
100	31/3	Kết chuyển 622 sang 154	1,573,000		1,573,000	
					
100	31/3	Kết chuyển 627 sang 154	52,280,800		52,280,800	
100	31/3	Kết chuyển 627 sang 154	1,200,000		1,200,000	
100	31/3	Kết chuyển 627 sang 154	10,871,570		10,871,570	
					
100	31/3	Kết chuyển 154 sang 632		127,644,193		127,644,193
		Cộng phát sinh :	127,644,193	127,644,193	127,644,193	127,644,193

Ng- ời ghi sổ
(Ký)

Kế toán tr- ởng
(Ký)

Thủ tr- ởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY PTS HẢI PHÒNG

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

TK 154.VTT - Chi phí sản xuất kinh doanh vận tải thuê

Tổng cộng: 2.523.444.125 2.523.444.125

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệuTK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Tháng 3/2009			
100	31/3	Kết chuyển TK 6222 sang TK154	622.VTT	713,211,595	
100	31/3	Kết chuyển TK 627 sang TK154	627.VTT	1,810,232,530	
100	31/3	Kết chuyển cuối kỳ	632.VTT		2,523,444,125
		Tổng cộng:		2.523.444.125	2.523.444.125

Ng-ời ghi sổ
(Ký)

Kế toán tr-ởng
(Ký)

Thủ tr-ởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY PTS HẢI PHÒNG

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

TK 632.PTS22 – Giá vốn hàng bán tàu PTS22

Chứng từ		Diễn giải	Số phát sinh		Số d-		Ghi chú
Số	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có	
		Tháng 3/2009					
100	31/3	K/cTK154 sang TK632	25,444,550		25,444,550		
100	31/3	K/cTK154 sang TK632	1,573,000		1,573,000		
100	31/3	K/cTK154 sang TK632	52,280,800		52,280,800		
100	31/3	K/cTK154 sang TK632	10,871,570		10,871,570		
100	31/3	K/cTK154 sang TK632	1,200,000		1,200,000		
						
		Cộng phát sinh:	127,644,193	127,644,193	127,644,193	127,644,193	

Ng- ời ghi sổ
(Ký)

Kế toán tr- ởng
(Ký)

Thủ tr- ởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

TK 632.VTT – Giá vốn hàng bán vận tải thủy

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệuTK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Tháng3/2009			
100	31/3	Kết chuyển TK 154 sang TK 632	154.PTS01	141,710,292	
100	31/3	Kết chuyển TK 154 sang TK 632	154.PTS02	90,723,189	
100	31/3	Kết chuyển TK 154 sang TK 632	154.PTS03	102,150,200	
100	31/3	Kết chuyển TK 154 sang TK 632	154.PTS04	94,600,158	
100	31/3	Kết chuyển TK 154 sang TK 632	154.PTS05	136,124,810	
100	31/3	Kết chuyển TK 154 sang TK 632	154.PTS06	93,100,879	
100	31/3	Kết chuyển TK 154 sang TK 632	154.PTS07	96,242,700	
100	31/3	Kết chuyển TK 154 sang TK 632	154.PTS08	153,126,278	
100	31/3	Kết chuyển TK 154 sang TK 632	154.PTS10	137,510,100	
100	31/3	Kết chuyển TK 154 sang TK 632	154.PTS11	123,420,900	
100	31/3	Kết chuyển TK 154 sang TK 632	154.PTS12	121,478,880	
100	31/3	Kết chuyển TK 154 sang TK 632	154.PTS14	119,362,006	
100	31/3	Kết chuyển TK 154 sang TK 632	154.PTS15	122,725,420	
100	31/3	Kết chuyển TK 154 sang TK 632	154.PTS16	110,230,559	
100	31/3	Kết chuyển TK 154 sang TK 632	154.PTS17	130,602,880	
100	31/3	Kết chuyển TK 154 sang TK 632	154.PTS18	170,769,129	
100	31/3	Kết chuyển TK 154 sang TK 632	154.PTS19	140,149,250	
100	31/3	Kết chuyển TK 154 sang TK 632	154.PTS20	111,710,425	
100	31/3	Kết chuyển TK 154 sang TK 632	154.PTS21	129,351,017	
100	31/3	Kết chuyển TK 154 sang TK 632	154.PTS22	127,644,193	
100	31/3	Kết chuyển TK 154 sang TK 632	154.TD37	70,710,860	
100	31/3	Kết chuyển cuối kỳ	632.VTT		2,523,444,125
		Cộng phát sinh:		2,523,444,125	2,523,444,125

Ng-ời ghi sổ
(Ký)

Kế toán tr-ởng
(Ký)

Thủ tr-ởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán

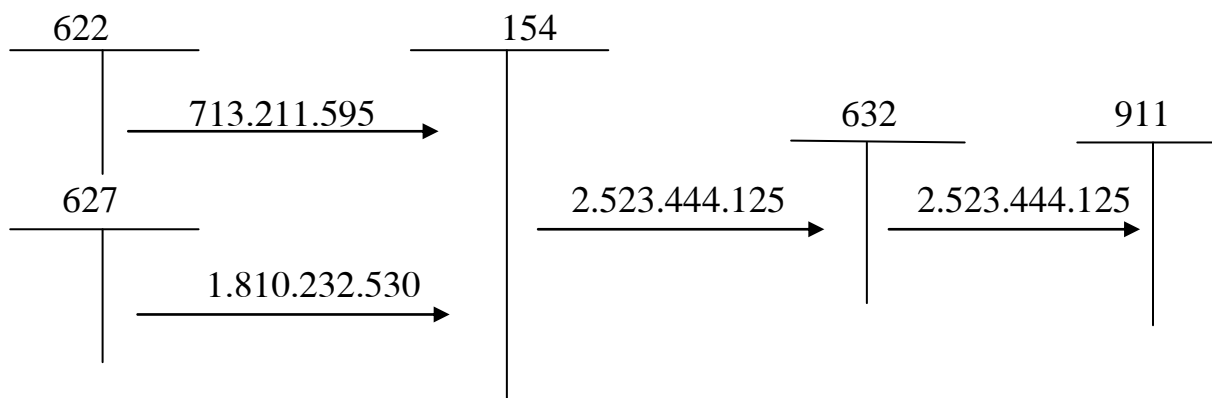
Công ty thuộc loại hình doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, hợp đồng kinh doanh chỉ tập trung vào việc cung cấp dịch vụ nên chỉ sử dụng Tài khoản 154 để tập hợp chi phí kinh doanh phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

Cũng do đặc điểm của Công ty là cung cấp dịch vụ nên không có chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ chỉ có: Chi phí nhân công trực tiếp – TK 622, Chi phí sản xuất chung – TK 627, được tập hợp vào bên Nợ TK154. Sau đó kết chuyển sang TK 632 – Giá vốn hàng bán, để xác định giá vốn của dịch vụ.

Để tập hợp các chi phí phát sinh cho dịch vụ vận tải thủy (VTT), Công ty đã mở sổ chi tiết TK 154, TK 632 cho từng tàu vận tải.

Lấy số liệu từ Sổ chi tiết TK 154.PTS22, TK 632.PTS22 và Sổ cái TK 622.PTS22, TK 627.PTS22, TK 154.VTT, TK 632.VTT tháng 3/ 2009 của Công ty PTS Hải Phòng ta có mô hình hạch toán giá vốn hàng bán cho khối vận tải thủy vào tháng 3/ 2009 như sau:

Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty PTS Hải Phòng



2.2.3.2. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.

❖ Kế toán chi tiết chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Đặc điểm:

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp gồm nhiều loại chi phí như: Chi phí nhân viên bán hàng, chi phí nhân viên quản lý, chi phí khấu hao, thuế, phí và lệ phí, chi phí bằng tiền khác....Tiền lương nhân viên bán hàng và nhân viên quản lý chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi
- Ủy nhiệm chi
- Bảng chấm công
- Bảng thanh toán lương
- Bảng phân bổ khấu hao
- Các chứng từ khác có liên quan...

Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 641: Chi phí bán hàng
- Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Và các tài khoản khác có liên quan như: TK111,112, 334, 214,...

Quy trình hạch toán:

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc như: Hoá đơn GTGT, phiếu chi, uỷ nhiệm chi,... kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung, sau đó vào sổ cái TK 641, TK 642.

Ví dụ:

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

1. Ngày 13/10/2009 Công ty thanh toán tiền đổ mực máy in cho công ty CPN Hải Phòng, tổng số tiền có cả thuế là 1.650.000 đồng, kế toán ghi phiếu chi số 2003.
2. Ngày 30/11/2009 Tính và thanh toán tiền ăn ca tháng 11/2009 cho khối phục vụ trực tiếp, số tiền là 9.212.444 đồng.
 - Kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0075768 và phiếu chi số 1579 để vào sổ nhật ký chung nghiệp vụ phát sinh ngày 13/10/2009, sau đó vào sổ cái TK 642.
 - Kế toán căn cứ vào phiếu chi số 1881 để vào sổ nhật ký chung nghiệp vụ phát sinh ngày 30/11/2009, sau đó vào sổ cái TK 641.Cuối tháng 10 và tháng 11 dựa vào số liệu trên sổ NKC và sổ cái TK 641 và TK 642 kế toán tiến hành lập Bảng cân đối SPS, đến cuối quý và cuối năm lập báo cáo tài chính.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM Quyền số:...

Mẫu số 02 -TT

CÔNG TY PTS HẢI PHÒNG số: 1579

QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

PHIẾU CHI

ngày 20 tháng 3 năm 2006

Ngày 13 tháng 10 năm 2009

của Bộ trưởng BTC

Họ tên ng- ời nhận tiền: Nguyễn Hùng Cường

Địa chỉ: CTY TM V À CP CPN HP

Lý do chi: Mua mực in cho phòng kế toán

Số tiền: **1.650.000** VND (Viết bằng chữ): Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng.

Kèm theo:chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền (*viết bằng chữ*)

Ngày 13 tháng 10 năm 2009

Giám đốc	Kế toán tr- ởng	Thủ quỹ	Ng- ời lập phiếu	Ng- ời nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM

Quyển số:

Mẫu số 02 -TT

CÔNG TY PTS HẢI PHÒNG

số: 1881

QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

PHIẾU CHI

ngày 20 tháng 3 năm 2006

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

của Bộ trưởng BTC

Họ tên ng- ời nhận tiền: Nguyễn Thành Trung

Địa chỉ: Vân Cơ - Việt Trì - Phú Thọ

Lý do chi: Tiền ăn ca T11/ 2009

Số tiền: **9.212.444 VNĐ** (Viết bằng chữ): Chín triệu hai trăm mười hai nghìn bốn trăm bốn bốn đồng .

Kèm theo:chứng từ gốc.....

Đã nhận đủ tiền (*viết bằng chữ*)

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Giám đốc

Kế toán tr- ởng

Thủ quỹ

Ng- ời lập phiếu

Ng- ời nhận

tiền

(Ký, họ tên,

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CTY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HP

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009

Tổng cộng: 1.980.678.028.453 1.980.678.028.453

Ngày tháng ghi số	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
	Ngày	Số			Nợ	Có
01/01	01/01	01/K	Kết chuyển thuế TNCN đã thu của Q1, Q2 năm 2008	3388 3385	410.595.406	410.595.406
02/01	02/01	NH	Cửa hàng xăng dầu số 1 nộp tiền hàng	1121 1388	196.000.000	196.000.000
.....
13/10	13/10	1579	Mua mực in cho phòng kế toán	642 133 1111	1.500.000 150.000	1.650.000
13/10	13/10	1584	Công tác phí	642 1111	2.993.636	2.993.636
.....
30/11	30/11	1881	Tổng ăn ca T11	641 3341	9.212.444	9.212.444
.....
31/12	31/12	2121	Thanh toán tiền thuế GTGT+ cước chuyển tiền	641 1111	703.635	703.635
31/12	31/12	2125	Trợ cấp thôi việc	641 1111	814.000	814.000
.....

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày.....tháng.....năm
Tổng giám đốc

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY PTS HẢI PHÒNG

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tổng cộng : 2.281.846.764 2.281.846.764

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Tháng 10/2009			
NH	02/10	Trả tiền Quảng cáo	1121	5.454.545	
NH	02/10	TT tiền mua dầu	1121	120.000	
1579	13/10	Mua mực in cho phòng kế toán	133	150.000	
			1111	1.500.000	
1584	13/10	Công tác phí	1111	2.993.636	
				
1606	16/10	Thay 01 main phòng kế toán	1111	795.000	
NH	20/10	Chuyển tiền thuế TNCN T9/09	1121	10.000	
.....

Ng-ời ghi sổ
(ký)

Kế toán tr-ởng
(Ký)

Thủ tr-ởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY PTS HẢI PHÒNG

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

TK 641- Chi phí bán hàng

Tổng cộng: 885.731.777 885.731.777

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệuTK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Tháng 11/2009			
82/T	10/11	Phí VC T8,9,10/2009	331	18.418.286	
233/TR	20/11	Quyết toán sửa chữa xe téc 16L-4493	2413-16L4493	12.506.000	
				
04/C	30/11	Xuất BHLĐ T11/09	152	1.986.228	
1881	30/11	Tổng ăn ca T11/09	3341	9.212.444	
.....

Ng-ời ghi sổ
(ký)

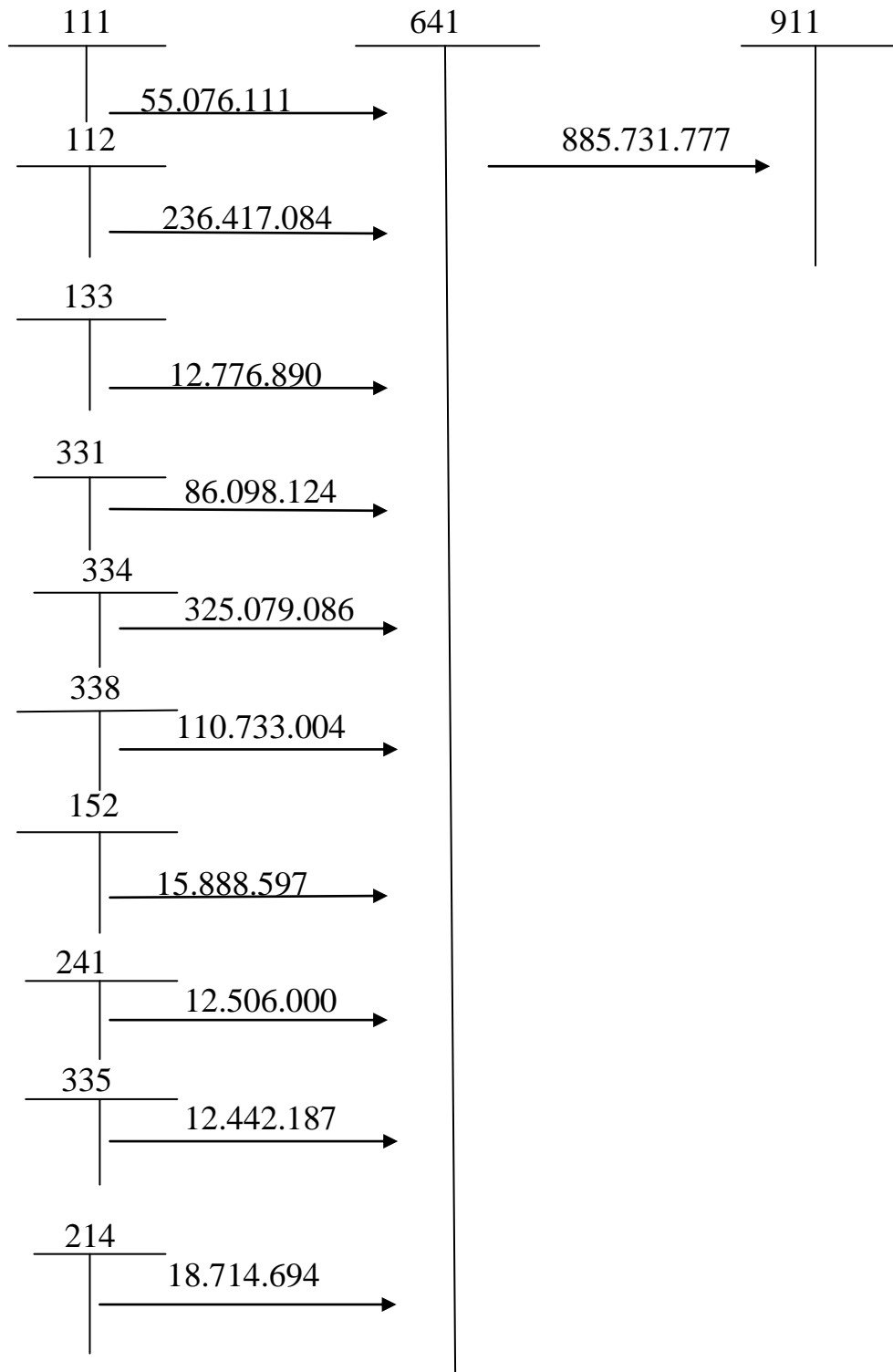
Kế toán tr-ởng
(Ký)

Thủ tr-ởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

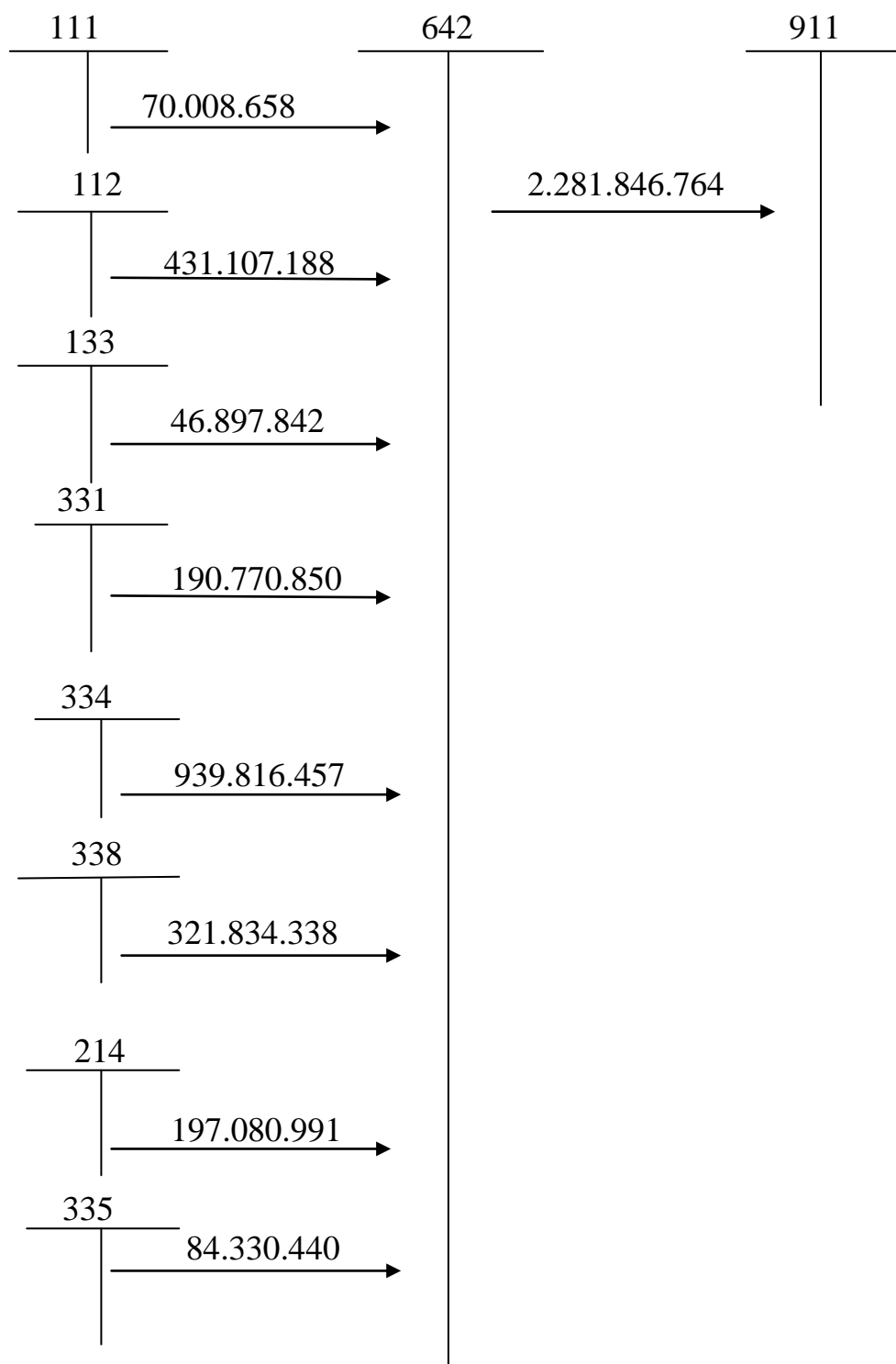
❖ **Kế toán tổng hợp chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Sinh viên: Nguyễn Hồng Quyên - Lớp QT 1003K

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP
Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng tại Công ty PTS Hải Phòng



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP
Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty PTS Hải Phòng



2.2.4.3. Kế toán chi phí tài chính.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Kế toán chi tiết chi phí tài chính

Đặc điểm: Tại Công ty PTS Hải Phòng chi phí hoạt động tài chính chủ yếu là khoản trả lãi tiền vay ngân hàng.

Tài khoản sử dụng:

TK 635: Chi phí hoạt động tài chính.

Chứng từ sổ sách sử dụng:

- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 635

Quy trình hạch toán:

Căn cứ vào chứng từ gốc như: Phiếu chi,... hàng ngày kế toán vào sổ nhật ký chung và vào sổ cái các TK 635. Cuối tháng căn cứ vào sổ cái tài khoản để vào bảng cân đối SPS. Định kỳ, cuối quý tập hợp số liệu để lập báo cáo tài chính năm 2009.

Ví dụ:

Ngày 25/12/2009 trả lãi tiền vay Techcombank từ ngày 26/11/09 đến 25/12/09 số tiền là: 18.958.333 đ

Kế toán căn cứ phiếu tính lãi tiền vay ngày 25/12/2009 để vào sổ Nhật ký chung ngày 25/12/2009, sau đó tiến hành vào sổ cái TK 635. Cuối tháng 11/2009, dựa vào sổ Nhật ký chung và Sổ cái TK 635 để lập Bảng cân đối số phát sinh. Cuối quý IV/2009, cuối năm lập báo cáo tài chính năm 2009.

PHIẾU TÍNH LÃI TIỀN VAY
Từ ngày 26/11/09 đến ngày 25/12/09

Liên 2: Giao cho khách hàng

Khé ước số: LD0800700041

Khách hàng: 78798 CTY CP VT VA DV PETROLIMEX HP

Loại vay: 21050 Working Capital

Từ ngày	Đến ngày	Số dư	Số ngày	Tích số	Lãi (%)	Tiền lãi
26/11/09	25/12/09	1.800.000.000	30	48.000.000.000	12	18.958.333

Tổng cộng: 18.958.333

Tổng tiền lãi: 18.958.333

Tiền bằng chữ: Mười tám triệu chín trăm năm tám nghìn ba trăm ba ba đồng chẵn.

Ngày tháng năm

Lập biểu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CTY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HP

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009

Tổng cộng: 1.980.678.028.453 1.980.678.028.453

Ngày tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
	Ngày	Số			Nợ	Có
01/01	01/01	01/K	Kết chuyển thuế TNCN đã thu của Q1, Q2 năm 2008	3388 3385	410.595.406	410.595.406
02/01	02/01	NH	Cửa hàng xăng dầu số 1 nộp tiền hàng	1121 1388	196.000.000	196.000.000
.....
31/10	31/10	NH	Lãi tiền gửi T10/09 ở NHGP	1121GP 515	664.898	664.898
31/10	31/10	02/C	Xuất BHLĐ cho CH 05	641 152	2.622.143	2.622.143
31/10	31/10	NH	Lãi tiền gửi T10/09 ở NH TC	1121GP 515	4.089.700	4.089.700
.....
25/12	25/12	NH	Trả tiền lãi vay từ 26/11 đến 25/12 NHTMQĐ	1121TMQĐ 635	18.958.333	18.958.333
31/12	31/12	2121	Thanh toán tiền thuế GTGT+ cước chuyển tiền	641 1111	703.635	703.635
31/12	31/12	2125	Trợ cấp thôi việc	641 1111	814.000	814.000
.....

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày.....tháng.....năm

Tổng giám đốc

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY PTS HẢI PHÒNG

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

TK 635- Chi phí hoạt động tài chính

Tổng cộng: 83.505.145 83.505.145

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệuTK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Tháng 12/2009			
NH	08/12	Trả lãi vay trước hạn	1121HPGP	39.708.077	
NH	17/12	Trả lãi T12/09	1121HPGP	11.375.000	
NH	25/12	Lãi vay từ 26/11/09 đến 25/12/09	1121TMQĐ	18.958.333	
NH	28/12	Lãi vay tới ngày 28/12/09	1121HPPG	8.119.327	
NH	29/12	Lãi vay tới ngày 29/12/09	1111 VBB	2.345.675	
.....

Ng- ời ghi sổ

(ký)

Kế toán tr- ờng

(Ký)

Thủ tr- ờng đơn vị

(Ký, đóng dấu)

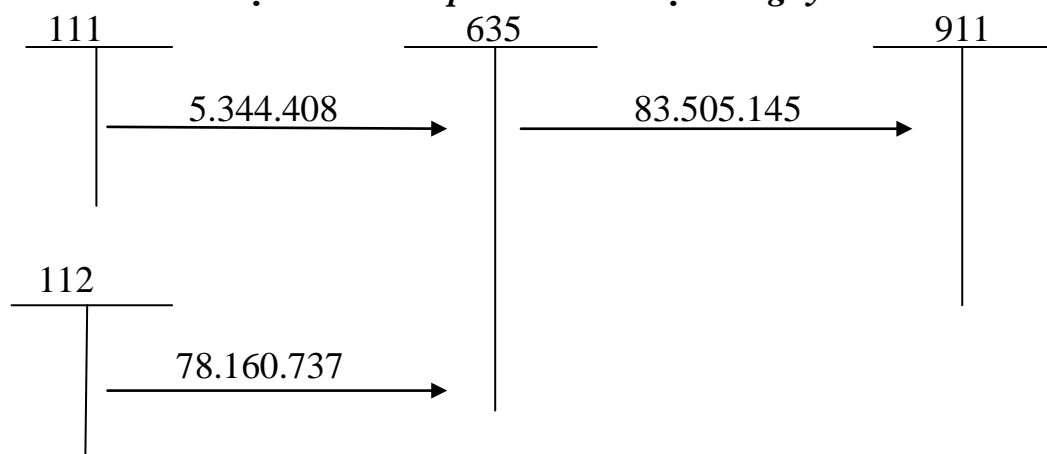
KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Kế toán tổng hợp chi phí tài chính.

Kế toán sử dụng TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính để phản ánh các khoản chi phí liên quan tới hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ của Công ty.

Từ Sổ Nhật ký chung và Sổ cái TK 635 quý IV / 2009 của Công ty PTS Hải Phòng ta có mô hình hạch toán tổng hợp chi phí tài chính như sau:

Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính tại Công ty PTS Hải Phòng



2.2.4.4. Kế toán chi phí khác.

❖ Kế toán chi tiết chi phí khác

Đặc điểm:

Chi phí khác: đây là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính. Cũng giống như thu nhập khác, chi phí cho hoạt động khác của công ty cũng chỉ là một con số nhỏ chủ yếu là chi phí từ việc thanh lý nhượng bán TSCĐ.

Tài khoản sử dụng:

TK 811: Chi phí khác

Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi
- Biên bản thanh lý TSCĐ

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

- Các chứng từ khác có liên quan.
- Sổ NKC
- Sổ cái TK 711, 811

Quy trình hạch toán

Khi phát sinh các nghiệp vụ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, kế toán dựa vào những chứng từ gốc như: hoá đơn GTGT, phiếu chi, biên bản thanh lý TSCĐ để vào sổ Nhật ký chung và vào Sổ cái TK 811.

Ví dụ:

Ngày 29/05/2009, Bán tàu PTS02, nguyên giá là 23.000.000.000 đ, Giá trị còn lại là 185.322.192đ, đã khấu hao 22.814.778.100 đ. Giá bán là 1.333.333.333đ thuế GTGT 5%, Công ty TNHH An Thắng ứng trước 100.000.000 đồng.

KHOẢ LUẬN TỐT NGHIỆP

HÓA ĐƠN

Mẫu số: 01GTKT-3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

GY/2007B

Liên 3: Nội bộ

0030988

Ngày 29/05/2009

Đơn vị bán hàng: : Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng

Địa chỉ: 61-Đường Ngô Quyền- Hải Phòng

Số tài khoản: 0200412699

Điện thoại:.....

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: công ty TNHH An Thắng

Địa chỉ: Cầu Rào, xã Tân Hương huyện Ninh Giang tỉnh Hải Dương

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán:MS: 0800122705

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
	Bán tàu PTS02 BKS: HP 0529 Tàu chở dầu trọng tải toàn phần 440T				1.333.333.333
Cộng tiền hàng :					1.333.333.333
Thuế suất GTGT: 5%		Tiền thuế GTGT: .		66.666.667	
Tổng cộng tiền thanh toán					1.400.000.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>một tỷ bốn trăm ngàn đồng chẵn</i>					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CTY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HP

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009

Tổng cộng: 1.980.678.028.453 1.980.678.028.453

Ngày tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
	Ngày	Số			Nợ	Có
01/01	01/01	01/K	Kết chuyển thuế TNCN đã thu của Q1, Q2 năm 2008	3388 3385	410.595.406	410.595.406
02/01	02/01	NH	Cửa hàng xăng dầu số 1 nộp tiền hàng	1121 1388	196.000.000	196.000.000
.....
29/05	29/05	0030988	Doanh thu bán tàu PTS02	131 711 3331	1.400.000.000	1.333.333.333 66.666.667
29/05	29/05	135	Công ty An Thắng ứng trước tiền	111 131	100.000.000	100.000.000
29/05	29/05	0030988	Giảm TSCĐ đã bán tàu PTS02	214 811 211	22.814.778.100 185.322.192	23.000.000.000
.....
31/12	31/12	14/C	Xuất NVL thanh lý vật tư không còn sd	811 133 152	21.217.000 2.121.700	23.338.700
31/12	31/12	293	KC thu nhập khác -> 911	711 911	5.269.064	5.269.064
31/12	31/12	2121	Thanh toán tiền thuế GTGT+ cước chuyển tiền	641 1111	703.635	703.635
31/12	31/12	2125	Trợ cấp thôi việc	641 1111	814.000	814.000
.....

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày.....tháng.....năm

Tổng giám đốc

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP
TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM
CÔNG TY PTS HẢI PHÒNG

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

TK 811 – Chi phí khác

Năm 2009

Tổng cộng: 265.047.337 265.047.337

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệuTK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
.....
122	31/03	KC CP hoạt động khác	911		46.061.664
0030988	29/05	Giảm TSCĐ đã nhượng bán tàu PTS02	211	185.322.192	
161	30/06	KC chi phí khác 811 -> 911	911		187.332.832
1776	13/11	Thanh toán tiền nộp chậm thuế	1111	519.408	
1910	10/12	Thanh toán tiền nộp phạt hành chính tại cảng QN	1111	9.500.000	
NH	15/12	Tiền phạt nộp chậm	1121HPPG	416.453	
.....
14/C	31/12	Xuất thanh lý vật tư không còn sd	152	21.217.000	
291	31/12	KC chi phí hoạt động khác 811 -> 911	911		31.652.861

Ng-ời ghi sổ

(ký)

Kế toán tr-ởng

(Ký)

Thủ tr-ởng đơn vị

(Ký, đóng dấu)

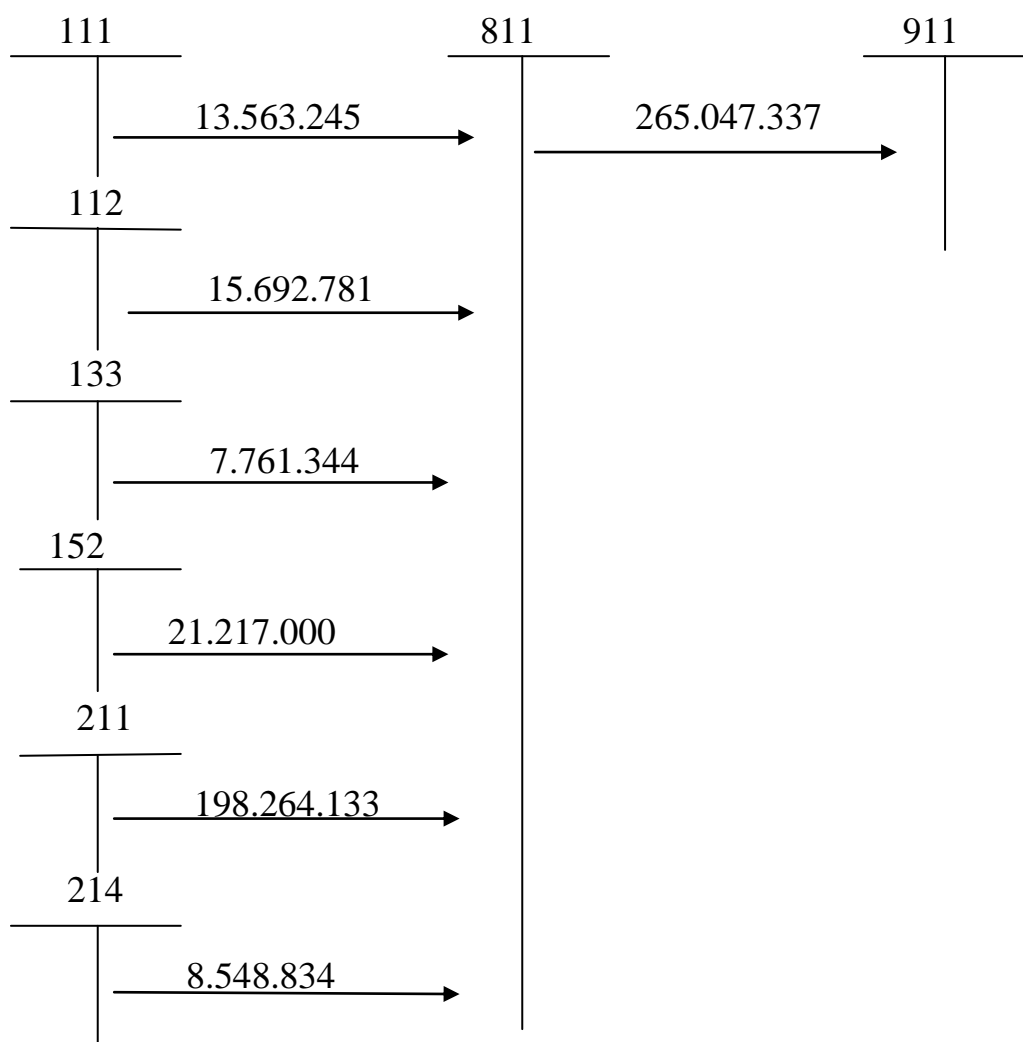
KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Kế toán tổng hợp chi phí khác

Kế toán sử dụng tài khoản 811 – Chi phí khác để phản ánh các chi phí khác (ngoài giá vốn, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp) phát sinh trong kỳ.

Năm 2009, các nghiệp vụ phát sinh chi phí khác không nhiều nên từ Sổ Nhật ký chung và Sổ cái TK 811 ta có mô hình hạch toán tổng hợp chi phí khác cho năm 2009 của Công ty PTS Hải Phòng như sau:

Sơ đồ hạch toán chi phí khác tại Công ty PTS Hải Phòng



2.2.4.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

❖ **Kế toán chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.**

Sổ kế toán sử dụng:

- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 821, 3334

Phương pháp hạch toán

Cuối năm khi xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của quý 4 theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, kế toán phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp cho Nhà nước và chi phí thuế TNDN hiện hành, kế toán hạch toán với thuế suất 25%.

Cuối quý 4 / 2009, xác định số thuế TNDN kế toán tính như sau:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Chi phí} & & \text{Tổng lợi nhuận} & & \\ \text{thuế} & = & \text{kế toán trước} & \times & \text{Thuế suất thuế} \\ \text{TNDN} & & \text{thuế} & & \text{TNDN} \end{array}$$

Thay số liệu vào ta được:

$$1.310.774.439 = 5.243.097.754 \times 25\%$$

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CTY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HP

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009

Tổng cộng: 1.980.678.028.453 1.980.678.028.453

Ngày tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
	Ngày	Số			Nợ	Có
.....
31/12	31/12	291	K/C chi phí hoạt động khác quý 4/2009	911 811	31.652.861	31.652.861
31/12	31/12	293	K/C thu nhập khác quý 4/ 2009	711 911	5.269.064	5.269.064
31/12	31/12	294	K/C thu nhập hđ tài chính quý 4/ 2009	515 911	17.311.922	17.311.922
31/12	31/12	310	K/C chi phí QLDN quý 4/ 2009	911 642	2.281.846.764	2.281.846.764
31/12	31/12	311	K/C chi phí hđ tài chính	911 635	83.505.145	83.505.145
31/12	31/12	312	K/C chi phí bán hàng quý 4/ 2009	911 641	885.731.777	885.731.777
31/12	31/12	313	K/C doanh thu bán hàng và cung cấp d.vụ quý 4/ 2009	511 911	66.420.134.448	66.420.134.448
31/12	31/12	314	K/C Giá vốn hàng bán quý 4/ 2009	911 632	57.916.881.133	57.916.881.133
31/12	31/12	315	K/C chi phí thuế thu nhập DNHH quý IV/20999	911 8211	1.310.774.439	1.310.774.439
31/12	31/12	316	K/C thuế phải nộp quý 4/ 2009	8211 3334	1.310.774.439	1.310.774.439
31/12	31/12	317	K/C lãi quý 4/ 2009	911 421	3.932.323.316	3.932.323.316
.....

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày.....tháng.....năm
Tổng giám đốc

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP
TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM
CÔNG TY PTS HẢI PHÒNG

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng cộng: 1.310.774.439 1.310.774.439

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệuTK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Quý 4/ 2009			
315	31/12	K/c chi phí thuế TNDN hiện hành quý 4/ 2009	3334	1.310.774.439	
316	31/12	K/c chi phí thuế TNDN hiện hành quý 4/ 2009	911		1.310.774.439

Ng-ời ghi sổ
(ký)

Kế toán tr-ởng
(Ký)

Thủ tr-ởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

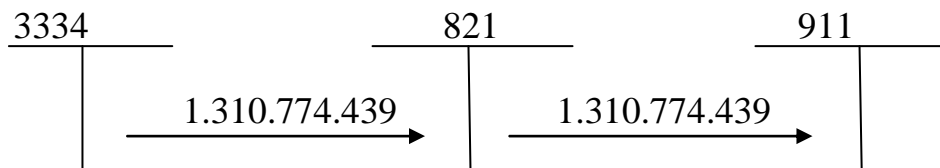
KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ **Kế toán tổng hợp chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Do trong quý IV/2009 phát sinh nhiều chi phí nên chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là 1.310.774.439 đ.

Tập hợp các số liệu từ sổ cái TK 821, sổ cái TK 911, sổ cái TK 3334 của quý IV/2009 ta có mô hình sau:

Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty PTS Hải Phòng



2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.

❖ **Kế toán chi tiết xác định kết quả kinh doanh**

Bất kỳ doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải quan tâm đến hiệu quả và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Trong đó

Kết quả sản xuất kinh doanh	=	Doanh thu thuần	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí bán hàng	-	Chi phí QL DN
Kết quả hoạt động tài chính	=	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính				

Kết quả hoạt động khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác
------------------------	---	---------------	---	--------------

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

--	--	--	--

Sổ sách sử dụng:

Để hạch toán kết quả kinh doanh, Công ty sử dụng Sổ Nhật ký chung và sổ cái các TK 511, TK 632, TK 641, TK 642, TK 911, TK 711, TK 811, TK 515, TK 635, TK 421, TK 821.

Nguyên tắc hạch toán:

Kế toán sử dụng TK 911 để xác định kết quả kinh doanh theo phương pháp hạch toán như sau:

- Căn cứ để xác định kết quả kinh doanh các số dư cuối quý, cuối năm của các TK 511, TK 515, TK 711, TK 632, TK 635, TK 641, TK 642, TK 811, TK 154. Số dư cuối quý, cuối năm của các TK 511, TK 515, TK 711 được kết chuyển vào bên Có TK 911. Số dư cuối quý, cuối năm của các TK còn lại được kết chuyển vào bên Nợ TK 911.
- Sau khi bù trừ hai bên Nợ - Có trên TK 911, kế toán xác định kết quả kinh doanh như sau:
 - + Nếu số tiền dư bên Có TK 911, tức là trong quý, năm kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là lỗ và số tiền này được kết chuyển sang bên Nợ TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối.
 - + Nếu số tiền dư bên Nợ TK 911, tức là trong quý, năm kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là lãi và số tiền này được kết chuyển sang bên Có TK 421.

Ví dụ:

Ngày 31/12/2009 kế toán tập hợp doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh trong Quý IV/ 2009.

Căn cứ vào sổ cái các tài khoản: TK 511, TK 515, TK 711, TK 632, TK 635, TK 641, TK 642, TK 811, TK 154 quý IV/2009 kế toán thực hiện việc kết chuyển sang TK 911. Và kết quả thu được là 3.932.323.316 đ- Số tiền dư bên Nợ TK 911,

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

cũng có nghĩa là quý IV/ 2009 Công ty kinh doanh có lãi 3.932.323.316 đ. Kế toán tiến hành kết chuyển số tiền này sang bên Có TK421.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CTY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HP

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009

Tổng cộng: 1.980.678.028.453 1.980.678.028.453

Ngày tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
	Ngày	Số			Nợ	Có
.....
31/12	31/12	291	K/C chi phí hoạt động khác quý 4/2009	911 811	31.652.861	31.652.861
31/12	31/12	293	K/C thu nhập khác quý 4/ 2009	711 911	5.269.064	5.269.064
31/12	31/12	294	K/C thu nhập hđ tài chính quý 4/ 2009	515 911	17.311.922	17.311.922
31/12	31/12	310	K/C chi phí QLDN quý 4/ 2009	911 642	2.281.846.764	2.281.846.764
31/12	31/12	311	K/C chi phí hđ tài chính	911 635	83.505.145	83.505.145
31/12	31/12	312	K/C chi phí bán hàng quý 4/ 2009	911 641	885.731.777	885.731.777
31/12	31/12	313	K/C doanh thu bán hàng và cung cấp d.vụ quý 4/ 2009	511 911	66.420.134.448	66.420.134.448
31/12	31/12	314	K/C Giá vốn hàng bán quý 4/ 2009	911 632	57.916.881.133	57.916.881.133
31/12	31/12	315	K/C chi phí thuê thu nhập DNHH	911 8211	1.310.774.439	1.310.774.439
31/12	31/12	316	K/C thuế phải nộp quý 4/ 2009	8211 3334	1.310.774.439	1.310.774.439
31/12	31/12	317	K/C lãi quý 4/ 2009	911 421	3.932.323.316	3.932.323.316
.....

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày.....tháng.....năm

Tổng giám đốc

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY PTS HẢI PHÒNG

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tổng cộng: 66.442.715.434 66.442.715.434

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệuTK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Quý 4/ 2009			
291	31/12	K/C chi phí hoạt động khác quý 4/2009	811	31.652.861	
293	31/12	K/C thu nhập khác quý 4/ 2009	711		5.269.064
294	31/12	K/C thu nhập hđ tài chính quý 4/ 2009	515		17.311.922
310	31/12	K/C chi phí QLDN quý 4/ 2009	642	2.281.846.764	
311	31/12	K/C chi phí hđ tài chính	635	83.505.145	
312	31/12	K/C chi phí bán hàng quý 4/ 2009	641	885.731.777	
313	31/12	K/C doanh thu bán hàng và cung cấp d.vụ quý 4/ 2009	511		66.420.134.448
314	31/12	K/C Giá vốn hàng bán quý 4/ 2009	632	57.916.881.133	
315	31/12	K/C chi phí thuế thu nhập DN	8211	1.310.774.439	
317	31/12	K/C lãi quý 4/ 2009	421	3.932.323.316	

Ng- ời ghi sổ
(ký)

Kế toán tr- ờng
(Ký)

Thủ tr- ờng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY PTS HẢI PHÒNG

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Tổng cộng: 3.480.000.000 3.932.323.316

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệuTK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Quý 4/ 2009			
317	31/12	Kết chuyển lãi quý 4/ 2009 911-> 421	911		3.932.323.316
53/K	31/12	Tạm tính cổ tức phải trả đợt 1/2009	338	3.480.000.000	

Ng-ời ghi sổ
(ký)

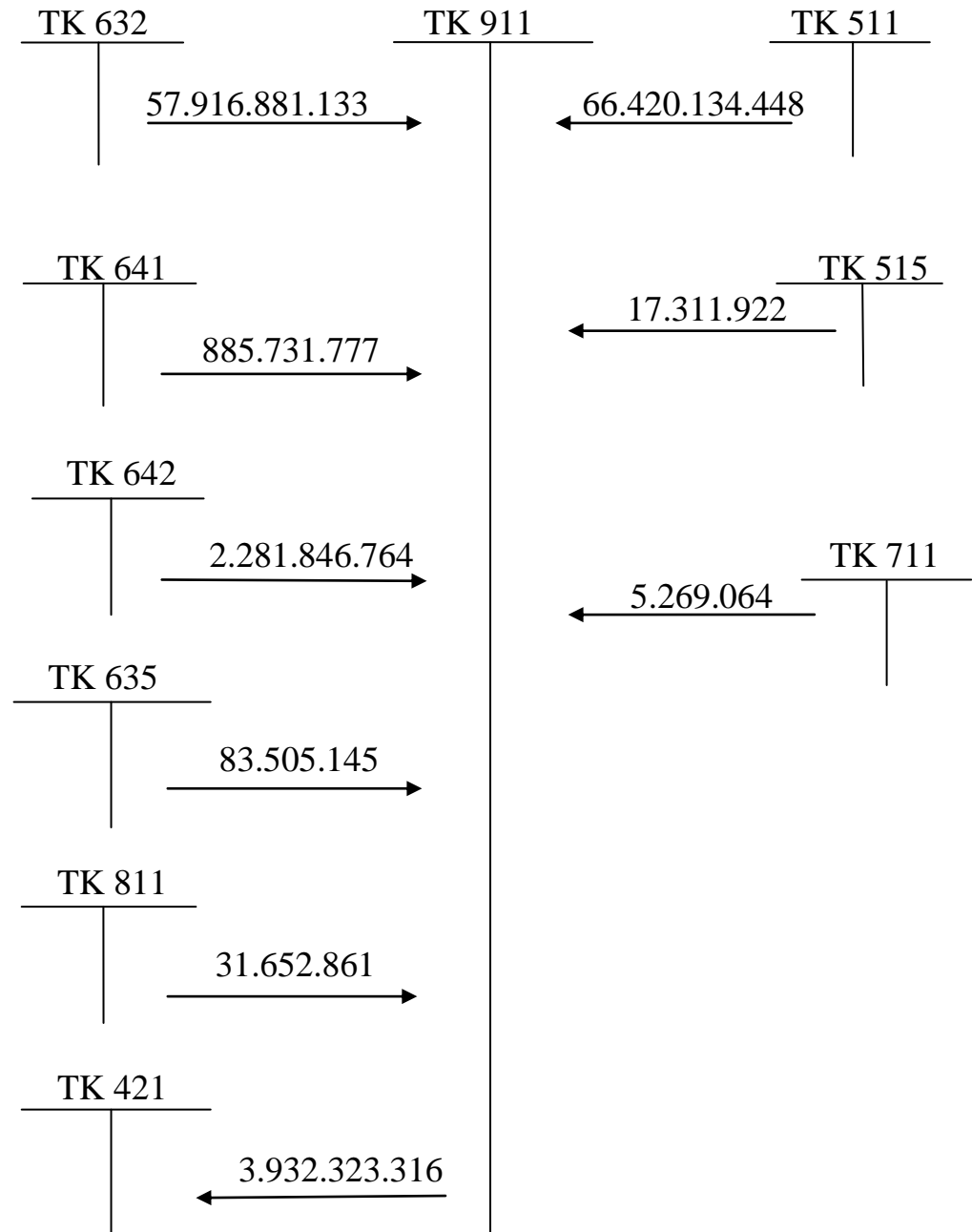
Kế toán tr-ởng
(Ký)

Thủ tr-ởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh

Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty PTS Hải Phòng



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CHƯƠNG III

HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ petrolimex Hải Phòng.

Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng là đơn vị thành viên của Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam và được Tổng công ty tạo điều kiện giúp đỡ trong việc đầu tư kỹ thuật, vật chất và con người. Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là: kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hoá dầu, sửa chữa và đóng mới phương tiện vận tải thuỷ, kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển nhà. Trong đó các lĩnh vực vận tải thuỷ, kinh doanh xăng dầu, sửa chữa cơ khí là những lĩnh vực kinh doanh truyền thống và chủ đạo của Công ty. Đây là ngành dịch vụ được Nhà nước đầu tư, khuyến khích.

3.1.1. Ưu điểm.

Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng được thành lập từ việc cổ phần hoá một bộ phận trực thuộc Công ty cổ phần vận tải xăng dầu đường thuỷ I – đơn vị anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới nên đã có những điều kiện thuận lợi nhất định ngay từ khi bắt đầu đi vào hoạt động. Công ty luôn đạt được hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo đầy đủ công ăn việc làm cho người lao động, thu nhập của cán bộ công nhân viên ổn định. Đồng thời thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước đầy đủ. Điều đó khẳng định vị thế, vai trò của Công ty trên toàn quốc.

❖ Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động thực sự có hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời, nhanh chóng.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Cơ cấu của phòng tài chính gọn nhẹ, chặt chẽ, mỗi người phụ trách một mảng riêng, có nhiệm vụ và quyền hạn đối với mỗi phần hành của mình. Cán bộ kế toán có tính độc lập, trình độ năng lực chuyên môn cao, có nhiệt tình và lòng yêu nghề, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhiều năm liền chưa để xảy ra sai phạm đáng kể trong kinh tế tài chính, hạch toán thống kê. Do vậy mà bộ máy kế toán Của công ty luôn ổn định và đảm bảo việc theo dõi, báo số hàng tháng của Công ty đúng hạn. Giám sát và quản lý các chi phí phát sinh theo đúng pháp luật và quy định của Công ty. Điều này giúp cho công tác quản lý của Công ty nói chung và công tác kế toán nói riêng không ngừng củng cố và lớn mạnh.

❖ Nhìn chung công ty thực hiện đầy đủ và chính xác chế độ kế toán cũng như chuẩn mực ban hành, cụ thể:

➤ *Chứng từ kế toán:* Kế toán sử dụng hệ thống chứng từ kế toán đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ phát sinh. Những thông tin về nghiệp vụ kế toán được ghi đầy đủ, chính xác vào chứng từ, tạo điều kiện cho việc tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ, các kế toán ở phần hành nào thì lưu trữ chứng từ liên quan đến phần hành đó. Vì vậy, đảm bảo tính không chồng chéo và nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng.

➤ *Sổ sách kế toán:* Các sổ sách kế toán kế toán được thực hiện rõ ràng, sạch sẽ và được in ra lưu trữ theo các chuẩn mực chung của Nhà nước. Công ty áp dụng hệ thống sổ kế toán theo hình thức ‘Sổ Nhật ký chung’. Đây là hình thức sổ được áp dụng khá phổ biến, có ưu điểm phù hợp với điều kiện kế toán chung của Công ty, hạn chế được số lượng sổ sách công kênh, giảm bớt được khối lượng ghi chép, dễ hiểu, dễ làm.

➤ *Hệ thống tài khoản sử dụng:* Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo quyết định số

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt

Nam do Bộ tài chính ban hành và các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung.

➤ *Ứng dụng công nghệ thông tin:* Công ty đã tích cực trong việc đưa máy vi tính vào công tác hạch toán kế toán nhằm tăng tốc độ cung cấp thông tin, tăng độ chính xác của thông tin cần cung cấp và tăng hiệu quả của công tác kế toán.

❖ *Về hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và kết quả*

kinh doanh tại Công ty:

➤ Công ty đã nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế của những thay đổi về chế độ kế toán đã áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp, đặc biệt là vấn đề hạch toán doanh thu, chi phí, và kết quả kinh doanh tại đơn vị.

➤ Được sự hướng dẫn của kế toán trưởng của Công ty nên công tác hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty hiện nay rất nhanh chóng và chính xác. Đồng thời cùng với sự hỗ trợ đắc lực bởi hệ thống máy vi tính với những chương trình phần mềm được cài đặt sẵn, phần lớn doanh thu và chi phí đều được hạch toán và theo dõi chi tiết, chặt chẽ theo từng vụ việc giúp cho việc đánh giá hiệu quả của từng hợp đồng kinh tế được dễ dàng.

➤ Việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đảm bảo thống nhất về nhiệm vụ và phương pháp tính toán các chỉ tiêu, đáp ứng yêu cầu của ban giám đốc trong việc cung cấp các thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của toàn công ty một cách kịp thời và chính xác.

3.1.2. Hạn chế.

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng vẫn tồn tại một số hạn chế sau:

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

➤ Kế toán Công ty chưa lập các chứng từ để phản ánh bút toán kết chuyển khi hạch toán kết quả kinh doanh. Mà hạch toán ban đầu là quá trình theo dõi, ghi chép hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào các chứng từ kế toán để làm cơ sở cho việc hạch toán tổng hợp, hạch toán chi tiết. Số liệu để hạch toán kế toán tài chính là số liệu kế thừa các phần hành kế toán trước đó. Thông qua số liệu của kế toán doanh thu, kế toán chi phí kinh doanh... có thể xác định được kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Việc kế toán không lập các chứng từ ban đầu để phản ánh các bút toán kết chuyển sẽ không có căn cứ ghi sổ kế toán, người xem khó theo dõi, kiểm tra quy trình ghi chép của kế toán. Mặt khác, khi muốn tìm hiểu thì phải rà soát lại các phần hành trước và phải tự cộng số liệu rất mất thời gian, việc báo cáo số liệu của kế toán sẽ không kịp thời

➤ Kế toán công ty chưa xác định cụ thể kết quả kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác mà chỉ phản ánh chung về kết quả kinh doanh của công ty.

Việc phản ánh như vậy gây khó khăn cho ban lãnh đạo đưa ra các quyết định điều chỉnh các hoạt động một cách kịp thời và chính xác.

➤ Hiện nay công ty chưa có chính sách để thu hút khách hàng, thúc đẩy quá trình bán hàng như chiết khấu thương mại (phản ánh qua tài khoản 521), giảm giá hàng bán (phản ánh qua tài khoản 532).

Bán hàng là nhiệm vụ hết sức quan trọng, quyết định lớn đến việc thu được lợi nhuận về cho doanh nghiệp. Việc không áp dụng các chính sách ưu đãi đối với khách hàng sẽ làm giảm hiệu quả của công tác bán hàng, giảm năng lực cạnh tranh trên thị trường, việc thu hồi vốn chậm dẫn tới không đầy nhanh vòng quay vốn, hiệu quả kinh doanh giảm.

➤ Hiện nay Công ty đã áp dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán kế toán, nhưng nhân viên kế toán chưa thực sự ứng dụng được một cách hiệu

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

quả phần mềm kế toán vào công tác hạch toán kế toán. Vì theo phương pháp ghi sổ trên phần mềm máy vi tính thì hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra là hợp lệ để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động cập nhập vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ chi tiết có liên quan. Như vậy, kế toán có thể thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ), và lập Báo cáo tài chính bất cứ thời điểm nào cần thiết chứ không nhất thiết cứ theo nếp hạch toán máy móc của việc ghi chép tay là vào cuối tháng, cuối quý, hay cuối năm như thực tế hiện nay kế toán đang thực hiện.

Việc không tổ chức đào tạo trau dồi thêm kiến thức về sử dụng phần mềm máy vi tính vào công tác kế toán cho nhân viên kế toán khiến cho Công ty phần nào lãng phí nhân lực, làm chậm đi việc theo dõi tình hình kinh doanh của Công ty trong khi có thể theo dõi sát sao hơn, khiến các nhà lãnh đạo Công ty không đưa ra được những phương án cải thiện tình hình kinh doanh một cách kịp thời và nhanh chóng nhất tới mức có thể.

➤ Số lượng nhân viên phòng kế toán của Công ty là ít trong khi khối lượng công việc kế toán lại rất nhiều đặc biệt là kế toán cho khối vận tải. Hiện chỉ có 4 kế toán viên phân công phụ trách các lĩnh vực kinh doanh khác nhau của Công ty nên có người sẽ phải đảm nhận nhiều lĩnh vực kinh doanh.

Việc thiếu nhân sự sẽ ảnh hưởng rất lớn tới tính kịp thời của các báo cáo kế toán cũng như việc cung cấp các thông tin cần thiết cho ban giám đốc Công ty về kết quả kinh doanh và chi phí sản xuất.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.

- Trong cơ chế thị trường hiện nay, với sự khuyến khích và mở cửa của Nhà nước đã xuất hiện không ít những doanh nghiệp tham gia vào các lĩnh vực kinh doanh khác nhau. Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, có nhiều công cụ khác nhau trong đó kế toán là một công cụ hữu hiệu trong nền kinh tế thị trường đầy rủi ro và tính cạnh tranh cao, mang lại nhiều lợi nhuận nhất và tiết kiệm chi phí nhất đến mức có thể. Để làm được điều đó, đòi hỏi phải tổ chức khâu quản lý thật chặt chẽ và hiệu quả.

- Mặt khác, kế toán tài chính giống như “ Quả tim” của doanh nghiệp, nó cho biết được “ Tình trạng sức khỏe” của doanh nghiệp. Bộ máy kế toán yếu kém thì tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cũng không thể hiệu quả. Về lâu dài thì điều này là không tốt cho doanh nghiệp. Bởi vậy, việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty là hết sức cần thiết.

- Tổ chức được bộ máy kế toán hiệu quả sẽ giúp cho nhà quản lý nắm bắt được tình hình tài chính cũng như tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ một cách kịp thời, chính xác. Từ đó giúp nhà quản lý xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển công ty và quyết định đầu tư đúng đắn, đưa doanh nghiệp ngày càng phát triển bền vững.

3.3. Mục đích và yêu cầu của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.

Mục đích của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là tạo hướng đi đúng đắn đưa công tác kế toán đi vào nề nếp, với các doanh nghiệp việc hoàn thiện này không nằm ngoài mục tiêu tăng doanh thu, giảm chi phí và đạt lợi nhuận cao.

Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty phải đảm bảo được các yêu cầu sau:

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

- Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra.

- Số liệu kế toán phải phản ánh một cách kịp thời, chính xác. Việc phản ánh số liệu một cách chính xác, kịp thời là điều hết sức cần thiết và quan trọng đối với các cơ quan chức năng: đối với cơ quan thuế – giúp cho việc tính toán thuế và các khoản phải nộp vào ngân sách Nhà nước; đối với ngân hàng- giúp cho việc tính lãi tiền vay, tiền gửi và việc thu hồi vốn và lãi; quan trọng là đối với ban lãnh đạo của doanh nghiệp trong việc đưa ra phương hướng và kế hoạch cụ thể cho kỳ kinh doanh tiếp theo.

- Số liệu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và công khai, đây là điều đặc biệt quan tâm của doanh nghiệp và các đối tác tham gia góp vốn liên doanh, liên kết.

- Đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả thiết thực, khả thi. Bất kỳ một doanh nghiệp nào dù là tư nhân hay nhà nước đều có chung mong muốn là tiết kiệm được chi phí, thu được lợi nhuận cao, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

3.4. Những ý kiến của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.

Trên cơ sở những yêu cầu của việc hoàn thiện và thực trạng của kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng, em xin đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty như sau:

3.4.1. Ý kiến 1: Hoàn thiện hệ thống chứng từ kế toán.

Mục đích của việc lập các chứng từ này là để tập hợp và phản ánh một cách đầy đủ và chi tiết các khoản doanh thu, chi phí được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Chứng từ có thể được lập theo mẫu sau:

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP
PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày ... tháng... năm....

Số phiếu:

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
A	B	C	D	E
Cộng				

Bảng chữ:

Ngày ... tháng ... năm ...

Kế toán trưởng

Người lập biểu

- + Cột A, C : Ghi tóm tắt tên, nội dung nghiệp vụ phát sinh
- + Cột B: Ghi số hiệu của tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có của nghiệp vụ này.
- + Cột D,E: Ghi số tiền của tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có của nghiệp vụ này.

Chứng từ được lập ra là căn cứ pháp lý do việc bảo vệ tài sản và xác minh tính hợp pháp trong việc giải quyết các mối quan hệ kinh tế, pháp lý thuộc đối tượng của hạch toán kế toán nói chung và kế toán xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Đồng thời giúp cho các cơ quan quản lý dễ dàng kiểm tra quy trình ghi chép của kế toán trong việc hạch toán kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, đỡ mất thời gian rà soát lại các sổ tài khoản doanh thu, chi phí.

Là cơ sở để phân loại, tổng hợp các nghiệp vụ hạch toán kết quả kinh doanh vào các sổ kế toán. Đồng thời là thông tin kịp thời, đúng lúc, giúp cho kế toán, chủ doanh nghiệp có cơ sở để đối chiếu, so sánh khi cần thiết và tránh nhầm lẫn sai sót

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

khi ghi các bút toán kết chuyển vào sổ sách, góp phần triệt để hạch toán kinh doanh nội bộ.

Ví dụ: Ngày 31/12/2009 kết chuyển chi phí tài chính để xác định kết quả kinh doanh của Công ty, số tiền 83.505.145 đồng. Kế toán cần lập phiếu kế toán sau:

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số phiếu: 25

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
A	B	C	D	E
K/c chi phí tài chính	635			83.505.145
K/c chi phí tài chính	911		83.505.145	
Cộng			83.505.145	83.505.145

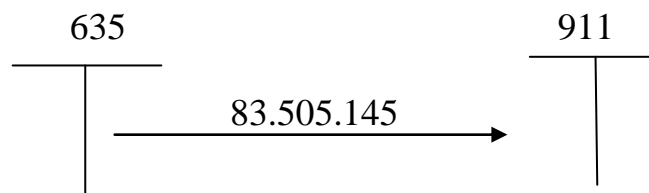
Bảng chữ: Tám mươi ba triệu năm trăm lẻ năm nghìn một trăm bốn năm.

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

Từ phiếu kế toán kế toán có thể xác định nhanh chóng số liệu tổng hợp được kết chuyển từ TK 635 sang TK 911.



3.4.2. Ý kiến 2: Hoàn thiện kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác. Kết quả hoạt động kinh doanh của toàn doanh nghiệp bao gồm kết quả kinh doanh, kết quả của hoạt động tài chính và kết quả của hoạt động khác. Yêu cầu đặt ra là kế toán phải phản ánh trung thực và

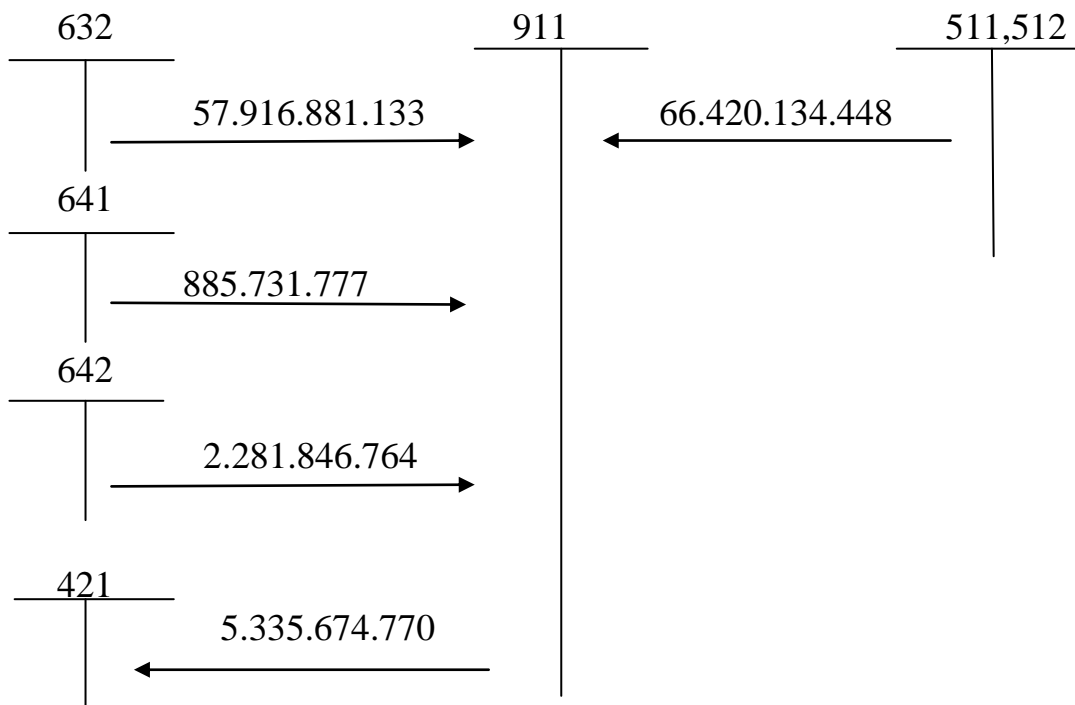
KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

chính xác kết quả của từng hoạt động để giúp cho nhà quản lý có những quyết định, những hướng đi đúng cho hoạt động của doanh nghiệp.

Để phản ánh rõ ràng kết quả của từng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán nên mở sổ chi tiết tài khoản 911 cho từng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để theo dõi.

Từ việc hạch toán chi tiết kết quả kinh doanh của từng hoạt động trong Công ty, ban lãnh đạo có thể đề ra phương hướng phát triển kinh doanh của Công ty trong thời gian tới phù hợp với điều kiện của Công ty và theo xu hướng thị trường.

Sơ đồ hạch toán kết quả kinh doanh quý 4/2009 của Công ty PTS Hải Phòng



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

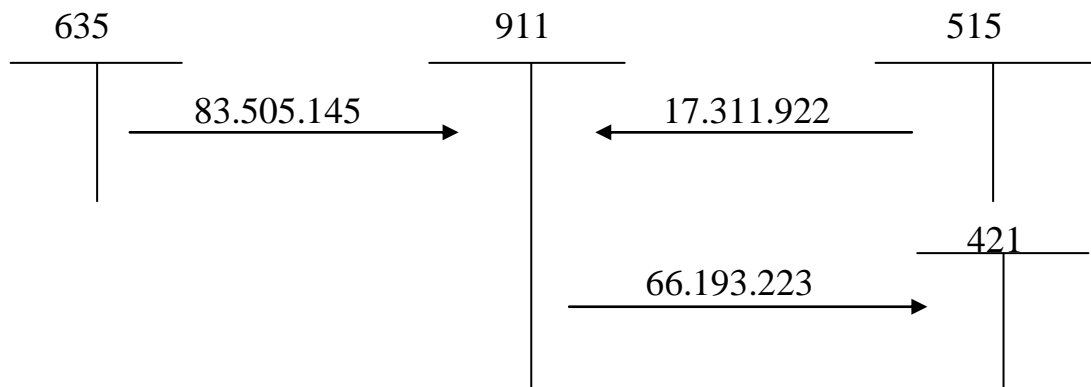
SỔ CHI TIẾT

Tài khoản: 9111- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Quý 4/2009

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
31/12	314	31/12	K/c GVHB	632	57.916.881.133	
31/12	310	31/12	K/c Chi phí QLDN	642	2.281.846.764	
31/12	312	31/12	K/c Chi phí bán hàng	641	885.731.777	
31/12	313	31/12	K/c Doanh thu bán hàng	511		66.420.134.448
31/12	317	31/12	K/c kết quả hoạt động SXKD	421	5.335.674.770	
			Cộng SPS		66.420.134.448	66.420.134.448

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ hạch toán kết quả hoạt động tài chính quý 4/ 2009 của Công ty PTS Hải Phòng.



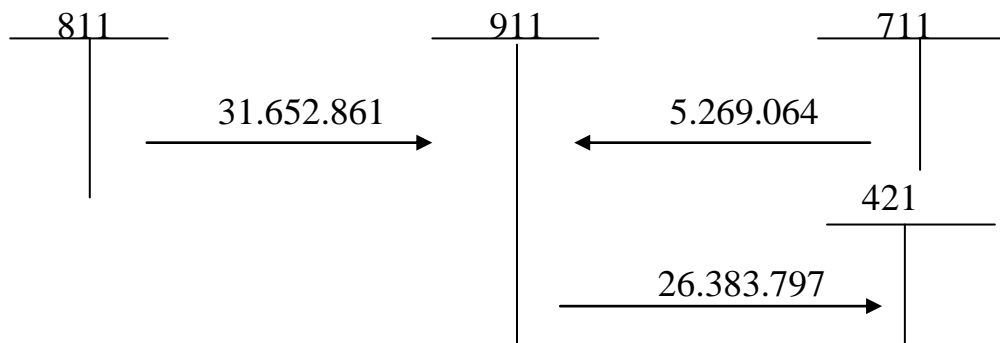
SỔ CHI TIẾT

Tài khoản: 9112- Kết quả hoạt động tài chính
Quý 4/2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
31/12	294	31/12	K/c DT hoạt động TC	515		17.311.922
31/12	311	31/12	K/c CP TC	635	83.505.145	
31/12	311	31/12	K/c kết quả hoạt động tài chính	421		66.193.223
			Cộng SPS		83.505.145	83.505.145

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ hạch toán kết quả hoạt động khác quý 4/ 2009 của Công ty PTS Hải Phòng



SỔ CHI TIẾT

Tài khoản: 9113- Kết quả hoạt động khác
Quý 4/2009

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
31/12	293	31/12	K/c thu nhập khác	711		5.269.064
31/12	291	31/12	K/c chi phí khác	811	31.652.861	
31/12		31/12	K/c kết quả hđ khác	421		26.383.797
			Cộng SPS		31.652.861	31.652.861

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

3.4.3. Ý kiến 3: Hoàn thiện hệ thống tài khoản kế toán

Để đẩy nhanh công tác cung cấp dịch vụ, thu hồi nhanh chóng tiền cước dịch vụ, Công ty cần có chế độ khuyến khích đối với khách hàng.

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán và giảm giá hàng bán. Khi áp dụng chính sách này kế toán phải mở TK 521 - Chiết khấu thương mại, TK 532 - Giảm giá hàng bán để theo dõi.

Để áp dụng chiết khấu thanh toán và giảm giá hàng bán trước hết Công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Có thể quy định mức chiết khấu như sau:

- Nếu khách hàng thanh toán tiền hàng trước thời hạn 10 ngày thì được hưởng chiết khấu 1% tính trên tổng số tiền đã thanh toán.
- Nếu khách hàng thanh toán tiền trước thời hạn 20 ngày thì được hưởng chiết khấu 2% trên tổng số tiền thanh toán.

Sau khi xác định được mức chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua tài khoản 635 “ Chi phí tài chính”.

- Nếu khách hàng là lâu năm, thường mua với khối lượng xăng hay dầu trên 10.000 lít có thể giảm giá 0,2 % trên giá bán.

Hiệu quả của việc hoàn thiện:

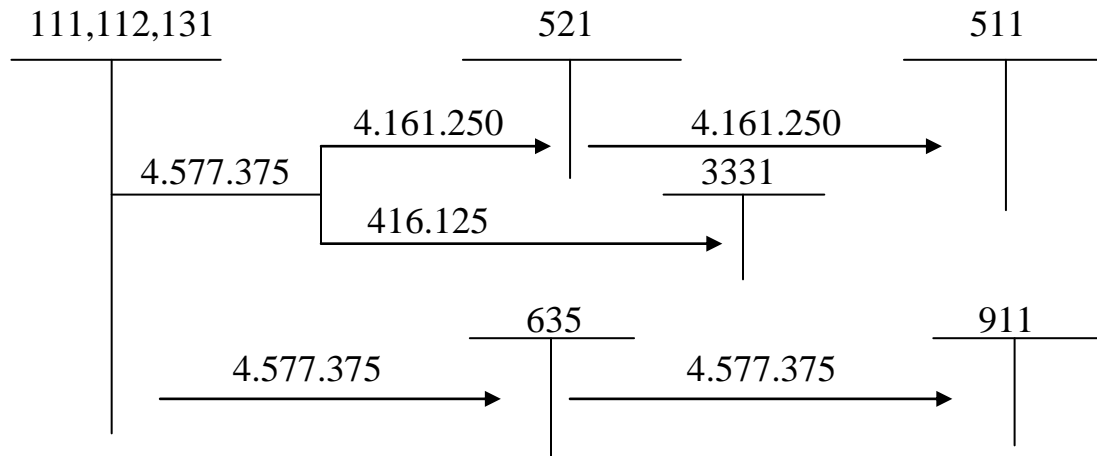
Với các biện pháp khuyến mãi này có thể Công ty không chỉ giữ được các khách hàng truyền thống mà còn tăng được khối lượng khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của Công ty trong việc bán hàng và thanh toán, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng thêm năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Việc mở thêm các tài khoản này góp phần hoàn thiện đầy đủ, cụ thể hơn nữa hệ thống tài khoản kế toán cho Công ty, đáp ứng yêu cầu của hạch toán kế toán tiêu thụ.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ:

Công ty xăng dầu Thanh Hoá mua 50.000 lít xăng, giá bán chưa thuế 10% là 8322,5 đồng/ lít .Công ty áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng nên giảm 1% trên giá bán chưa thuế.



3.4.4. Ý kiến 4: Tổ chức nâng cao trình độ sử dụng phần mềm vi tính của đội ngũ kế toán.

Để việc áp dụng phần mềm vi tính vào công tác kế toán được nhanh chóng kịp thời mà vẫn khoa học Công ty nên tổ chức ngay cho cán bộ nhân viên kế toán được học bồi dưỡng cấp tốc về cách thức sử dụng phần mềm vi tính vào trong công tác kế toán một cách hiệu quả và khoa học nhất. Trình độ sử dụng phần mềm kế toán càng cao thì công việc hạch toán kế toán trong doanh nghiệp càng nhanh chóng, chính xác, khoa học và có thể đóng góp ý kiến cho ban lãnh đạo của Công ty kịp thời, nhanh chóng.

3.4.5. Ý kiến 5: Hoàn thiện về nhân sự

Cần bổ sung nhân sự cho phòng kế toán. Số lượng nhân viên kế toán của Công ty hiện nay còn thiếu so với quy mô và số lượng công việc thực tế đòi hỏi. Mặc dù các nhân viên kế toán đều là những cán bộ trẻ, năng động, có trình độ

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

chuyên môn, luôn hoàn thành nhiệm vụ của mình góp phần không nhỏ vào sự nghiệp phát triển của Công ty. Mặt khác, hình thức ghi sổ kế toán là hình thức nhật ký chung nên công việc thường dồn vào cuối kỳ, mà khối lượng công việc lại hoàn toàn do kế toán trưởng đảm nhiệm. Do vậy, việc cung cấp các thông tin cần thiết cho ban giám đốc sẽ không đảm bảo về mặt thời gian cũng như độ chính xác. Do đó yêu cầu cấp thiết đặt ra cho Công ty là phải tuyển thêm nhân viên kế toán. Bởi vì khi số lượng nhân viên kế toán được bổ sung, khối lượng công việc của kế toán sẽ được san sẻ bớt đặc biệt là kế toán khối vận tải. Như vậy sẽ đảm bảo được cho chất lượng cũng như tiến độ của công việc yêu cầu.

3.5. Ý nghĩa của việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hoá, việc sử dụng các khoản phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp để thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm, điều tiết chi phí hoàn thiện quá trình này cho phép hạ giá thành sản phẩm tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình hạch toán nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ chính xác tin cậy cao, giúp cho nhà quản lý đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua số liệu kế toán phản ánh sẽ thấy được những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp, từ đó nhà quản lý sẽ đề ra những biện pháp giải quyết kịp thời những khó khăn hoặc phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

KẾT LUẬN

Hoà cùng bước tiến của đất nước, mỗi doanh nghiệp đang từng ngày nỗ lực hết mình để vươn lên trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt được mức lợi nhuận như mong muốn và tạo lập giá trị doanh nghiệp bền vững. Trong cơ chế thị trường hiện nay, khi tính chất cạnh tranh ngày càng gay gắt thì việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở mỗi doanh nghiệp cũng phải được hoàn thiện hơn.

Khoá luận: “ ***Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng***” của em đã đề cập đến những vấn đề sau:

Về lý luận: Khoá luận đã nêu được một số vấn đề cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Về thực tiễn: Khoá luận đã phản ánh một cách đầy đủ thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty, đồng thời sử dụng số liệu năm 2009 để chứng minh cho những lập luận đã nêu.

Về kiến nghị: Nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh ở Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng, từ thực tế nắm bắt được đối chiếu với những lý luận đã học và qua tìm hiểu nghiên cứu tài liệu, sách báo khoá luận đã nêu ra một số ý kiến về hoàn thiện Công tác quản lý, sản xuất kinh doanh và hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nói chung, hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh nói riêng.

Các kiến nghị đề xuất mới chỉ là bước đầu mang nặng tính lý luận song cũng là những vấn đề để Công ty PTS Hải Phòng tham khảo, và phần nào có thể thực hiện nếu thấy hợp lý.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Do điều kiện thời gian và trình độ còn hạn chế, khoá luận không thể tránh khỏi những thiếu sót, khuyết điểm, em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của ban lãnh đạo Công ty PTS Hải Phòng, của thầy cô và của thầy giáo hướng dẫn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ quý báu này!

Hải Phòng, ngày... tháng ... năm 2010

Sinh viên

Nguyễn Hồng Quyên

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Danh mục tài liệu tham khảo:

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) - Hệ thống tài khoản kế toán – Nhà xuất bản Tài chính.
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) – Báo cáo tài chính - Chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán – Nhà xuất bản tài chính.
3. Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới – TS Võ Văn Nhị.
4. Số liệu, sổ sách kế toán năm 2009 của Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.
5. Quản trị tài chính doanh nghiệp - Trường Đại học Tài chính kế toán Hà Nội.
6. Các tài liệu tham khảo khác.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP